

VẤN ĐỀ

NGUYỆT SAN CHÍNH TRỊ KINH TẾ XÃ HỘI VĂN HÓA

Số 32

Tháng 3-1970

mai thảo	1	triển vọng điện ảnh việt nam 1970
thế vũ	7	những người ở gần nhau
phạm thiên thư	17	ngọ xưa
nguyễn đình toàn	18	một mình
holmes welch	25	phật giáo lục địa trung quốc từ sau cách mạng văn hóa
phạm công thiện	39	bông rưng nhiều hay ít
túy hồng	43	những sợi tóc không
phan lạc phúc	49	phố cũ
định nguyên	53	thành phố
mường mán	63	trên bến xuân xưa
nguy ngữ	66	một sớm mai nào
từ kế tường	73	hàng cây đợi chờ mùa xuân
trần đoãn nhô	84	ngút ngàn
huỳnh phan anh	95	tấm gương
vũ khắc khoan	106	vấn đề nghệ thuật trình diễn tại miền nam

CHỦ NHIỆM SÁNG LẬP: **VŨ CÔNG TRỰC**
CHỦ BIÊN: **VŨ KHẮC KHOAN**
THƯ KÝ TÒA SOẠN: **MAI THẢO**

Tiền bạc và ngân phiếu gửi cho bà BÙI-THỊ HÒA-KHANH

Tòa soạn: 38, Phạm Ngũ Lão, Saigon

ĐẶNG PHÙNG QUÂN

khám phá tha nhân trong triết học hiện đại

Ngày nay, triết học hiện sinh đã đi vào lịch sử triết học và định vị trí, không còn cái bùng nổ của một cuộc khuấy động tư tưởng.

Xuất hiện như một tư tưởng được hình thành trong thời kỳ khủng hoảng của xã hội tây phương, triết học hiện sinh tập trung nỗ lực khai phá những giới hạn của hiện hữu cá nhân, về cái chết, sự kinh hoàng và thất bại. Đối với một suy tưởng truyền thống, chống đối triết thuyết hiện sinh có ý nghĩa như giả định sự hiện hữu một chủ thể tập thể ở bên trên chủ thể cá nhân, và như vậy, có một lịch sử diễn biến ở bên trên sử tính, bao hàm và vượt lên trên sử tính.

Chính trong tương tranh này, tư tưởng hiện sinh luôn luôn làm mới vấn đề. Khám phá ra chủ thể tính là một đặc điểm của những tư tưởng triết lý hướng về thân phận con người, nhưng tư tưởng hiện sinh đã thực sự đặt chủ thể tính lên trên một bình diện hoàn toàn mới mẻ. Trong chiều hướng đó, khám phá tha nhân và hiện hữu tha nhân dường như là một khía cạnh độc đáo và đặc sắc của triết học hiện sinh. Trước đây, triết học truyền thống chỉ chú tâm đến vấn đề tha thể và đồng thể. Triết học hiện sinh không quan tâm đến tính chất trừu tượng, mà nỗ lực đến gần với đời sống thực tại và cụ thể của con người. Chính vì vậy, tha thể chỉ có ý nghĩa như một tha nhân. Với nỗ lực thường trực chống đối những khuynh hướng duy lý và chủ nghĩa hình thức, triết thuyết hiện sinh từ chối đề cập đến những khái niệm tổng quát — nói như G. Marcel — những khái niệm này thuộc lãnh vực vấn đề, trong khi dự phóng triết học nhằm nền tảng huyền nhiệm. Cho nên không có một triết học về cái bi đát được coi như tự tại, mà chỉ có cái bi đát do người này tạo ra cho người kia. Chính người với người làm khổ lẫn nhau. Trong sự xung đột thường trực ấy, bi đát là hiện thể của người này đối với người kia, là tương quan

Ngày hôm trước, khách và chủ cùng dự lễ ở tu viện chính Bắc Kinh và ngày hôm sau, mùng 4 tháng 8, phái đoàn Phật tử nước bạn đã được Kuo Mo-Jo (1) tiếp kiến. »

Theo chỗ tôi tìm hiểu, đó là tin tức cuối cùng của sinh hoạt Phật giáo trên báo chí đại lục Trung quốc từ ba năm nay. (2). Không những tin tức về các phái đoàn Phật tử các nước bạn vắng bật (kể cả phái đoàn trên, bắt tin luôn từ khi thăm Tây an) mà cũng chẳng thấy báo đăng tin gì về Hội Phật giáo Trung quốc hoặc về các hội viên hội này (3) cùng là sinh hoạt của tăng ni và Phật tử. Cùng với các tôn giáo khác, Phật giáo dường như đã đột biến khỏi sân khấu Trung quốc.

Sự kiện nói trên không phải không có báo trước. Chẳng là các lãnh tụ Phật giáo Trung quốc muốn chứng tỏ ra điều họ cũng có thể góp phần phục vụ cho đường lối ngoại giao, song họ đã liên tiếp thất bại. Từ bao năm rồi, họ có ý muốn giành nắm quyền kiểm soát tổ chức Phật giáo lớn bậc nhất là Hội Phật tử Thế giới. Nhưng họ đã bị vấp trong kỳ đại hội lần thứ 6 do chính nước bạn Cam bốt tổ chức năm 1961, đã hoài công phản đối khi Hội quyết định dời cơ sở chính sang một nước không thân thiện là Thái Lan năm 1963 và họ lại càng dễ lộ cho mọi người thấy sự thất bại của họ khi tầy chay đại hội lần thứ 7 cuối năm 1964 (4). Lúc bấy giờ hy vọng của họ chuyển sang miền Nam VN, nơi phong trào Phật tử đang hoạt động mạnh, do đó có thể có cơ hội thực hiện nhiều mưu đồ quan trọng. Tháng 10/1963 và tháng 6/64 Hội Phật tử Trung quốc đã rầm rộ tổ chức khai hội, có phái đoàn gần chục quốc gia tới tham dự, trong số đó có vài nước chưa hề gởi phái đoàn Phật tử sang Trung quốc lấy một lần. Hiên nhiên Hoa Lục muốn tung ra một tổ chức Phật giáo quốc tế khác để cạnh tranh với Hội Phật tử Thế giới. Âm mưu này cũng thất bại nốt. Cuối cùng họ chỉ có thể vận động một số đại biểu ký tên vào mấy bản tuyên ngôn lời lẽ hơi « yếu » để tố cáo Hoa Kỳ gây chiến ở VN (5). Lúc bấy giờ thì phong trào Phật giáo ở VN đã bắt đầu phân hóa. Cho nên đến cuối 1964, ngày 11-2-65, hội Phật giáo Trung quốc chỉ có thể cho ra một bản kháng nghị cuối cùng về VN. Mùa Xuân

năm đó chấm dứt mọi liên lạc Phật sự với các nước, trừ Nhật bản.

Trong khoảng thời gian đó ở nội địa Trung quốc lại có một biến chuyển đáng kể. Từ 1963 tới 1965 — có lẽ để phản ứng vụ sinh hoạt tôn giáo trong nước có cơ trở dậy vào khoảng giữa 1960 — 1962 (coi 6) — nhiều báo đại lục đặt đề tài thảo luận : « Vai trò tôn giáo trong đời sống ở Trung quốc, quá khứ và tương lai » (7). Cuộc thảo luận đã tiến tới phần đúc kết vào tháng 10/65 với một bài đăng trên tờ Xây Dựng Mới. Trước đây đường lối Đảng là « có Xã hội chủ nghĩa là tôn giáo sẽ tự động biến mất ». Bây giờ Đảng lại tung ra mở lý thuyết mới, đại để : « Tôn giáo sẽ không chịu chết... mà sẽ dựa vào phong tục tập quán để kéo dài kiếp sống yếu ớt và có khi còn âm mưu sống lại... Rắn dừ đang chết dần mà cần người thì người không chết cũng bị thương... Bởi lẽ đó nọc độc uy tín tôn giáo dù còn ít đến đâu cũng cần phải cương quyết đấu tranh chống lại nó trên tất cả mọi bình diện... phải nhổ và tiêu diệt bằng hết những rễ độc của nó ». (8). Lý thuyết mới này đã đề ra một sự thay đổi căn bản cho đường lối Đảng, mà trên thực tế đã tiến hành. Vào khoảng đầu 1965, cơ quan chính thức của Hội Phật giáo Trung quốc cũng bị đình bản. Ngay từ 1960, tờ « Hiện đại Phật giáo » càng ngày càng hướng rõ về thành phần độc giả ngoại quốc, đăng nhiều bài bằng Anh ngữ song vẫn tránh né những chi tiết cụ thể về hiện tình Phật giáo ở Trung quốc. Nó có tác dụng không khác loại báo « Trung quốc xây dựng mới », hiên nhiên là một công cụ để mua chuộc cảm tình độc giả ngoại quốc. Vậy mà nó cũng chỉ ra được số cuối cùng vào tháng 12-64, để đến tháng Tư sang năm mới hoàn lại tiền cho những độc giả dài hạn.

Tháng 10 năm 1965 một cuốn « Cẩm nang Nhân dân » loại mới được phát hành và khác những kỳ trước, lần này nó liệt kê Hội Phật giáo Trung quốc song tên tuổi một hội viên cũng chẳng được nhắc tới (9). Điều đó không có nghĩa là cơ sở của họ bị giải tán vì cho đến tháng 8-66 báo chí còn đăng tin tức hoạt động của một vài hội viên (10). Tuy nhiên nó cho thấy cương vị của Hội hẳn đã có sự thay đổi.

trong điều kiện tha nhân tự kết như trung tâm, đồng thời sự ăn dấu của tha tính phụ thuộc vào tha nhân như vậy, cũng khám phá ra nó. Tha nhân như vậy hiện diện và cảm thức, mang sẵn một tâm vóc và cộng hưởng không bao giờ ngừng, một chiều sâu bất giảm, một kiên xác tạo bằng huyền nhiệm. Cái gì sâu xa không có trước biểu tượng, trái lại biểu tượng xác định nó như một ăn dấu đồng thời và gắn liền với biểu tượng, bởi vì sau cùng biểu tượng này là toàn thể tính: chiều sâu cũng không là một dự liệu hãy còn xa lạ trong lãnh vực nội tại của tha nhân, nhưng phụ thuộc hoàn toàn vào một tha tính như vậy. Cho nên thân xác con người, giữa những thân xác khác, biến dời và nghiêng lệch tùy theo ý nghĩa, thẩm nhuần xung quanh và vượt qua ý nghĩa thân xác, luôn luôn cầu khẩn và thu phục nội dung, tự hiện đóng kín châu thân, trong nội tại cũng như qua các tri thức đặc thù, những kinh nghiệm từng trải, những cảm tính nuôi dưỡng, đồng thời cũng khám phá cái trống vắng, sự xóa bỏ một nội dung, sự lược giảm hiện diện vào tha tính.

Đồng nhất tính và tha tính tương đồng tuyệt đối nhưng vẫn luôn luôn giữ tính cách nhị nguyên. Mỗi phạm trù nhận thức một số những nhân cách mà giá trị đối với nó tạo thành những biên giá giữa sự lãnh đạm hầu như toàn diện và sự gắn bó thường trực. Với mỗi tha nhân, đang hoạt chuyển, có một tất yếu sâu xa chỉ liên quan tới riêng tha nhân, hay đúng hơn chỉ có thể hòa hợp và gắn liền với riêng tha nhân. Tha nhân như tất yếu chỉ có thể cảm thức được trong lãnh vực đồng hóa với đồng thể trong điều kiện lãnh vực này cấu tạo và ngưng hoạt mà vẫn tôn trọng tha nhân, nghĩa là đặt tha nhân ở bên ngoài và coi tha nhân như ngoại tại. Tất yếu ấy được lộ ra với khuôn mặt, giọng nói, thân xác tha nhân, chỉ có thể xuất hiện giao tiếp trong lãnh vực nội tại, trong vương cung hữu thể để đưa vào trong đó sự đang dở và tràn đầy. Như vậy tha nhân, thường hằng như một tha nhân đồng hóa với nội dung nội tại tất yếu khởi từ một thường hằng, thì tất yếu bên ngoài thường hằng và nội dung này. Chính ở đó tha nhân như vậy thì nội tại và tự tại với riêng nó; thường hằng và tất yếu chỉ là toàn diện, về bản chất cũng như tâm vóc trong nhị nguyên tính của đồng thể và tha thể. Tất yếu tính xa lạ, bất khả phân ly với khuôn mặt không quen biết là tất yếu của tha nhân, mà thực ra tha nhân chỉ tất yếu

như vậy với đồng thể. Nếu tha nhân như một đối tượng của nhu yếu, lệ thuộc vào sự đồng hóa và nội tại tính không còn là tha nhân nữa. Tha nhân ở đó dễ bỏ tức đồng thể, lấp đầy chỗ trống và khoái vị của đồng thể, như vậy tha nhân chỉ còn là một phần, thiếu sót hay tạo cho, của đồng nhất tính. Tha nhân như vậy không còn tất yếu với đồng thể, mà thường hằng trong điều kiện tha nhân chưa trong đồng thể và ở đó nó đồng hóa trong một tất yếu nội tại. Nhưng tha nhân thực sự vượt qua thường hằng nguyên ủy, không bằng hoại được cũng như vượt qua thường hằng nguyên ủy, không bằng hoại được cũng như vượt qua tất yếu của đối tượng nhu yếu. Tha nhân vừa đồng thời tất yếu, vừa bất ngờ, không tiên liệu trước, không gia nhập, ở ngoài tất cả, nghĩa là toàn thể tính. Dĩ nhiên tất yếu của tha nhân này — nghịch lý của một tất yếu tuyệt đối bất ngờ — gắn liền sâu xa với chính nó như một hiện diện, với hiện hữu thực sự của một vũ trụ và một kinh nghiệm mà những nền tảng của kinh nghiệm là những nền tảng riêng của tha nhân. Nhưng ngoài mọi nhận thức và tất định nội tại của tha nhân, hãy còn một tất yếu kỳ lạ và ngoại tại — có nghĩa là không công nhận bất cứ tự do, không ngăn chặn bất cứ tự do nào là tuyệt đối. Ta có thể nói tha tính đặt định kinh nghiệm tất yếu.

Phê bình nhu yếu và tất yếu một kinh nghiệm khác với phê bình lệ thuộc vào nhu yếu đơn giản: tất yếu của tất yếu, đặt tới tất yếu này qua tha hóa; tự do của chủ thể mà nhu yếu đưa tới một tất yếu chỉ toàn diện trong tha hóa và ngoại tại tính, như một hằng số độc nhất và độc quyền của mọi nội dung thực tiễn tất định trực tiếp hay gián tiếp qua nhu yếu, thì gắn liền với cùng một điều kiện nền tảng, nghĩa là nhị nguyên tính và tha tính trên đường tất yếu, với sự gặp gỡ của tất yếu khác.

Tính bất bình đẳng giữa tha thể và đồng thể, trong đó tha thể lấn lướt đồng thể, đã dẫn tới sự hiện diện của tha nhân với tất cả tính chất tích cực, hiện diện của một tha nhân bộc lộ. Như vậy thực sự, khám phá ra tha nhân đồng nghĩa với sự tương tranh cùng tha nhân. Nói như Hegel, mỗi ý thức theo đuổi cái chết của kẻ khác. Nhưng cái nhìn của tôi khi bắt gặp cái nhìn của kẻ khác, đã biểu lộ một thử thách: «tha nhân không chối từ thuần túy và giản dị cái tôi».

• Cho đến hiện tại, chắc chắn, chỉ có triết học hiện sinh đáng

khích lệ ở chỗ đã đặt đúng ý nghĩa của hiện hữu tha nhân trong những tìm hiểu tiến gần tới mục tiêu hữu thể luận. Nhưng chúng ta cũng không quên quang cảnh chúng ta sống trong thế giới hiện nay, một thế giới về chiều trong đó con người đang run rẩy một mối kinh hoàng hấp hối. Đồng lõa với tư tưởng triết lý đang trên đường trở lại chủ nghĩa duy lý hình thức và trừu tượng hay quy về chủ nghĩa phi lý bằng hoại, chúng ta thực sự bị đe dọa nghiền nát dưới bước tiến của chuyển vận tập thể vô danh — đương đầu với một kẻ lạ mặt trong bóng tối, vô hình, một bóng ma của đời sống hằng ngày, thăm thẳm, mặc dầu chúng ta lên tiếng hỏi : « Ai ? », nhưng không được đối diện với người đối thoại — trong chuyển vận của guồng máy quân phiệt, nhất là khi guồng máy này chạy đều mang theo mọi đặc tính của bộ phận hành chính. Liệu chúng ta còn an tâm nhận xét như Lewiss Mumford : « Heureusement pour l'humanité, l'armée a généralement été le refuge des esprits de troisième ordre » (Technique et Civilisation) hay chúng ta đang bị giản trừ thành một con số không giản dị, trong một đồ vờ ít nhất là đồ vờ của vũ trụ chúng ta đang sống đây ?

Khám phá ra tha nhân là một trong những chinh phục của triết học hiện sinh. Nhưng ở đó cũng có hai ngã đường : Nơi Sartre, tha nhân xuất hiện chỉ gieo mầm móng chết chóc và tai ương : « Sự sa đọa nguyên ủy của tôi, chính là hiện hữu tha nhân », trong khi G. Marcel lại tìm ra « tha nhân thực sự chỉ » hiện hữu với tôi một khi tôi cởi mở với họ ».

Hai bộ diện, hai cái nhìn, hai khuôn mặt của thần Janus trong triết học hiện sinh đã mang lại trong những tư tưởng này, thường trực làm mới và luôn luôn tra hỏi đối đầu với những cục diện hiện đại hóa của con người ngày nay.

Trong chiều hướng đó, dường như chúng ta cần thiết suy tưởng trung thực vấn đề khởi từ số không. Từ lý thuyết về tình yêu nơi Marcel, trở về biện chứng pháp nơi Sartre đến viên tượng nhân văn của Merleau-Ponty, phải chăng dưới cấp độ hữu thể luận, vong thân của con người kéo theo vong thân của tư tưởng, dầu là ẩn dấu dưới hình dạng épistémè — vẫn là mối băn khoăn của một triết học đang trở thành cô điển — là triết học hiện sinh ?

đăng phùng quân

THẾ VŨ

những người ở gần nhau

Gió đã thổi vi vút trên những nhánh phi lao vừa đâm xanh từ những kẽ nứt đen đục của gốc làm tôi nhớ đến lần rừng cây này bị chặt phẳng đi những ngọn cao mát rượi trong những buổi trưa nắng hời còn Kim dạy ở đây, những đợt cây đỏ bây giờ đã khô thành củi trong đồn lính bên con sông. Bãi cát hực nóng những buổi trưa chờ mưa, những nhánh mới mọc không tạo thành bóng mát cho ngày tháng xa lạ của Phước, của Hiền mới thuyền chuyển đến. Bãi cát như một nghĩa trang, những mộ cao ngày Kim đã ngồi với tôi bây giờ là những đồng phân người và những lũng thấp, những bãi cát ngày nào đã chỉ còn là nơi toán quân Đồng Minh đổ đổ phế thải. Lần trở lại sau mấy tháng hạ tôi đã muốn khóc ; không còn Kim, không còn rừng phi lao xanh ngợp những trưa và chiều, không còn nơi để đi, để bước trong những giờ đợi chờ đám học trò nhỏ trở lại từ những mái nhà ổ chuột những con đường chạy vòng quanh những ruộng muối đã bỏ hoang. Mùa hạ những đám ruộng muối đỏ khô nứt nẻ với lớp muối mỏng trên mặt bùn đen, có nơi những chồi cây lạ mắt bắt đầu nhú lên từ mặt bùn đó, và hình như có lúc người đàn bà diên từ chợ quận theo xe lam về đã mò tìm gì đó trên những mẩu ruộng hăm hấp nước mùa mưa giông tới, trong những đêm trăng bọn nghĩa quân đã phải có lần bắn chỉ thiên để gọi trở lên bờ sau cả ngày dài mò mẫm kiếm tìm. Lúc trở lại với Phước và Hiền, tôi đã không còn gặp lại hình dáng mụ trên ruộng muối nữa ; bọn học trò nhỏ xầm xì mụ đã bị bắn chết

trong một đêm chạp súng giữa toàn cán bộ áo đen và mấy tên du kích lâu ngày nhớ thôn nhớ ấp tìm về.

Hình như mùa mưa đang đến, đầu đó trong đêm giữa cơn tỉnh thức tôi có thể nghe thấy những hạt nước rơi từ mái ngói của trụ sở xã, buổi sáng thức dậy những hạt nước còn đọng trên đồng tôn trên sân cát ẩm; và buổi chiều có hôm với Hiền có hôm với Phước chúng tôi đã thấy mây đen xám từ phía trời Đông kéo tới, những buổi chiều đi dạo trên bãi cát rộng vì không còn biết phải làm gì hơn, nghe tiếng sóng vỗ về dưới chân cồn cát, ở đó những mái chèo của đám ngư phủ trong vùng đã được neo lại từ gần năm năm, những thân xuống đã bạc thếp và nứt bể, những cột buồm đã gãy đôi nằm phơi nắng mưa trong trí nhớ và niềm mong ước trở lại đời sống cũ của đám ngư dân. Ngày mới đến, Phước nói muốn khóc, tự nhiên mình bị vất vào nơi này và cố gắng nói, nói trong sự ngơ ngác của đám học trò, của phụ huynh, của mọi người bằng thứ giọng nói lạ hoắc đối với họ của mình. Với tôi những ngày mới trở lại, sự vắng mặt của Kim là một nỗi trống trải dị kỳ mà tôi không ngờ được. Có lẽ sau những ngày tháng bên cạnh Kim, tôi đã đổi khác. Có phải những ngày đó chính tôi đã sống bằng hơi hướm của nàng, tôi đã quen thuộc nơi đã là xa lạ này bởi nàng, tôi đã tưởng mình có thể yên vui trong cái vỏ tình ái đó mãi mãi, có phải tôi đã say sưa giọng nói ngọt ngào của nàng, tôi đã hơn một lần âu yếm nàng trên đồi cát dưới bóng xanh trong những chiều say khướt sau khi uống cạn những ly rượu đầy với đôi người lính nghỉ quân, với ông ấp trưởng; có phải như thế hay không. Chỉ biết trong những ngày không có Kim sau này tôi mới thấy đời sống và tình ái thật sự chín muồi khi chính mình ngủ vui trong ốc đảo xa, những đảo gió mà vô tình mình phải tới và ở lại đó. Kim còn lại trong tôi hơi hướm con gái những đêm gió biển lùa ào ạt hơi lạnh, sự ấm cúng tìm thấy là qui hóa, Kim cũng còn lại trong tôi những lời hát buồn những lần tôi say khướt ôm tóc nàng, hơi thở nồng mùi rượu và thuốc lá. Có lúc tôi biết ra rằng Hiền cô độc hơn tôi và cả Phước cũng thế, mặc dù người tình hắt ở đâu đó trong lúc hồi tưởng về

một thứ quê nhà xa mịt mù được vẽ vời thêm mình như một kẻ lưu đầy.

Đám học trò đã trở lại trường cho buổi học chiều sẽ nặng nề đến rồi nặng nề đi. Tôi và Phước từ trên đồi cát trở về trường, biết đề rồi chiều sẽ lại xua bọn học trò về nhà và hai đứa lại lần leo lên cát, ra ngồi dưới những mạn xuống cũ vỡ nứt cho buổi chiều mau qua, không biết đời mình còn có gì thú vị hơn. Phước làm tôi ngạc nhiên khi nói sống ở đây làm mình lâu già; từ trước tôi vẫn tưởng tôi sẽ già đi thật nhanh sau một hai năm, trước khi được chấp thuận thuyền chèo đến một nơi gần gũi với phố chợ hơn. Tôi còn nhớ lần Kim đòi sang bên kia sông xem quê hương thứ hai của một nhà thơ vô danh, cái chết của hân như một bí hiểm gì đó đối với mọi người ở đây, cái chết bữa xuống đời hân một đêm thời kháng chiến, trên kè đá ít có người đến, người dân địa phương nói những đồng chí của nhà thơ vô danh yêu mệnh đã khắc tên hân trên kè đá đó. Không ai biết những nét chữ của một thời chiến tranh nó nguệch ngoạc ra sao; ngày ngưng chiến những đồng chí cũ của nhà thơ cũng biệt tích. Kim đã muốn qua bên kia sông và Hiền, nhất là những ngày hân gần như người mất trí ít ra trước mắt tôi và Phước, cũng đòi sang bên đó tìm lại vết tích của người đã chết hơn mười năm trước. Nhưng bên kia sông là vùng đất cấm; những mìn những chông nào đã được cấy xuống quê hương thứ hai của một gã vô danh nổi tiếng trong óc người dân địa phương, điều đó làm Phước không yên tâm. Phước vẫn thắc mắc về những liên hệ gần xa của một thời kháng chiến đã qua và một hiện tại vậy bữa bởi những mìn chông trong vùng cấm địa, nhiều đêm ngủ say trong trụ sở ấp hay ngay trong trường học hay nhà một người dân quê nào đó, giữa khuya Phước đã đập tôi dậy bảo nghe tiếng sáo vắng đến từ bên kia sông. Tôi thao thức lắng nghe nhưng không ghi nhận được gì ngoài tiếng đại bác 57 ly của đơn vị đồng minh bắn qua sông, tôi tưởng tượng những viên đạn có sức công phá mãnh liệt đó để cổ tim, cổ nghe trong một hốc đá nào tiếng sáo đã cất lên ngàn nga, và khi tiếng nổ ầm vọng ngược về bên này, tôi tưởng như kè đá đã nổ tung, những miếng đá bia mộ sẽ không còn nữa.

Những buổi học thường được bắt đầu khi người học trò lớn nhất trường mang dùi đánh ba tiếng vào cái trống treo lủng lẳng trước hiên chơi. Sau này, từ ngày khai giảng lại, trống đã bị chọc thủng, tiếng trống được thay bằng tiếng keng nghe yếu hẳn đi và gọi tôi nhớ tới những ngày còn lăm lăm cặp sách đến một ngôi trường trung học xa xưa trong kỷ ức, trong một thành phố mà bây giờ tôi hết muốn trở về. Tiếng keng kéo đám học trò nô đùa ngoài sân cát vào lớp và cũng chính tiếng keng đó có lúc tôi nghĩ như tri tưởng về những vai trò những trách nhiệm mà xét ra ở một nơi như nơi này nó đã không còn thật trong cái vỏ kịch vô vị mà chúng tôi đang đóng; đồng thời tiếng keng cũng giục giả từ tiềm thức trở về cái ngày xưa còn làm người học trò trong một thị xã eo sèo, cái ngày xa tít mù đó mỗi lần nhớ lại là một lần tôi tưởng như mình đã trở nên kẻ đàng tri bị giam cầm trong ngục tù chợt có lúc may mắn được nhớ lại mình ngày nào còn phiêu du rong chơi trong thành phố cao nguyên sương mù, những ngày đó lẳng đặng trong trí hấn sự thêm khát tự do, thêm khát sống lại như ngày xưa kia, để vá víu những thất bại những sơ hở mà mình khám phá ra sau này. Tiếng keng cũng sẽ khua lên lần thứ hai để mở những cánh cửa tù đầy cho đàn chim bay ra đậu trên khoảng sân cát, khua lên hồi thứ ba để gọi những con chim trở lại nhà ngục và cánh cửa sẽ đóng lại cho gió không thổi qua hơi nước mát lạnh đen da, để mặt trời sẽ không chiếu rọi qua cánh cửa rộng ánh nắng ủa héo trong thềm khát một mặt trời khác; và cuối cùng — cuối cùng nào cũng thế có phải —, tiếng keng sẽ khua lên một lần sau cùng, trả chim về với trời, trả đám học trò lại với đời gió vi vu và biển gầm những hồi báo cơn giông đang tới, trả lại niềm im lặng cho tôi, cho chúng tôi với một đêm sắp đến, căn phòng học sẽ để dành cho những con ma của tri tưởng bọn học trò về ngủ, tôi sẽ đi, tôi sẽ vắng mặt, sẽ chết mất trong tri thần thánh hóa của trẻ con, có phải không, tôi sẽ quên hết, quên hết, không còn tiếng keng nào cho một đêm, không còn quá khứ nào trong thị trấn tồi tàn kia nữa, tôi có thể sẽ tưởng nhớ đến Kim, đến

những đêm ân ái xưa ở đâu đó chung quanh đây, và Phước sẽ lắng nghe tiếng sáo kỳ dị từ bên kia sông, Hiền sẽ ngồi ảo tưởng mình là gã cầm trước những câu hỏi của cơ quan thẩm vấn.

Hiền thấy như mình không có một liên hệ nào với ngôi trường, khu xóm vừa được kiến thiết lại một cách vá víu bên giòng sông, ngay cả với đám học trò ngơ ngác cách xa, ngay cả với hai người bạn. Ngôi trường được dựng lên bởi những áp lực từ xa, những người dân cư ngụ ở đây không có một ý kiến nào, họ hình như chỉ còn nghĩ đến một ngày được trở lại với những chiếc xuồng đánh cá, với biển và sóng và niềm vui nhỏ khép kín. Bây giờ những chiếc xuồng vẫn còn nằm im trên bờ, ngày tháng đã làm chúng khô nứt đi trên bãi cạn, mùa mưa và mùa nắng, bao nhiêu ngư dân đã bỏ đi. Con sông ngắn chia một quá khứ và cái hiện tại rời rã, ngắn chia một thứ thần linh nào đó và sự thật hiện hữu là những quả đạn được nã vào kẻ đã bên kia sông hằng đêm. Không hiểu sao có kẻ như Phước lại tin được vào tiếng sáo hằng đêm là từ bên kia sông vọng sang. Còn tôi, Hiền có nhiều bất đồng hơn. Tại sao tôi vẫn tưởng như mình đang đóng một vai trò nào đó quan trọng lắm đối với một thế giới như ở đây. Tại sao tôi có thể thiết tha đến hình ảnh của Kim như thế trong khi Kim không còn bóng dáng nào nữa ở đây. Hiền vẫn lăm li âm thầm và gắt gỏng vô cơ với đám học trò ngây thơ, nhiều khi Hiền đã gay gắt với Phước, mi là thằng điên, nghe chưa. Mi chỉ được một điều tao đồng ý, cái giọng hát của mi những đêm khyua, những lúc tao hết biết phải nghĩ về cái gì. Bọn mi tưởng tao điên, những lúc tao im lặng là lúc tao suy nghĩ viễn mơ, không phải vậy đâu, nghe chưa.

Hiền đi rong trong đường phố duy nhất tồi tàn trong quận trấn. Buổi trưa tiếng trực thăng vỗ cánh lên trời từ đồn quân cảnh quận, những đứa nhỏ đứng nhìn đoàn xe chạy qua phố về một chiến trường nào đó, phố xá im lìm trong hơi nắng hanh lá mặt của một ngày sắp mưa giông. Hiền không biết mình đang đi đâu trong cơn đói lả và những giọt mồ hôi thấm xuống lưng.

Chiều nay ta sẽ có mặt ở một nơi khác, thị trấn cách đây gần trăm cây số, hãy tưởng tượng mình có một người đàn bà đem nay, hãy tưởng tượng mình có một đời hạnh phúc, hãy quên đi hình bóng những đứa em xanh xao nơi quê xa, hãy quên đi ông bố một năm không có mặt ở nhà một ngày, người mẹ gần năm mươi tuổi đi ngoại tình trệt thai. Họ không còn gì liên hệ đến ta nữa, có phải trong suốt những ngày ấu thơ ta đã ước ao được bỏ đi, quên hết, có phải người mẹ đã chưa hề nói với ta một lời suốt thời gian dài từ ngày ta biết ta có mặt trong gia đình, có phải người cha đã chỉ ném những đồng bạc cho ta một cách vô tình, những đồng bạc mà ông đã tưởng có thể thay cho những lời nói cần thiết của kẻ sinh ra ta. Những đứa em cũng thế, có phải giờ này chúng đang ngồi trong nhà người đàn ông thứ hai đến với mẹ ta — ôi tại sao lại là mẹ ta? —, chúng không thấy, không bao giờ thấy niềm tủi nhục của một đứa nhỏ một lúc phải nhìn thấy những trớ trêu hội ngộ nhau bởi con thêm muốn vô ý thức của người lớn. Hình như đã hơn mười năm ta không khóc được, dù lần về nhìn mặt người anh làm cách mạng bị giết chết như một con chó giữa đường phố một buổi sáng thứ hai. Có khi ta muốn mình gần gũi với anh, nhưng không được, ta bị ném vào cái thế giới xa lạ này, không còn một liên lạc nào khả dĩ ta có thể tìm kiếm một cách thế khác. Cái chết của anh được bùng bít còn có chút ý nghĩa, ta cũng bị bùng bít trong những ngày những tháng xa rời này, không hiểu được. Nhiều khi ta tưởng ta là tên tù. Và từ cái ý nghĩ ta là người tù, ít ra trước mặt những người cùng làm việc với ta, tưởng họ có thể hiểu được phần nào, không ngờ ta chỉ là gã cảm điếc. Thời giờ hãy cảm điếc được đến đâu hay đến đó vậy.

Chiếc xe lam sau khi dẫn xóc trên đoạn đường làng gần hai mươi cây số với bụi mù và cơn lo sợ phập phồng đã đưa Hiền về đến quận trấn. Khu chợ nằm ngay cạnh đường chỉ còn lại những đồng rác, những dấu nước đồ loang trên đất và những vi vẩy những con cá đã chết ương sinh thối đã bán xong buổi sáng vừa qua. Con bé cảm thu tiền chỗ không còn trộn mắt với đám đông người, nằm ngủ ngon trên chiếc bàn của người hàng vải bỏ lại giữa chợ. Đám ruồi đen bu trên miệng trên vành tai

và trên vải quần trên hàng trên ống chân nó. Hiền tìm vào một quán cơm, gọi một đĩa cơm muộn, cơm đã nguội đã bắt đầu khô lại, nuốt trọn mắt không trôi rồi đi bộ đến bến xe trống không ngồi chờ một chiếc xe may ra sẽ ghé vào. Bãi đất trống đầy bã mía và rác. Ngồi trên một chiếc băng dài kê sát cột dây điện mà không bao giờ mang hơi điện đến cho cái khu phố tồi tàn này, Hiền muốn ngủ một giấc say sưa vì nắng và gió. Xa rời khỏi ngôi trường và những khuôn mặt nhàm kia là một cái thú đối với Hiền, mặc dù về thành phố hẳn không có gì để tìm kiếm ngoài những giờ trống không ngồi thu mình trong một quán nhạc để không nghe nhạc, đến với một con hẻm có căn phòng có giường trải drap có gài sẵn đòn dằm ba chục phút và rồi cuối cùng tìm một người quen rúc đầu vào nhà ngủ vùi đến sáng mai dậy sửa soạn trở về lại cái thế giới riêng tư của những kẻ tưởng như mình đang bị lưu đày. Hết.

Đúng như hẳn nghĩ, không có một chiếc xe đồ nào ghé vào bến. Buổi chiều tự nhiên Hiền rưng rưng muốn khóc, nhưng không biết phải khóc như thế nào. Hẳn trở lại khu quận lỵ, ăn thêm một đĩa cơm dù đĩa cơm trước vẫn còn nguyên chưa tiêu hóa nổi trong bụng, rồi xuống cuối dãy phố. Hết dãy phố là một cây cầu xi măng nhỏ, hẳn không dám đi xa hơn, giờ này những tên du kích đã có thể trở về ven phố. Đêm nay hẳn có thể sẽ được nghe tiếng súng nổ cạnh chỗ ngủ ở đầu đó trong khu phố này thay vì nghe hoài tiếng 57 ly bắn qua những kẻ đá bên kia sông nơi hẳn dạy học. Cũng được, hẳn nghĩ dù sao cũng xa được một đêm cái giọng hát của Phước, tiếng sóng vỗ dưới bãi hoang vu và tiếng gió rì rào trên những ngọn phi lao mới nhú. Đó là những âm thanh hẳn đã từng cay đắng ghét từ ngày xưa, sau một thời nhỏ ru hẳn ngủ trên bờ biển quê nhà những ngày hẳn không thể nào nằm trong nhà có những khuôn mặt đáng ghét của mẹ hẳn và những đứa em hỗn hào.

Gần tối hẳn chui vào nhà một người bạn — ôi những bạn bè trong đời lêu bêu của ta —, gặp lúc vợ người bạn đang gay gắt chồng về tháng lương đã nường mất trong sông bạc; hẳn bỏ đi. Tại sao ta lại có những ngày tháng những người bạn quý

hóa đến như thế. Cứ nghĩ ta chết đi trong đêm nay mà thoải mái. Tưởng tượng khi chết ta sẽ nằm sóng soài trên đất, miệng mở to lưỡi lè dài trên nền sỏi khô chẳng hạn. Hãy chết như thế, đừng bao giờ nằm chết trên giường, nhắm mắt và duỗi thẳng tay chân. Hiền tự nhiên cười cái ý nghĩ lạ lùng này, vấp phải một chiếc vỏ xe bỏ trên lề đường. Hiền loay hoay một lúc trên dãy phố rồi chui vào cái quán bên đường gọi bia uống. Bọn lính nghĩa quân trên đường đi kích đêm ghé vào quán mua mấy lon bia đem theo. Hiền nghĩ vòng vo không đầu không đuôi, uống đến chai bia thứ ba hần thấy mệt, như người cảm gió. Hần không ngờ như thế, choáng váng và muốn nôn. Hần bỏ ra ngoài, đi chệnh choạng như những lần đã uống đến chai thứ mười, chúi đầu đi lằm lũi. Được một lúc, hần va vào cột đèn, té nhào xuống đất. Trông hần không phải là con say, không biết phải gọi tên như thế nào, nhưng hần không buồn gượng dậy. Không còn một người nào đi qua đường, khu phố như một nghĩa trang, nằm xa tít ngoài rừng, có nhớ đến nghĩa trang chăng là những đũa nhỏ sợ ma quỷ đêm hiện về trong giấc ngủ. Nằm một lúc hần thấy thoải mái, đứng dậy bước chậm rãi qua đường tiến về nhà người bạn mà hần đã ghé đến hồi xẩm tối, hần đi như một con bệnh, dãy phố đóng cửa sớm hơn hần tưởng, và cuối cùng nhà người bạn hần cũng đến được đưa tay gõ cánh cửa gỗ mà nếu không có tiếng động, hần đã tưởng mình gõ vào một khoảng không, một bóng tối dật dờ nào đó.

Phước ngồi hi hoáy viết thư cho tình nhân nơi bàn uống trà của ông áp trưởng. Đêm đã khuya, tôi muốn ra ngoài nhưng trời tối và sợ những họng súng nằm chực chờ sẵn ở đâu đó. Tại sao chúng ta phải sống những ngày khốn đốn như thế này, tại sao chúng ta có những ngày kỳ cục như thế này. Phước ngằng đầu lên đọc lại một đoạn thư rồi mỉm cười một mình. Chút hạnh phúc nào vừa được bắt gặp trong những câu những lời cứng nhắc trên trang giấy đó? Phước tìm thuốc lá hút rồi ra ngoài đứng bên cạnh tôi, mắt nhìn một vùng trời đêm đen ngòm trên

cao. Không biết đêm nay Hiền làm gì ở đâu, Phước nói trông hần như đũa mất hồn, anh nên đề nghị cho nó về dạy một trường nào đó gần tỉnh hơn kéo có ngày nó điên mất.

Có ngày nó điên mất. Điều đó quả có thể xảy, ra nhưng tại sao tôi phải đề nghị nó đi nơi khác, chẳng phải phù phiếm lắm sao. Còn lại tôi và ngay cả Phước thì sao. Biết đâu có ngày chúng tôi cũng điên mất. Nhất là chính Hiền cũng không bao giờ ngỏ với tôi rằng nó muốn đổi về trường khác.

Phước vào bàn xếp lá thư lại cho vào phong bì nói một mình hy vọng từ nay đến ba mươi ngày nữa có thể nhét nó vào thùng thư nhà bưu điện trên tỉnh. Ngọn đèn dầu chột sáng chột tối theo từng cơn gió lùa vào nhà. Ông áp trưởng lấy mấy băng đạn ra xem lại rồi cho thêm những viên đạn lẻ vào, và khẩu súng ra xem chừng rồi đem dấu lại vào trong buồng ngủ. Cứ như thế, ngày tháng cứ như thế, mưa vẫn đổ rạt rào bên ngoài trời và ông áp trưởng vẫn uống một ngum rượu mỗi đêm trước khi đi ngủ. Không có gì để nói nữa ngoài một vài điều anh muốn nói với chính anh mà chẳng bao giờ mở miệng được. Phước đem đàn ra đánh và hát. Tôi bỏ vào nằm trên võng mắc giữa nhà. Chốc nữa đây tôi sẽ nghe những con mọt đục trong thân cột tiếng kéo kẹt thảm thương, sẽ nghe tiếng mưa có thể đổ lớn hơn bên ngoài hoặc mưa sẽ ngừng hần lại để những con ếch ương vang lên ngoài đồng không, tiếng sóng thì trào trong tai khi giấc ngủ chồm với tôi và cuối cùng là tiếng ngáy thê lương của ông áp trưởng từ trong buồng vọng ra. Còn Phước, hần có thể nghe nhiều hơn, chẳng hạn như tiếng sáo, tiếng hát vọng đến từ bên kia sông.

Nửa đêm tôi nghe có tiếng động lạ bên ngoài. Không còn tiếng mưa rả rích cũng không cả những tiếng súng bắn đi. Hình như tiếng chân người. Rồi có tiếng động vào cánh cửa. Tôi hoảng hốt xuống võng, đứng khập nhệ nơi cửa buồng ông áp trưởng, cánh cửa được mở ra, bóng một người đi vào. Tôi tưởng mình sắp sửa bị hành quyết, ngực đập rộn rã trái tim đã chui ra những cọng xương sườn và đang tìm cách bò ra ngoài lớp da trên ngực. Tiếng sóng vẫn đập dưới bãi xa, tiếng gió

vừa vỗ vào ngọn cây bên ngoài, nhưng tôi vẫn không thể nào biết được người đàn ông vừa mở cánh cửa bước vào nhà là ai. Tôi lùi thêm vào phía trong buồng, cứ tưởng chừng như người vừa vào nhà đang tiến lại gần mình hơn. Tiếng ngáy của ông ấp trưởng già nghe rõ, nhưng tiếng chân không còn động trên nền đất. Lâu lắm tôi không nghe có gì lạ. Tôi chợt nghĩ tới Phước, không biết hắn nằm ở đâu. Tôi cũng không biết có gọi ông ấp trưởng hay không. Tại sao mình lại bị đuổi cách kỳ cục như thế này. Gió mở cánh cửa rộng thêm ra, một khoảng sáng mờ mờ rọi vào nhà. Nhưng bóng người vừa bước vào hình như đã biến mất.

thế vũ

PHẠM THIÊN THƯ

ngọ xưa

Chim mùa cũng rụng tiếng bay
con sông sương trắng bao ngày đổ xuôi
nghe như hiu hắt lời người
mang mang ngôn ngoại rạc rời cây thu
đời chia vách biếc non mù
nửa viên băng nguyệt lạnh từ tay ôm
từ qua thị trấn tôi hồng
ngựa mê vọng cũng xuôi dòng nao nao
thấp lên lửa mặt trời / nâu
em ơi lệ biếc nghìn sao đá này
thân mang lau lách hao gầy
nửa bia viễn mộ nửa đầy hóa thân
trông ra cỏ biếc xanh ngần
bao nhiêu cát sỏi mấy lần đổi thay
lời em chim vỗ ngàn bay
một rừng mộng đỏ cho đầy tóc tơ
từ em trên đỉnh tình cờ
ngày xưa cũng vẫn bây giờ thế thôi

phạm thiên thư

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN

một mình

Cầm tờ giấy phép trong tay tự nhiên tôi lại ngần ngại. Được nghỉ phép một tuần lễ đúng vào dịp Tết, đó là một điều hiếm. Suốt bốn năm liền tôi không đi phép tết. Cộng với dịp thăng thưởng cuối năm với nhiều điểm tốt, tôi mới được cái giấy phép này.

Vị Thiếu Tá chỉ huy trưởng của tôi đã gọi tôi lên tận văn phòng của ông và hỏi :

— Trung úy có muốn được về Sài Gòn ăn Tết không ?

Tôi nói :

— Thưa Thiếu Tá, đã lâu lắm tôi không về Sài Gòn, nhưng thật ra tôi cũng không còn một người bà con nào để có thể về nhà ăn tết.

Ông ta cười, bảo :

— Ít nhất ông cũng phải biết cách kiếm ra bà con, nếu ông không có chứ.

Tôi cũng cười sau câu nói đùa của ông.

Với bảy năm trong quân ngũ, tôi đã trải qua nhiều đơn vị, gặp nhiều vị chỉ huy giỏi. Nhưng Thiếu Tá T., theo thiên ý của tôi, vẫn là người giỏi nhất. Ông luôn luôn cho những người thuộc cấp của mình cái cảm tưởng thoải mái, họ có một chút tự do nào đó trong các quyết định của mình. Mặc dầu, lệnh bao giờ và ở đâu cũng là lệnh.

Tôi nói với ông về cái chết của người bạn đồng ngũ của tôi, cách đây sáu tháng, anh H. Anh có nhờ tôi cầm một cái thư về

cho vợ anh. Lá thư anh viết trong những giờ hấp hối. Lá thư không dán, và tôi cũng đã đọc, theo ý muốn của anh, trước khi anh mất. Anh muốn hỏi ý kiến tôi về những lời dặn dò của anh đối với vợ con anh. Như thế có đủ không ? Đủ ? Biết thế nào là đủ những lời trời trăng của một người chồng hai mươi tám tuổi đối với một người vợ hai mươi tư tuổi và có hai đứa con ? Tôi hứa với anh tôi sẽ trao tận tay cho chị lá thư đó. Bức thư đại khái anh nói với vợ anh, « anh không biết khuyên em nên ở vậy hay làm lại cuộc đời », những chữ cũ kỹ và buồn thảm, « vì cả hai điều đều vô nghĩa như nhau, chỉ xin em hãy cố gắng nuôi con cho anh... » Những dòng chữ vừa thành thật, vừa nhuốm một chút thừa thãi lãng mạn đó đã ám ảnh tôi trong suốt một tháng trời sau cái chết của anh.

Ngày các thân nhân của anh tới đơn vị nhận xác anh, tôi phải đi hành quân nên không gặp vợ anh.

Tôi đã hứa đưa lá thư tận tay cho vợ anh, nên tôi sẽ chờ một dịp khác. Tôi cũng không hiểu tại sao anh lại nhờ tôi làm cái công việc oái ăm này. Mang về cho người đàn bà những lời nói, có lẽ anh không cần phải nói, mọi việc tự nó sẽ nói lên hết cả. Có lẽ tại trong những ngày sống chung một đơn vị với anh, trong những lúc vào sinh ra tử, một đôi khi anh vẫn đem chuyện vợ con của anh ra nói với tôi, anh muốn gởi gắm tôi một lời cuối cùng cho vợ con anh. Để làm gì ? Câu hỏi cũng thừa thãi và khó hiểu như nhiều cái thừa thãi và khó hiểu khác người ta vẫn thường thấy hàng ngày vậy. Ai là kẻ có thể giải thích được tất cả mọi lời nói mọi hành động của mình trong suốt một đời ? Vậy thì công việc chỉ giản dị có : anh nhờ tôi cầm một lá thư trao cho vợ anh và tôi sẽ làm cái công việc ấy.

Tôi nói lại với vị chỉ huy trưởng cái ý muốn đó của anh H. và bảo :

— Vâng, nếu Tết này tôi được Thiếu tá cho phép, thì tôi sẽ về Sài Gòn để nhân tiện tôi sẽ tìm cách đưa cho chị H. lá thư anh ấy đã nhờ tôi.

Vị Thiếu tá nói :

— Thế hả. Việc đó thì tôi không biết vì tôi không nghe anh nói.

— Anh H. chỉ coi đó như là một chuyện riêng thôi.

— Vậy thì đây là dịp tốt để cho trung úy nghỉ ngơi và làm cho anh H. cái việc ông ấy nhờ.

Bây giờ cầm tờ giấy phép trong tay tự nhiên tôi thấy ngại. Sáu tháng trời, thời gian không bao lâu đối với một người đã chết, nhưng có thể đã quá dài đối với một người còn sống. Nếu mọi sự không có gì thay đổi việc làm của tôi là một việc làm lố bịch, chỉ khơi thêm một nỗi buồn mà người ta đã cố quên trong suốt nửa năm qua. Nhưng nếu tôi không làm, tôi thất hứa với một người đã chết. Tôi không đủ thân với anh để có thể tự tha thứ cho sự thất hứa này. Tôi cũng không đủ sợ với anh để có thể bỏ qua việc anh muốn tôi làm cho anh.

Một người lính đến thăm vợ một người lính khác cầm theo lá thư của người đã chết đó, câu chuyện không đủ bi thảm, lãng mạn và khôi hài sao?

Tôi sửa soạn hành lý, cầm giấy phép đến các cơ quan liên hệ xin phương tiện di chuyển. Tôi sẽ được đáp chuyến máy bay bốn giờ chiều về Sài Gòn. Chuyến bay áng chừng mất độ hơn bốn tiếng. Trôi vào những ngày cuối năm, có những cơn mưa bất chợt, máy bay nhào lên lộn xuống, hành khách phần lớn là những quân nhân và gia đình được nghỉ phép, di chuyển về Sài Gòn, nôn mửa gần muốn chết trên phi cơ. Tôi đã trải qua nhiều chuyến bay hành quân còn khổ cực hơn nhiều, nên tuy cũng khó chịu nhưng vẫn còn đủ sức giúp đỡ mấy đứa nhỏ và mẹ chúng muốn đi vì bị máy bay nhồi.

Có nhiều lúc phi cơ rớt vào hừng mây, mưa reo rào rạt bên sườn tàu, nhìn qua khung kính nhỏ của chiếc cửa sổ chỉ thấy một màu đen lợt, trời mới xé chiều nhưng trông đã như xẩm tối. Nhìn những kẻ còn sống đây và nghĩ đến những kẻ đã chết như H., thực ra, còn chẳng một sự liên lạc nào?

Tôi ngủ gà, ngủ gật và một lúc sau cũng mệt thiếp tưởng như phi cơ có đáp xuống phi trường tôi không còn đủ sức để đi đâu nữa. Tôi còn mấy chục mảnh đạn cắm trong xương sọ, trường hợp hẳn hui tôi có thể sống, và những mảnh sắt đó, có khi đã làm cái đầu của tôi trở thành quá nặng. Tôi đã xi

được ở lại quân ngũ dù trường hợp của tôi phải giải ngũ vì lý do không đủ khả năng chỉ huy nữa. Nhưng tôi vẫn tình nguyện đi theo đơn vị mỗi khi hành quân và dù không thực sự được cầm quân nữa, đôi khi tôi vẫn chứng tỏ tôi còn có thể làm được công việc này. Chứng cứ là tôi đã được khen thưởng và nhận lãnh huy chương nhân dịp cuối năm, vị chỉ huy trưởng của tôi muốn tôi về hậu cứ trông nom một đơn vị hành chánh nào đó. Nhưng tôi đã cố xin với ông hãy khoan quyết định như vậy.

Máy bay đáp xuống phi trường lúc cả phi trường đã bật đèn sáng. Ở đây không mưa. Trên bãi đáp rộng mênh mông chỉ nghe những cơn gió lạnh thổi tới, và trên trời những đám mây đen thừa mỗng, không đủ làm thành cơn mưa.

Mọi người lục đục tìm cách đi nhờ xe ra khỏi phi trường. Thành phố, bốn năm tôi không lại, vốn đã xa lạ, nay càng xa lạ hơn nữa. Những hàng cây thấp thoáng trong bóng sương, màu lá xanh đen, những căn lầu cao bật đèn sáng, mọi gia đình hình như vẫn còn rạo rức trong cái không khí trang nghiêm của đêm trừ tịch (cái không khí mà những đứa trẻ như tôi chẳng bao giờ biết đến, nhưng đã bao lần ngó nhìn). Có lẽ một ngày nào đó, tôi cũng có thể lấy vợ và lập một gia đình, hưởng một lần cái nao nức của đêm giao thừa, nhưng với vết thương của tôi mang trên đầu, với tất cả những phương tiện y khoa tối tân như ngày nay, người ta đã chịu không thể nào lấy hết ra được những mảnh sắt vụn trong đó, liệu tôi có đủ can đảm lập gia đình?

Đời sống bao giờ cũng có vẻ mở ra với một vài người và đóng lại với một vài người khác.

Người tài xế cho đi nhờ xe hỏi tôi khi đã cho xe chạy sâu vào thành phố:

— Trung úy, mình về đâu trung úy?

Tôi bảo với anh:

— Anh cho tôi xuống bất cứ chỗ nào cũng được.

Người tài xế nhìn tôi dò hỏi. Cuối cùng anh bảo tôi:

— Trung úy về đâu để tôi đưa Trung úy về tận nơi?

Tôi nói cảm ơn anh và bảo:

— Thôi, anh cứ cho tôi xuống chỗ chợ Sài Gòn cũng được.

— Trung úy ở đơn vị về nghỉ phép ?

— Phải.

— Trung úy không có nhà ở đây à ?

Tôi phải nói dối với anh ta là có nhưng tôi muốn đi ra phố mua vài thứ cần dùng trước khi về nhà.

Anh ta cho xe chạy ra phía chợ và đỗ lại cho tôi xuống.

Tôi xem lại đồng hồ thấy mới 8h30. Nhưng đường phố đã thưa thớt. Mọi hàng quán người ta đã dọn dẹp gần xong. Chung quanh chợ Bến Thành, những đồng rác lớn đang được dọn lại để các xe rác hút đi.

Tôi vào một đường phố nhỏ cạnh chợ, thuê một phòng ngủ nhỏ để ở trong mấy ngày tết. Tôi cũng có cái nào nức muốn xuống phố đi một vòng xem thiên hạ đón xuân. Thành thử sau khi nhận phòng, tôi vào phòng rửa mặt và cứ để nguyên quần áo như thế nằm xuống giường nhắm mắt nghỉ một lát.

Người bồi sau khi đã trải giường nệm phủi quét qua loa những đồ dùng trong phòng vẫn chưa chịu đi ra. Anh ta còn chờ tôi cho tiền. Tôi móc túi lấy tờ giấy một trăm đưa cho anh ta và bảo :

— Tôi mừng tuổi cho bác.

Hắn lạnh lẽo cầm tờ giấy bạc bỏ túi, bảo :

— Trung úy ở có một mình ?

— Thì còn với ai nữa ?

Anh ta chờ đợi câu nói tiếp nữa của tôi, nhưng tôi không nói. Anh vắt chiếc khăn lên vai, bước ra khỏi phòng, bảo :

— Tôi gác ở dưới cửa nếu Trung úy có cần gì thì cứ gọi tôi. Tôi nói :

— Tôi nghỉ một chút đã.

Còn lại một mình trong phòng lúc đó tôi mới thực sự thấy cái vẻ lạnh lùng xa lạ của một kẻ từ chốn xa trở lại thành phố. Những tiếng khua động của những người làm việc dưới phía chợ quét dọn, tháo gỡ những căn lều, còn vắng tôi tận đây.

Tôi sẽ làm gì trong mấy ngày tết ?

Có lẽ tôi cũng xuống phố mua sắm một vài thứ đồ ăn để ăn trong mấy ngày tết, sợ các cửa hàng sẽ đóng cửa ngày mai.

Nhưng tới lúc xuống phố tôi lại lười biếng không muốn mang theo gì cả. Tôi mua mấy gói thuốc lá và hộp quẹt nhét đầy trong các túi, sau đó mở ví xem lại địa chỉ trên chiếc phong bì và gọi xe đi đến nhà vợ H.

Tôi cũng không biết sẽ phải bắt đầu câu chuyện như thế nào. Nhưng dĩ nhiên, thế nào rồi người ta cũng tìm được ra một cách nào đó. Nhà H. để tìm dù ở trong một ngõ phố. Tất cả các nhà trong ngõ đó đều mang một số, tôi chỉ cần nhận ra con số nhỏ bên dưới. Đó là một căn nhà đóng kín cửa nhưng bên trong đèn thấp sáng. Nhìn qua cửa sổ tôi thấy một phòng khách với bàn ghế và tủ kính trang nghiêm.

Tôi đưa tay bấm chuông và định bụng nếu vợ H. ra mở cửa thì câu đầu tiên tôi sẽ nói với bà là :

— Thưa bà tôi là bạn cùng đơn vị với ông nhà, anh H., anh có nhớ tôi.

Nhưng khi cửa mở thì cái người tôi gặp không phải là vợ H, mà là một người đàn ông. Sự xuất hiện của người đàn ông làm tôi bối rối. Do một ý kiến tối tăm nào đó tôi viện ngay ra một câu hỏi :

— Thưa, xin lỗi ông, tôi muốn tìm nhà ông X. Ông ấy cho tôi địa chỉ, nhưng không được rõ lắm, thành thử tôi phải đi kiểm.

Người đàn ông nhìn tôi từ đầu đến chân, sau cùng ông ta bảo :

— Ở đây không có ai là X. cả.

Dĩ nhiên ở đây không có ai tên X. cả, vì nếu có thì khỏi hỏi quá. Tôi xin lỗi ông ta và nói vì ở xa về, nên không rõ đường lối lắm, việc người bạn nhờ lại là việc gấp, nên tôi đã gõ nhầm cửa. Đúng lúc đó chị H. ở trong nhà đi ra (chị H. đúng như tấm hình H. thường cho tôi xem).

Tôi cáo từ người đàn ông và trở lui vội vàng ra ngoài phố. Trong câu chuyện này, ắt thế nào cũng có sự hiểu lầm. Cái người đàn ông ấy có thể chỉ là người nhà của vợ anh H. Cũng có thể là ông ta vừa trở thành người nhà của vợ H. Việc của tôi không phải là tìm xem sự thật ra sao. Việc của tôi là đưa cho chị H. bức thư anh ấy gửi tôi. Nhưng tôi đã không làm cái việc ấy. Có lẽ tôi không có quyền làm như vậy. Nhưng tôi vẫn

móc lá thư ra khỏi túi xé bỏ và vứt xuống đồng rác bên cạnh chiếc cống dưới chân. Tôi ghen hờn anh ta chẳng? lá thư đưa đến vào lúc đó có thể làm vỡ một lần nữa hạnh phúc của người đàn bà chẳng?

Dẫu sao nếu người chết là hết thì hãy để người sống tìm cách sống nốt đời mình. Thêm một giọt nước mắt vào đó cũng chẳng có nghĩa gì. Giọt nước mắt của ai cũng vậy.

nguyễn đình toàn

HOLMES WELCH

phật giáo lục địa trung quốc từ sau cách mạng văn hóa

Bài Phật giáo Lục địa Trung Quốc từ cuộc Cách mạng Văn hóa đăng tải trong Tạp chí The China Quarterly (Trung quốc tam cá nguyệt san) là tác phẩm của học giả Holmes Welch, một học giả được coi như chuyên viên nghiên cứu về vấn đề Phật giáo Trung hoa. Ông hiện đang viết cuốn thứ ba — mà cũng là cuốn cuối — của bộ sách nói về Phật giáo tại lục địa Trung quốc. Ông là hội viên của Trung tâm Nghiên cứu Á đông của Đại học Harvard.

Chúng ta, qua bài báo này, có thể nhận định được chính sách đối ngoại của Trung cộng mà một thay đổi quan trọng được nhận thấy qua thay đổi về đường lối của Trung cộng đối với Phật giáo.

V. Đ.

Ngày 3 tháng 8 năm 1966 bản tin Anh ngữ của Tân hoa xã có một mẫu tin ngắn: « Hôm nay Phật giáo Trung Quốc mở tiệc mừng một nhóm Phật giáo đồ Nhật, hệ phái Shingon do Juncho Onozuka lãnh đạo sang thăm Hoa Lục.

Ngày hôm trước, khách và chủ cùng dự lễ ở tu viện chính Bắc Kinh và ngày hôm sau, mồng 4 tháng 8, phái đoàn Phật tử nước bạn đã được Kuo Mo-Jo (1) tiếp kiến. »

Theo chỗ tôi tìm hiểu, đó là tin tức cuối cùng của sinh hoạt Phật giáo trên báo chí đại lục Trung quốc từ ba năm nay. (2). Không những tin tức về các phái đoàn Phật tử các nước bạn vắng bật (kể cả phái đoàn trên, bắt tin luôn từ khi thăm Tây an) mà cũng chẳng thấy báo đăng tin gì về Hội Phật giáo Trung quốc hoặc về các hội viên hội này (3) cùng là sinh hoạt của tăng ni và Phật tử. Cùng với các tôn giáo khác, Phật giáo dường như đã đột biến khỏi sập khấu Trung quốc.

Sự kiện nói trên không phải không có báo trước. Chẳng là các lãnh tụ Phật giáo Trung quốc muốn chứng tỏ ra điều họ cũng có thể góp phần phục vụ cho đường lối ngoại giao, song họ đã liên tiếp thất bại. Từ bao năm rồi, họ có ý muốn giành nắm quyền kiểm soát tổ chức Phật giáo lớn bậc nhất là Hội Phật tử Thế giới. Nhưng họ đã bị vấp trong kỳ đại hội lần thứ 6 do chính nước bạn Cam bốt tổ chức năm 1961, đã hoài công phản đối khi Hội quyết định dời cơ sở chính sang một nước không thân thiện là Thái Lan năm 1963 và họ lại càng dễ lộ cho mọi người thấy sự thất bại của họ khi tầy chay đại hội lần thứ 7 cuối năm 1964 (4). Lúc bấy giờ hy vọng của họ chuyển sang miền Nam VN, nơi phong trào Phật tử đang hoạt động mạnh, do đó có thể có cơ hội thực hiện nhiều mưu đồ quan trọng. Tháng 10/1963 và tháng 6/64 Hội Phật tử Trung quốc đã rầm rộ tổ chức khai hội, có phái đoàn gần chục quốc gia tới tham dự, trong số đó có vài nước chưa hề gởi phái đoàn Phật tử sang Trung quốc lấy một lần. Hiên nhiên Hoa Lục muốn tung ra một tổ chức Phật giáo quốc tế khác để cạnh tranh với Hội Phật tử Thế giới. Âm mưu này cũng thất bại nốt. Cuối cùng họ chỉ có thể vận động một số đại biểu ký tên vào mấy bản tuyên ngôn lời lẽ hơi « yếu » để tổ cáo Hoa Kỳ gây chiến ở VN (5). Lúc bấy giờ thì phong trào Phật giáo ở VN đã bắt đầu phân hóa. Cho nên đến cuối 1964, ngày 11-2-65, hội Phật giáo Trung quốc chỉ có thể cho ra một bản kháng nghị cuối cùng về VN. Mùa Xuân

năm đó chấm dứt mọi liên lạc Phật sự với các nước, trừ Nhật bản.

Trong khoảng thời gian đó ở nội địa Trung quốc lại có một biến chuyển đáng kể. Từ 1963 tới 1965 — có lẽ để phản ứng vụ sinh hoạt tôn giáo trong nước có cơ trời dấy vào khoảng giữa 1960 — 1962 (coi 6) — nhiều báo đại lục đặt đề tài thảo luận : « Vai trò tôn giáo trong đời sống ở Trung quốc, quá khứ và tương lai » (7). Cuộc thảo luận đã tiến tới phần đúc kết vào tháng 10/65 với một bài đăng trên tờ Xây Dựng Mới. Trước đây đường lối Đảng là « có Xã hội chủ nghĩa là tôn giáo sẽ tự động biến mất ». Bây giờ Đảng lại tung ra mở lý thuyết mới, đại để : « Tôn giáo sẽ không chịu chết... mà sẽ dựa vào phong tục tập quán để cố kéo dài kiếp sống yếu ớt và có khi còn âm mưu sống lại... Rắn dừ đang chết dần mà cần người thì người không chết cũng bị thương... Bởi lẽ đó nọc độc uy tín tôn giáo dù còn ít đến đâu cũng cần phải cương quyết đấu tranh chống lại nó trên tất cả mọi bình diện... phải nhổ và tiêu diệt bằng hết những rễ độc của nó ». (8). Lý thuyết mới này đã đề ra một sự thay đổi căn bản cho đường lối Đảng, mà trên thực tế đã tiến hành. Vào khoảng đầu 1965, cơ quan chính thức của Hội Phật giáo Trung quốc cũng bị đình bản. Ngay từ 1960, tờ « Hiện đại Phật giáo » càng ngày càng hướng rõ về thành phần độc giả ngoại quốc, đăng nhiều bài bằng Anh ngữ song vẫn tránh né những chi tiết cụ thể về hiện tình Phật giáo ở Trung quốc. Nó có tác dụng không khác loại báo « Trung quốc xây dựng mới », hiên nhiên là một công cụ để mua chuộc cảm tình độc giả ngoại quốc. Vậy mà nó cũng chỉ ra được số cuối cùng vào tháng 12-64, để đến tháng Tư sang năm mới hoàn lại tiền cho những độc giả dài hạn.

Tháng 10 năm 1965 một cuốn « Cẩm nang Nhân dân » loại mới được phát hành và khác những kỳ trước, lần này nó liệt kê Hội Phật giáo Trung quốc song tên tuổi một hội viên cũng chẳng được nhắc tới (9). Điều đó không có nghĩa là cơ sở của họ bị giải tán vì cho đến tháng 8-66 báo chí còn đăng tin tức hoạt động của một vài hội viên (10). Tuy nhiên nó cho thấy cương vị của Hội hẳn đã có sự thay đổi.

Ngày 30-11-1965 Hội trưởng hội Phật giáo Shirob Jaltso bị mất chức phó Thống đốc Thanh Hải. Không nghe nói ông có mất luôn chức Hội trưởng P.G. không, nhưng ông là nhà lãnh đạo số 2 của Phật giáo Tây tạng bị hạ bệ trong vòng 1 năm (Ban Thiền Lạt Ma bị công kích và truất phế năm 1964).

Nhìn ngược trở lại, ta có thể thấy tất cả những biến chuyển trên như đập thành một kiệu. Sự thất bại, không nắm được Hội Phật tử Thế giới mà cũng không lập xong một tổ chức khác để cạnh tranh... sự phân hóa của phong trào Phật giáo ở V.N... tình giao hảo nhạt dần giữa Trung quốc và các nước Phật giáo Á châu... sự thất bại không thể lợi dụng đạo Phật để bình trị Tây tạng... những sự bất lực trên đã vấp phải những đòi hỏi càng ngày càng nhiều của Chiến dịch giáo dục Xã hội và sự nôn nóng, càng ngày càng gia tăng của Đảng — có thể của chính họ Mao nữa — muốn chứng kiến thế hệ sau hành động đúng như họ tiên liệu và tự tay phá vỡ thần tượng. Như vậy thật chẳng có gì là hồ đồ khi ta tiên đoán rằng cả cái cơ sở Phật giáo do chế độ dựng lên từ 1953 nay sắp sửa rã rời từng mảnh.

ĐÓNG CỬA CHÙA CHIỀN

Trong cuộc biểu tình vĩ đại ngày 18-8-1966, khi toàn Vệ binh Đỏ xuất hiện lần đầu tiên, Lâm Bru đã kêu gọi chúng tận diệt những tư tưởng cũ, văn hóa cũ, phong tục cũ và tập quán cũ của giai cấp bóc lột. Một chiến dịch chống « bốn cũ » đã được phát động khắp Bắc kinh và nhiều đô thị khác trong vòng hai tuần. Phần lớn các tin tức đều cho rằng từ cuối tháng 9, bất cứ một ngôi chùa, đền nào ở Trung Hoa lục địa cũng bị đóng cửa hết. Xưa kia cũng có những tu viện vì đồ nát nên phải đóng cửa hàng thế kỷ, còn khoảng 50 năm thì nhiều ngôi bị nhà cầm quyền trưng tập là thường. Tuy nhiên, từ năm 845 trước Thiên Chúa, tới nay, đây là lần đầu tiên gần như hầu hết chùa chiền ở Trung Hoa đều ngưng hoạt động (11). Có chùa đóng cửa luôn, có chùa bị dán đầy khẩu hiệu (12), có chùa mất hết cả tượng Phật và đồ thờ (13) trong khi nhiều

ngôi biến thành nhà máy, văn phòng, hoặc doanh trại cho Vệ binh Đỏ (14).

Tôi xin nêu trường hợp những chùa bị đóng cửa ở phần phụ chú, bởi lẽ tin tức về vụ này chỉ có lác đác và do từ nhiều nguồn gốc khác nhau. Tuy nhiên cũng có một bài tường thuật mắt thấy tai nghe, có thể tin được mà chưa hề thấy đăng ở Âu Châu. Tháng 8 năm 1967, sai cả Tokuda Myohon phái Vinaya Nhật bản đã có dịp thăm Trung quốc trong một phái đoàn giáo dục. Thoạt đầu, người định đến Tây An để dự lễ kỷ niệm năm thứ 1300 của một cao tăng liễu đạo phái Vinaya nhưng ngay đêm vừa đến Bắc Kinh đã có người cho biết không đi Tây An được, mà phải đi Thượng Hải. Vậy mà mỗi khi có dịp lánh bọn hướng dẫn viên một lúc, người vẫn đi tìm thăm các chùa chiền. Ở Thượng Hải người đã thăm chùa *Fa-tsang Ssu* vào lúc 5 giờ sáng ngày 19-8-67. Đây là một ngôi chùa rất lớn, mới năm 1962 còn nhiều người đến lễ bái, dâng hương nhưng giờ đây đã biến thành nhà trọ; giảng đường là nơi cử tọa vẫn đến nghe giảng kinh nay chia ra từng gian nhỏ, tượng Phật mất hết. Sau đó người tới thăm chùa *Yu-fo*, mới 1965 còn là trụ sở của chi bộ Phật Giáo Thượng hải nhưng bị cấm không cho vào, đòi được quỳ lạy pho tượng Ngọc Phật nổi tiếng của chùa này nhưng cho biết tượng không còn nữa. Cả chùa gì chỉ còn vị sư trưởng trụ trì: trước phong trào Vệ binh Đỏ, tăng chúng nơi đây còn trên 50 vị trong số 300 hồi trước năm 1949. Nhà sư Nhật đòi gặp sư trưởng nhưng họ cho hay « ông đã bị mời lên cơ quan nào đó ». Sau đó người bảo tài xế tắc-xi đưa đến chùa Thanh An tự, song hẩn thẩn nhiên cho biết: « Có còn Thanh An tự đâu mà đến ! »

Ở Bắc kinh, người một mình đến thăm Quảng chí tự, ngôi chùa năm 1966 còn là trụ sở chính của Hội Phật giáo Trung quốc. Nay chùa bế môn, chư tăng hẳn đã bị trục xuất hết, tường vách chỉ thấy những biểu ngữ và hí họa. Một ngôi thiền viện gần Viện Bác cổ Hoàng gia đã được biến thành một thư nhà Bảo tàng để lưu giữ những chứng tích ghê gớm của chế độ địa tô. Trên tường là những biểu ngữ tố cáo Lưu thiếu Kỳ và bọn tay sai đã « đả ngộ tôn giáo » trong chương trình xét lại của chúng.

Chúng còn toan dựng Đài kỷ niệm *Chien chen*, vị cao tăng đời Đường từng sang thăm viếng Nhứt bổn, nhưng giờ đây công tác này đã bị hủy bỏ. *Kuo Mo-jo* còn tuyên bố với phái đoàn « Tôn giáo là chó săn của tư bản chủ nghĩa, một thứ thuốc phiện. Bọn còn tin Trời Phật gây chiến tranh xâm lược ». Nhà sư Nhứt Tokuda rời Trung quốc và rất náo lòng cho tương lai của Phật giáo xứ này (15).

Một trong những điều mà Tokuda tìm không ra là số phận các tăng ni trong các chùa chiền hiện đã bị đóng cửa. Nhiều người từng nêu câu hỏi này và được trả lời : « Những vị ấy đã được gửi về nguyên quán để tham gia sản xuất ». Dân di cư kể lại chuyện tăng ni bị ép buộc phải « bỏ dị đoan », cỡi áo tu, để tóc dài trở lại, ăn thịt và lập gia đình. Vị sư trưởng trụ trì một thiền viện nổi tiếng ở Phúc Kiến tới năm 1968 mới chịu tuân lệnh, cưới một nữ tín đồ làm vợ và rời chùa dọn đi Thượng Hải. Trong khi đó một vị nữ ni ở Thượng Hải đã mặc áo thể tục, đi làm công nhân năm 1967 nhưng mãi đến đầu năm 1968 vẫn không chịu ăn thịt hoặc lấy chồng (16). Sự buộc trở về thể tục cũng chẳng phải là một hiện tượng mới hơn là vụ đóng cửa chùa. Phần đông các nhà tu hành đã phải trở về đời khi bắt buộc phải đóng thuế và « thù lao tôn giáo » bị cúp vào những năm 1950 — 52.

Mặc dầu cũng có nhiều tin tức về vụ phá hoại các tác phẩm nghệ thuật và kiến trúc Phật giáo song tôi vẫn cho là ít khi xảy ra. Dù có tin các đồ thờ tự của một ngôi điện thờ (Lão giáo) ở Từ châu bị đốt cháy hết (17), song tôi không nghe nói một chùa Phật giáo nào bị tai nạn tương tự. Những tượng Phật, không phải ở chùa mà ở trường Mỹ thuật Trung ương đã bị học sinh đập phá ngày 24-8-1966. (18). Ở Hàng châu những pho tượng điêu khắc ngoài trời bị rạch nát mặt. Ở Thượng Hải nghe nói những pho tượng thạch sư phía ngoài Thanh An tự bị đập phá nhưng trước khi các đồ thờ bên trong chùa này bị hư hại, các nhà viên hội Phật giáo đã đến tận nơi trục xuất bọn Vệ binh Đỏ. Có thể vụ đóng cửa các tu viện và treo bảng « Miễn Vô » chỉ để tránh các vụ đập phá. Cuối năm 1966 nghe nói nhiều tượng thạch sư, tượng Phật và các đồ thờ được gói cất ở các nhà kho

và ở Bắc Kinh cũng thấy nhiều chuyến xe vận tải chuyên chở các món đồ nói trên (19).

Tuy nhiên chính sách bảo vệ không áp dụng cho những món tự khí linh tinh và nhân chiến dịch bài trừ « bốn cũ » nhiều pho tượng nổi tiếng đã bị hủy hoại. Như ở Thượng Hải có một ngôi chùa thờ La Hán được nhiều người biết tiếng mà ngay một gian điện cũng có 60 pho tượng La Hán tượng trưng cho các con giáp âm lịch. Dân ở đây có lệ « tuổi » gì thì thắp nhang thờ trước pho tượng « tuổi » mình. Một dân Thượng Hải kể chuyện lại trước khi chùa đóng cửa, Vệ Binh Đỏ đã bắt các bà già mộ đạo phải lấy búa lấy gậy phá tượng đi. Một tờ báo ở Đài Loan còn đăng một tin ly kỳ hơn. Trong thời kỳ cách mạng văn hóa, ở phía Bắc tỉnh Giang Tô là nơi Phật giáo có nhiều cội rễ sâu xa, tượng Phật ở các chùa chiền trong vùng đều bị dán biểu ngữ đề lên. Tượng La Hán được phong « địa chủ tàn ác », tượng Phật Bà Quan Âm « đàn bà hư hỏng », còn Đức Phật Thích Ca là « quân kẻ cướp ». Sau đó những pho tượng này bị Vệ binh Đỏ lấy dây trói lại và mang ra đấu trường để « đấu » như bọn phản cách mạng khác vậy. Họ hò hào nhân dân chửi bới, trút cảm hờn lên các pho tượng. Rồi các pho tượng được đội mũ giấy, cổ đeo băng kẻ khẩu hiệu và cứ thế kéo dong qua các phố, có chiêng có trống như đám rước trong mấy ngày liền. Vào ngày chót có « mít tinh » để đọc bản án : vị bồ tát này hoặc vị bồ tát kia bị lãnh án xử bắn. Một dân, người cựu Vệ binh Đỏ kể lại chuyện này phê bình : « Thật là dị kỳ đảo đề ! » (20). Thực ra cũng chẳng lấy gì làm dị kỳ cho lắm ở một xứ sở mà mấy ông quan án địa phương còn lôi những pho tượng La Hán ra đánh vài roi vì tội không làm mưa trong những buổi hạn hán. Hơn thế nữa, những cảnh tượng dữ dằn của tháng 8 tháng 9 năm 1966 ấy tưởng cũng dễ quên khi xảy ra những vụ như đàn bà con gái bị lôi ra khỏi nhà chỉ vì lỡ có mái tóc uốn quăn... và mộ phần bị đào lên vì chôn người ngoại quốc. Những ngôi mộ của người Trung quốc cũng bị nạn ấy ; có lần Vệ Binh Đỏ tính quật mộ một vị gốc Hoa kiều hải ngoại, chôn ở Phúc kiến nhưng bị một thiếu phụ bà con với người quá cố... vác xẻng chặn lại ngay cạnh mộ. Bà ta la : « Mấy người không có quyền khai quật mộ này nếu chưa có lệnh

Mao chủ tịch!» Bọn Vệ Binh Đỏ bèn đánh điện xin lệnh họ Mao thực và còn tố về bức bối vì có điện tin trả lời không cho phép. Chính thiếu phụ nói trên đã mục kích cảnh các vị sư bị Vệ Binh Đỏ bắt mặc bộ đồ linh mục đi diễn phở... và trái lại linh mục phải bận quần áo nhà chùa. Kề ra còn nhiều chuyện hành hạ tàn nhẫn hơn nhiều (21).

Ảnh hưởng của những vụ trên đối với giới tín đồ Phật giáo thật rõ. Ngoài vụ bản thân họ bị đe dọa sợ gần muốn chết, họ cũng chẳng thể đến dâng hương ở những chùa chiền bị đóng cửa và niêm phong, hoặc làm lễ khi các sư sãi đã về nguyên quán hết. Trên thực tế, từ 1962 trở đi trừ giới lão bà, càng ngày càng ít người dám đi chùa. Dân Trung quốc còn có lệ thấp nhang các pho tượng đặt ở dưới bếp, có thể là tượng vua bếp hoặc tượng Quan Âm hay tượng đức Thánh Quan ngày xưa vẫn thờ ở bàn thờ ngay gian nhà chính nhưng từ khoảng 1950 trở đi phải dọn vào trong bếp để tránh vụ phê bình. Nhưng từ tháng Tám năm 66 có phong trào xét nhà để tìm những tàn tích có tính cách phong kiến, tư sản hoặc mê tín dị đoan... do đó họ phải đốt hoặc hủy bỏ tượng. Đồng thời mua nhang cũng khó hơn trước nhiều. Một người có mẹ già thuật lại rằng bà mẹ thường hay ngồi trong bếp, nhìn lên vách hay ngó qua cửa sổ khi hàng mấy phút, khi mấy giờ. Có ai nhìn thấy cũng tưởng bà cụ đang ngồi suy tư nhưng người con biết mẹ đang hướng tâm trí về đức Phật và mong Ngài phù hộ độ trì.

Nếu chùa chiền đóng, các hội tôn giáo giải tán và báo chí cũng đình bản luôn, các phái đoàn tôn giáo nước ngoài cũng không thăm viếng Trung quốc nữa thì Văn phòng Tôn giáo vụ ở Bắc Kinh còn tồn tại để làm gì. Lý do là cũng như một vài cơ quan chính quyền khác, nó cũng ngưng hoạt động. Giám đốc Hsiao Hsien-fa cũng như phó giám đốc Kao Shan đều không thấy báo chí đại học nhắc đến từ tháng 8 năm 66. (22). Hồi đầu năm 67 và đến cuối năm 68 nữa, nhiều toán sinh viên Úc sang thăm Hoa Lục đã cố kiếm cách tiếp xúc với Văn phòng Tôn giáo vụ lúc họ có mặt ở Bắc kinh. Họ kiếm không ra và có cảm giác rằng người ta muốn bảo đảm cho biết cơ quan ấy không còn

nữa (23). Lại thêm vào lúc đó một du khách người Đức cũng ở Bắc kinh khám phá ra vụ có tới 2 Nha phụ trách các vấn đề Hồi giáo: một ở bộ Văn Hóa và một ở bộ Nội Vụ. Có thể đó là dấu hiệu sự chuyển giao trách vụ và nhân viên từ một cơ quan đã chấm dứt hoạt động... mà cũng phù hợp với vụ thánh đường Hồi giáo được mở cửa lại sớm hơn hết các tôn giáo bạn (24). Cũng có thể là Văn phòng Tôn giáo vụ vốn có liên hệ chặt chẽ với Bộ Đoàn kết đã cùng chịu chung số phận trong Cách mạng Văn hóa.

Điều mà chúng ta ít biết hơn cả là số phận của Phật giáo ở miền quê. Ở thôn quê và các nơi thôn dã, các thiền viện vốn là cơ sở cốt cán của Phật giáo chính thống từ một ngàn năm, như ở *Wu tai, Pu to, Chiu Hua, O-mei, Tien t'ai, Pao hua và Chung-Nan Shan*. Du khách Nhật không thể đi tới những nơi trên mà cũng không thể tìm ra một người từng ở đó về. Họ cho rằng các chùa ở những nơi trên cũng bế môn như ở thành thị. Hoa kiều hải ngoại cũng vậy, và những người từ lục địa di cư cũng chẳng biết gì hơn. Có người rời lục địa năm 1968 cho biết: «Chẳng có tin tức gì về sự tình nơi các danh sơn. Tôi chỉ biết là ở Thượng Hải không còn tôn giáo nữa» (25). Các nhà ngoại giao còn ở Bắc Kinh tới tháng sáu 69 kể lại rằng theo chỗ họ biết, tất cả các cơ sở tôn giáo vẫn còn bị đóng cửa, chỉ trừ thánh đường Hồi giáo.

TÌNH HÌNH HIỆN TẠI

Tháng 4 và tháng 5/69 tôi đi Nhật, Đài loan, Hương cảng và Tân gia ba với hy vọng kiếm thêm chút tin tức, đặc biệt là về tình hình đạo Phật ở thôn quê. Tôi chẳng dò hỏi được điều gì nơi những vị mà tôi đã gặp (kể cả giới Phật giáo Hương cảng là những người thường có nhiều tin tức) ngoài những tin mà tôi đã thu thập được qua sách vở và ra đi ô. Nhưng rồi tôi được nghe kể lại hai chuyện lạ, tuy chỉ nghe lại nhưng đây là những chỗ tôi tin cậy. Tôi không đi sâu vào chi tiết hoặc lưu ý tới từng cảnh chùa một, nhưng đại thể thì như sau: Tại một đô thị lớn

vùng ven biển Đông Nam, một tòa cô tự danh tiếng vẫn mở cửa như thường. Trước Cách mạng văn hóa có 19 vị sư sãi nay còn 14. Tăng chúng mặc quần áo tục, làm việc ở một công xã kế bên nhưng ai nấy vẫn ăn chay. Trong chùa thì gian đại điện khóa chặt, không ai được vô thắp nhang nhưng các gian nhà khác vẫn mở cửa rộng. Nếu hiểu theo sự hiện diện tập thể của như tăng thì chùa vẫn còn tồn tại.

Có người còn kể lại chuyện sau đây đáng chú ý hơn :

Mùa Đông năm 68-69, một bà lão Hoa Kiều hải ngoại về thăm quê ở miền Đông trung bộ Trung quốc, đất của con cái nhà Phật (26). Nơi đây một vài ngôi chùa trong số những ngôi nổi danh nhất (tất cả ở thôn quê chứ không ngôi nào ở gần tỉnh thành) vẫn mở cửa như thường, mỗi chùa có vài chục vị sư sãi. Các vị này đều trọng tuổi nhưng vẫn còn hành lễ được. Bà lão cũng xin chùa mở một đàn chay 7 ngày cho ông chồng quá cố và đã ở lại chùa suốt 7 ngày. Đi chùa khác bà cũng được thắp nhang. Tuy nhiên chư tăng không được sống như xưa mà phải cực nhọc, sản xuất lấy lương thực (từ 1950 trở đi càng phải trồng trọt nhiều hơn) và cũng có vài vị sư trưởng được Hội Phật giáo cử người đến thay (dĩ nhiên trước Cách mạng văn hóa). Tuy nhiên đó vẫn là nơi sinh hoạt của tập thể chư tăng. Nếu họ đã sống qua được đợt đả phá « bốn cũ » mùa Thu 68 và đến mùa Đông 68-69 vẫn còn tồn tại thì rất có thể họ còn sống được thêm ít năm nữa. Và các thứ « phong tục cũ » hẳn cũng vậy, cũng còn có tồn tại ở miền quê Trung quốc. Những phong tục đó phần đông đều xa lạ với chúng ta.

Tháng 7 năm 1969, khi bài này đang viết dường như đang chớm dậy một sự chuyển hướng từ tả sang hữu, từ cương sang nhu. Những lãnh tụ kiểu trưởng giả thủ cựu đang khởi sự tái xuất hiện và mối quan hệ với nước ngoài cũng được ra công điều chỉnh lại. Giới Phật tử Hương cảng và Tân gia ba đang bị áp lực hơn bao giờ hết để có một quan điểm tiến bộ đối với những biến chuyển ở Hoa lục. Qua các sự kiện trên, ta có thể suy đoán một cách hữu lý rằng trong vài tháng nữa, Hội Phật giáo Trung quốc sẽ « sống dậy » và tiếp tục hoạt động trở lại cùng với Văn phòng Tôn giáo vụ hoặc một cơ quan kế nhiệm

cũng như sẽ có các phái đoàn Phật tử từ Nhật và các nước khác sang thăm Hoa lục. Nếu vậy trong số những ngôi chùa bị đóng cửa sẽ có một vài ngôi mở lại.

Tuy nhiên ta khó lòng biết được liệu chùa chiền có được mở lại như một nơi mà chính người dân Trung quốc cũng cảm thấy được tự do thờ phụng hay chẳng. Theo tôi thờ ở những đô thị vào hạng lớn nhất thế nào cũng sẽ có ít ra là một chỗ thờ phụng về hình thức để tín đồ mỗi tôn giáo có nơi thờ tự như xưa. Điều đó không có nghĩa là Phật giáo có một tương lai sáng lạn ở Trung quốc, nhưng nội sự kiện thực tế (nếu đó là sự thực) là một số chư tăng hiện còn sinh hoạt được như một tập thể ở một vài thiền viện nổi tiếng đã cho phép ta tin rằng rất có thể sẽ có lại những buổi lễ quy y (lần chót vào năm 1957) (27) và đạo Phật không đến nỗi tàn lụi hẳn với lớp sư sãi già hiện còn sót lại. Không ai được biết cảm quan tôn giáo của đám đại chúng Hoa lục đã bị ảnh hưởng ra sao vì cuộc Cách mạng văn hóa. Cũng không ai biết lòng mộ đạo Phật của dân Trung Hoa ngày xưa đã bị sự tôn sùng Mao chủ tịch lấn lướt tới mức độ nào... cũng như chiến dịch chống tôn giáo cổ truyền đã bị phản tác dụng tới cấp độ nào (ngay Mao chủ tịch cũng từng cảnh giác về phản tác dụng này). Kể kể vị họ Mao rồi đây sẽ có chủ trương tôn giáo như thế nào, điều đó cũng chẳng ai tiên đoán nổi. Do đó nhiều nhất có lẽ ta chỉ có thể nói được rằng hiện giờ hãy còn quá sớm, chưa tới lúc viết nên trang chót của lịch sử Phật giáo ở Trung quốc vậy.

holmes welch

bản dịch của Nguyễn Ngọc Tú

CHÚ THÍCH

(1) Tập san Nghiên cứu Lục địa Trung quốc, số 3756, trang 31-32.

(2) Báo chí trong thời Cách mạng Văn hóa đặc biệt nín khe về một đối tượng đáng lẽ phải công kích hơn cả, nhất là trong chiến dịch chống « 4 cũ ». Trong bài tựa đề « Một trăm cách đập tan cái cũ, xây dựng cái mới » trên một tờ bích báo dán ở một trường trung học Bắc kinh ngày 1-9-66... đủ mọi thứ cũ cần phải đập đã được nêu lên nhưng không đủ động gì tới chùa chiền, sư sãi hoặc hội hè Phật giáo.

(3) Tập Tiểu sử các nhân vật của Tòa Tổng lãnh sự Mỹ ở Hương Cảng (Viện Nghiên cứu Liên Hiệp) có ghi lại những tin tức đăng báo Hoa Lục liên quan đến một số nhân vật Phật giáo quan trọng (tác giả đã nghiên cứu vào hồi tháng 5-69).

(4) Đọc bài « Phật giáo trong chiến tranh lạnh » của Holmes Welch, đăng trên Tập San Kinh tế Viễn Đông (Tập 35, số 9, ngày 8-3-62, trang 555-563), và « Phật giáo sau Đại hội kỳ 7 » cùng tác giả, cùng tập san (Tập 47, số 10 ngày 12-3-95, trang 433-435).

(5) Đại hội hồi tháng 10-63 có đại biểu của 11 quốc gia, và cả những phái đoàn tham dự lần đầu như ở Hội quốc, Nam Dương. Trong số các đại diện đó, một vài người đã tới dự kỳ đại hội sau hồi tháng 6-64 (8 quốc gia). Chỉ có Miến điện vắng mặt.

(6) Dân di cư có kể lại vụ nổi dậy ở các đô thị lớn. Những tài liệu do kích quân Trung Hoa quốc gia tịch thu được trong trận đột kích vào Liên Chang, tỉnh Phúc Kiến cũng nói tới những vụ nổi dậy ở thôn quê. Về vụ sau, xin coi tác phẩm của C.S. Chen và Charles Price Ridley « Những công-xã của dân quê ở Lien Chiang » (Stanford, 1969).

Những bản phiên dịch báo chí cũng xác nhận có vụ nổi dậy. Coi « Tập san Nghiên cứu Lục địa Trung quốc ».

(7) Winifred Glüer có tổng hợp đề tài thảo luận này. Ở bản ghi tam cá nguyệt về Thiên chúa giáo và Tôn giáo. Văn hóa Trung quốc (Hương cảng, 1967) (Nữ uớc, 10-65)

(8) Hsin chien-she, tập 10, số 33 (20-10-65).

(9) Jen-min shou-ts'e. 1965, trang 143.

(10) Coi lại chú thích số 2.

(11) Chỉ có thể có tin tức từ dân di cư và du khách. Coi « China Observed » (Nữ uớc, 1967). Những nhận xét của vài du khách Anh, Nhật mùa Thu 66 và Xuân, Hạ 67 được tóm tắt trong « China Notes » tập 5, cuốn 3. Vụ đóng cửa chùa chiền trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa có thể khởi sự trước ngày 18-8-66.

(12) Một bức hình được phổ biến rộng cho thấy một pho tượng chùa Ling-Yin dán đầy khẩu hiệu, chẳng hạn « Đọc tài vô sản muốn ngôi chùa này (vào hạng lớn nhất Hàng châu) chụp hồi tháng 1-67. Cửa chùa đóng kín, đại diện vắng tanh. Một bức hình đáng chú ý nữa ở Bodhedrum (Tai Chung) số 169, ngày 8-12-66. Hình chụp khoảng tháng 8, tháng 9-1966.

(13) Như chùa Neng-jen ở Kiukiang, du khách ngoại quốc thấy tượng Phật bị dọn đi hết.

(14) Như chùa Wo fo gần Bắc Kinh đã bị Vệ Binh Đỏ chiếm (báo Tokyo Shimbun, 29-9-67) Chùa Liu jung ở Quảng đông biến thành xưởng đóng hộp các-tông.

(15) Coi « Quan sát Phật giáo Trung quốc dưới Cách mạng Văn hóa » của Tokuda Myohon, tiếng Nhật, trong báo Asahi Shimbun (Osaka), 27-10-67.

(16) Tin tức cụ thể về việc bắt tăng ni lập gia đình cũng hiếm. Giang Thanh từng tuyên bố : « Có nhiều tăng ni xuất hiện ở phố Phụng Triết giang. Hãy cho mấy người ni có đó một tấm chõng di ! » Coi Viễn đông Kinh Tế Tập san (18-7-68)

(17) Tập chí Life 7-10-66 đăng hình tượng Phật ở San-ch'ing Kung bị đốt cháy trước đám đông cử tọa.

(18) Coi « Phật giáo ở Hương cảng » Số 77, ngày 1-10-66.

(19) Coi NU Thời Báo 25-12-66.

Coi tờ Boston globe ngày 28-8-66, bản tin AP

(20) Trung ương Nhật báo 14-4-67

Coi « Thế giới Phật giáo » Tập 15, số 6 (Tháng 1-67)

(21) Một dân di cư tới HC kể chuyện 3 vị sư già sống ở một ngôi làng giữa HC và Quảng Đông, Khi Vệ Binh Đỏ từ Bắc kinh

tới, chúng đã lấy roi đánh các vị sư, đốt am, đặt hình họ Mao lên bàn thờ.

Ngày 29-8-66 một tu viện ở Harbin bị đập phá và 100 ngàn người hợp mít tinh kỷ tội hòa thượng Ching-Kuan (coi FBIS 30-8-66). Coi *Modern Buddhism*, số 5 (1957).

(22) Coi NCNA ngày 3-8-66. Căn cứ vào tập tiền sử đã ghi ở chú thích 3.

(23) Coi China Notes tập 6, số 3 (tháng 7-68), tập 7, số 2 (Xuân 69).

Trong số các nhân vật bị từ chức, bắt bớ hay công kích có Liu Ying cựu phó giám đốc giáo vụ, Bộ Đoàn kết.

Coi Yeh-Chan Pao Quảng đông, số 12-13 (tháng 3-58) do Tập san Nghiên cứu Lục địa TQ trích dịch (số 4158).

(24) Coi Wolfgang Appel, « Chinesische Impressionen im Jahre 20 nach Mao, » neue Württembergische Zeitung (Göppingen), 10 tháng 4-1969.

(25) Trường hợp Vệ Bình Đổ phá danh sơn cổ tự, do một du khách Tây Đức kể lại, thấy VBĐ phá chữ, đào 1 ngôi mộ ở Lư Sơn (Life, 7-10-66) Tuy nhiên Lư Sơn cũng chẳng được coi như một nơi danh sơn quan trọng

(26) Coi cuốn *The Buddhist Revival in China* của Holmes Welch (Cambridge : Harvard University Press, 1968)

(27) Lễ quy y lần chót ở lục địa được cử hành vào mùa Xuân năm 57 ở Ku Shan và bản tin Tả Hòa xã ngày 16-5-57.

PHẠM CÔNG THIÊN

bông rụng nhiều hay ít ?

C₈ H₁₀ N₄ O₂ H₂ O

MÙA HẠ có mấy con chim lội qua biển, vài ba đám mây, bên kia là trời, màu xanh, màu trắng.

Cửa sổ mở ra, mấy tấm vải phơi dưới mái nhà ở đây, mái nhà ở đó. Hai giờ sáng, đi qua bước lại, mở cửa ngó xuống chiếc cầu đen. Thang lầu này vòng treo qua thang lầu kia, sân xi măng có gió, trời gần sáng, tiếng động. Đẹp, đẹp. Yêu đời, yêu đời quá. Hai chân kéo lòi ra ngoài đường, tiếng đàn hàng xóm, bên đây là im lặng, không có người nói.

Đúng 7 giờ, quán mở cửa. Cái quán đông suốt đêm qua, từ 11 giờ khuya cho đến 7 giờ sáng. Ngực khô ran, hút thuốc nhiều, lúc nào bỏ hút thuốc ? Lúc nào không mở mắt, lúc nào không bước đi. Nằm kê chân lên vách tường. Cho đến khi nào gặp lại. Cái chết vẫn được gặp lại ở quán cà phê đầy nắng.

Một tách cà phê, hai tách cà phê, vỏ đất bị xáo trộn kinh thiên. Bỏ uống cà phê, bỏ hút thuốc, bỏ uống bia '33. Tập sống giả đạo đức cho đỡ buồn, lâu lâu giựt mừng cho rớt xuống để bổ thí máu cho muối dổi. Cười con chó chạy cong đuôi ở ngoài sân, mở vòi nước lavabo, tực vào năm lần cho đầy bao tử, tập uống nước bần cho đỡ sạch, đỡ chán.

Tiếng con nít khóc, người mẹ ru con giọng xa, dài, buồn.

Quán mở, bàn ghế kéo ra. Cuối quán, ngồi tận đằng cuối. Âm nhạc kéo lê nhẹ, con nhện, mùa thu. Hôm qua, bà cụ nói : « Cậu hai con trước kia chết vì bệnh lao, thằng René, con của

cậu hai chết trước, René nó nghiêm nghị như cậu hai con, lúc mẹ có thai con thì René nó chết, mẹ khóc dữ lắm. Lúc cậu hai con nằm bệnh hấp hối thì ở dưới lầu người nhà đóng quan tài của René. Cậu con nghe tiếng động dưới lầu, hỏi ai làm gì ồn thế. Người nhà phải nói là... »

— Thôi mẹ đừng kể tiếp nữa, con biết rồi, con đã nghe mẹ kể nhiều lần rồi...

Buổi sáng, ngoài đường, xe cộ chạy vù vù qua cầu. Quên hết ngày hôm qua, quên hết ngày hôm nay, quên hết vỏ trái đất bị xáo trộn.

— Xin cho tôi tách cà phê như thường lệ.

Như thường lệ, mỗi sáng, thức, đi xuống sân trường, đứng lại ngó lồng bóng rổ, không có bóng. Cỏ héo nhiều, thiên hạ trét xi măng trên đó. Mỗi ngày, người mình cứng như xi măng, cứng, cứng,

— Xin cho một tách *Arabica*...

Sa mạc Sahara, ôi, nắng, nóng, lửa, Rimbaud làm cái giống gì ở đó? Dở tự điển ra tìm chữ, *café* là bởi tiếng Ả rập « qah-wah ». Không ngờ văn minh Ả rập cai trị thành phố Sài Gòn. Mỗi sáng, ít người biết rằng có gần một triệu người uống cà phê tại Sài Gòn và những thành phố vây quanh Sài Gòn. Mỗi sáng, ít nhất tại Sài Gòn có gần một triệu người phải chịu đọa đầy mở mắt ra và làm những việc khả kính.

MÙA ĐÔNG có mấy chiếc xe đạp bị nổ bánh. Vài ba đám mây, đó đây, đá và chỉ là đá. Tiếng hàng xóm chửi nhau, ông say rượu bắt đầu chửi thề. Cuộc đời vẫn đẹp như cái tên của cái hotel đối mặt với quán cà phê. Quán cà phê này độc nhất ở Việt Nam là có món *pousse-café*.

— Xin cho tôi một cái *pousse-café*...

Nhiều lúc tôi muốn nói với người giữ quán hiền lành:

— Xin cho tôi một cái *pousse-pousse*, một cái *cyclo-pousse*, một cái *pousse-cafard*, một cái *pousse-ennui*, một cái *pousse-néant*...

Nhưng tôi phải trấn dè Nhị hà lại. Vì làm sao *pousse-rien*

được? Phải tập ăn nói khả kính, đừng dấn, đừng hoang. Đãi khi tượng đã báo động năm trước là vỏ trái đất bị xáo trộn dữ dội.

— Xin kính mời đại đức khoa trưởng lên nhấn nhủ cùng anh em sinh viên đôi lời trong dịp họp mặt tất niên này.

Cái micro phải gió bắt đầu réo lên. Merde, đại đức, thất đức, khoa trưởng, thôn trưởng, ấp trưởng, xã trưởng, lấy sách công dân giáo dục ra học lại cho khả kính.

— Mi đã làm gì cho đời mi?

Nhan đề một vở kịch của Sartre, chưa đọc « *La Putain respectueuse* », sẽ đọc đêm nay, nếu không ngủ quên, không lười, không rầu, không mệt.

— Chúng ta phải tìm lại một căn nguyên, gốc rễ cho chúng ta. Tìm lại tinh thần văn hóa dân tộc... (tiếng micro lại xè xè như muốn réo *pisse-pisse*...)

MÙA THU có hai con chó con mà một bà nhà quê đứng bán ở tòa đô sảnh. Hai con chó quá nhỏ, một con đen, một con vàng. Tôi đang bước qua đường Nguyễn Huệ, đứng lại, hỏi rất lễ độ:

— Thưa bà, bà bán hai con chó con này bao nhiêu?

— Sáu trăm đồng, thầy ạ...

— Thôi, xin cho tôi gửi năm trăm...

— Thôi được.

Ông thầy chùa phải gió ôm hai con chó con băng qua đường, gọi ta-xi trở về nhà bà cụ. Thiên hạ hai bên đường ngó nhìn...

— Thưa mẹ, con vừa mua hai con chó này để đem về cho em Bích nuôi.

— Thôi con, cho ai thì cho phứt cho rồi, nuôi chúng, chúng ỉa ra dơ nhà, không ai dọn hết...

— Con dọn cho.

— Thôi con...

— Bích, anh mua cho mày hai con chó nè...

— A, a, sừng quá...

Hai ngày sau, mẹ tôi đem hai con chó cho người ta. Mẹ tôi bảo rằng chúng làm dơ cả nhà. Con Bích nó khóc âm cả lên.

Tôi nghe nó khóc mà có cảm giác như nghe cả một dân tộc Do thái đang khóc ở đền Jerusalem. Tôi giàu tưởng tượng, từ ngày mẹ tôi đem chó cho người ta đến nay thì đã gần 4 tháng và tôi cũng chẳng nghe con Bích nó nhắc đến chó lần nào nữa. Ô, con nít mau quên lắm.

— Không biết giờ đây hai con chó ấy đã làm gì cho đời chúng?

MÙA XUÂN có bông cúc vàng và bông anh đào Đà Lạt. Tôi nằm ngủ suốt ngày mồng một, đến ngày mồng hai ngủ luôn cho đến mồng ba. Thức dậy thì đèn đường đã tắt.

phạm công thiện

TÚY HỒNG

những sợi sắc không

(tiếp theo)

Trầm ấn nhát dao xuống phiến đồng sương hờ hững :

— Tôi ngồi đây tôi suy nghĩ... tôi nghĩ không biết tôi thương ai nữa, tình yêu hư hư thực thực, tình yêu chết yểu và tình yêu sống dai.

Sinh bực dọc bỏ đứng lên đi những bước nặng :

— Lúc này nghe người ta nói Trầm còn duyên ái cả Trương nữa ?

Trầm cúi nhìn xuống đất :

— Anh kê tai nghe thiên hạ nói xấu tôi... Phải, tôi với Trương có lẽ mới bắt đầu vào cuộc.

Sinh đứng thẳng ở bức tường ngậm thuốc, im tiếng, Trầm mỗi một lác đầu :

— Mà có lẽ cũng đang phá cuộc... tôi với Trương...

Miệng Sinh cười rộng :

— Tình yêu của Trầm là trò hề trong gánh xiếc.

— Đúng, em là bò lạc, em là ngựa hoang chưa về chuồng.

Hai lòng mày của Sinh nhăn lại gần nhau :

— Em dễ dàng ngủ với bất cứ một ai... Tại sao thế nhỉ ? Trong khi em đau phải.

Trầm đưa bàn tay lên gãi gáy :

— Cho phép anh mệnh danh em là dĩ. Dĩ tinh thần lay dĩ vật chất cũng chỉ là một, dĩ óc não rồi lay qua dĩ thể xác... cũng thế.

Trầm mở hộc bàn loay hoay tìm kiếm, Trầm kiếm ra lá thư viết cho gia đình tối hôm qua chưa cho vào phong bì, Trầm xem : « Xung quanh nhà con có mấy cái ao rau muống, nên, sáng trưa chiều con đều nhìn rau muống. Con thấy con cũng mọc hoang như cây rau muống. Con từ dưới đất nể đục lên hay con từ trên trời rớt xuống bơ vơ còi cút như thê cha từ mẹ bỏ, không quen biết, không gần gũi liên hệ, không một giọt máu loãng nào lai vãng. Vừa qua, mùa đông đến muộn và ở lại rất lâu nên con không nhìn thấy mặt trời. Ngực con, chân tay con cũng như vụn vật bị ướp lạnh cứng triền miên. Heng oang kêu năm canh nhao nhao từ mấy cái hồ rau muống ngập nước mênh mông, âm thanh bào xốt mặt phẳng tâm hồn. Ở đây ma rất nhiều nhưng con không sợ, con chỉ sợ du dương thấy con ở một mình xông vào làm tiền bẻ tay bóp cổ. Ngủ một mình con cũng không buồn, ăn cơm một mình con cũng không tủi thân, đêm đêm có đàn chuột ra ăn những hạt cơm con làm đổ... ».

Trầm vậy Sinh lại gần định đưa cái thư cho chàng xem, nhưng rồi ngần ngừ rồi xé toẹt, cười nhạt :

— Anh Sinh ạ ! ngủ một mình cũng không buồn, ăn cơm một mình cũng không tủi thân... tôi sẽ cô đơn cho đến giấc ngủ chung thân của tôi.

Sinh hỏi :

— Em vừa xé cái gì vậy ?

— Tối hôm qua ngồi hí hục viết được cái thư về thăm gia đình, bây giờ nỗi khùng lên xé toẹt... Em không muốn làm một thứ nhĩ nữ thương tình... Em chỉ muốn làm một thứ nghịch nữ.

Sinh ngồi dựa mạnh ra sau nhướn mắt nhỏ vai :

— Chỉ làm một thứ nghịch nữ thôi sao ? làm gì ít quá vậy ? ít tở quá vậy ?

Trầm cười :

— Ra là anh đang khôi hài... ít tở là ít, ít tở ít... tôi cũng giỏi chữ quốc ngữ đấy chứ ! Sao anh cứ muốn lấy thứ gái ít tở này làm vợ hoài vậy ? Sao anh cứ tán tỉnh ve vãn tôi hoài vậy ? Người đạo đức tại sao cứ hay tán gái ít tở hoài vậy ?

Trầm ném cho Sinh cái nhìn cong như cánh cung, nhọn như lá cỏ tranh trong khi tiếng hát của nàng lên nhẹ : « Người ngồi xuống mây ngang đầu, mong em qua bao nhiêu chiều. Vòng tay đã xanh xao nhiều. Ôi tháng năm gót chân mòn trên phiếm du. Người ngồi xuống xin mưa đầy. Trên hai tay con đau dài, người nằm xuống nghe tiếng ru. Cuộc đời đó có bao lâu mà hững hờ... »

Trầm vào trong mở tủ lạnh cất đĩa đông sương, lấy ra một mớ bông su, mớ cà rốt, vài tai nấm đông cô và nửa con gà còn lại tối hôm qua cho vào cái rổ nhựa nhỏ đi ra nhà sau làm bếp. Trầm ngồi xuống chiếc đôn, cầm dao gọt vỏ cà rốt, sức nhớ ra chưa ngâm bóng, vội vã đứng lên nóc garde manger lôi ra tấm bóng dày. Sinh sủng sỉnh trong bộ áo ngủ ủ lãng bước xuống bếp quàng tay qua vai Trầm hỏi :

— Trưa nay, em cho anh ăn món gì đó ?

— Bóng xào.

— Em làm đề cùng ai vậy ?

— Bộ cứ làm bóng làm vậy là đề cùng giỗ ai hay sao ?

Sinh trợn mắt :

— Em cho anh ăn gì kỷ vậy ? làm món bóng công phu lắm vậy ?

— Kể cũng hơi lĩnh lĩnh. . phải ngâm bóng với nước vo gạo rửa bằng nước sôi, rửa lại với rượu để với gừng đậm nhỏ rồi lại rửa nước sôi vắt cho ráo nữa...

Trầm lắng nghe và hình như Sinh cũng lắng nghe tiếng nhạc lớn từ chiếc máy phóng thanh ngoài đường hát to lên : « Nhưng ai biết đời thay đổi... Tình yêu sao nở sớm phai tàn ! Người ơi duyên kiếp đã lỡ làng, ngày em vui duyên mới không một lời giả từ. Nay còn đâu giấc mơ êm đêm dưới trăng mơ màng... »

Sinh xuýt xoa :

— Bài hát tươi quá !

Trầm nhận ra rằng những bài hát thời trang bây giờ lời ca có đầu có đuôi, có cốt truyện ngắn nắp như một chuyện ngắn nhỏ đề mà rủ rủ, đề mà thì thầm với những tâm hồn bình dân những điều thật dễ hiểu ; trong khi đó, loại nhạc già, nhạc trí thức thì trắng một câu, gió một câu, lòng ta cảm xúc ra sao một câu... đối với giới bình dân thật khó ưa.

Ngủ trưa dậy thì trời đã chiều, Trầm kéo Sinh đi thăm quán cà phê của Trương mà không cho Sinh biết. Tâm hồn nàng lao xao rung chuyển, một vết buồn ray rứt cào nhẹ ý thức khi nàng chợt nhớ tới một cơn mưa cùng đi với Trương trong cơn say. Trương kéo cái mũ bê rê xuống cầm ở tay lệch lạc hát:

— Ông tây đen nằm trong cái bồ. Ông tây trắng ăn bánh ga tô.

Trầm bóp nghiêng bàn tay Trương lại nghiêng rằng nói:

— Anh với bao người khác cứ cưỡng bức gò ép cái mạch suy nghĩ của tôi, anh với bao người khác cứ lái tôi vào nỗi suy nghĩ bi thảm rằng tôi là một Thúy Kiều. Nghĩ cho cùng tôi hơn Thúy Kiều chứ, Thúy Kiều tuyệt tự, còn tôi thì có một đứa con. Thúy Kiều là điểm thật, tôi là điểm giả... Tôi ở trên Thúy Kiều mấy bậc thang cấp.

Trầm và Sinh bước vào « Quán bạn » thì có mấy cái miệng ồ, mấy cái tay vỗ. Sinh lung tung hỏi:

— Đây là đâu vậy Trầm?

— Một cà phê hội do Trương sáng lập.

Trương bước tới bắt tay Sinh nói lớn:

— Hân hạnh... hân hạnh to... Rõng đến thăm tôm.

Sinh vội cái:

— Lươn đến thăm tôm hùm... Phải không Trầm, anh Trương là tôm hùm, còn anh là lươn phải không Trầm... anh Trương là tôm hùm.

Sinh lại cười, nhe thật nhiều răng ra. Trương cũng cười, mấy chiếc răng cửa của Trương mòn, hai chiếc răng nanh vẫn còn dài, Trương cười hình cầu vồng. Trầm nhìn chung quanh nói nhanh:

— Mở hàng mở quán gì mà kỳ thế này?

Lý vội vã:

— Kỳ là kỳ làm sao?

— Hàng quán cà phê cà phịa gì mà không thấy ai lại uống cà... mà chỉ có mấy nhà hùn vốn ngồi uống với nhau thôi vậy? Chắc hai ngày cạn vốn...

Nàng cười hắc hắc nhìn Sinh:

— Hai ngày hết vốn...

Nghe chạy vào trong bê ra cuốn sổ đưa vào mặt Trầm:

— Đây là sổ vàng, xin anh Sinh với chị Trầm, hai nhà hảo tâm thương hạng của chúng tôi hãy ký vào đây mỗi người một chữ.

Trương vỗ tay:

— Phải bắt của Trầm năm xin mới được.

Đôi môi Sinh phác nét cười nhẹ, Sinh không uống cà phê, Sinh hỏi tiền thuê nhà mở quán bao nhiêu, tiền sắm đồ đoàn bao nhiêu, người trong hội uống có phải trả tiền không? Trương đáp nhanh cứ mỗi ly bảy đồng, bảy đồng như چرا, bất kỳ ai uống cũng phải bảy đồng một ly. Trả tiền liền một khi và cũng có thể trả tiền vào cuối tháng. Ai mắc nợ cứ tính vào sổ rồi trừ vào tiền lời.

Trầm cười:

— Tiền lời... tiền lời... lời gì mà lăm lời... chẳng thấy có khứa nào đến quán cả, chung quy chỉ mấy ông ngồi uống với nhau, tâm ngầm tâm ngầm.

— Bậy nào... buổi sáng đông nghẹt cả khách, buổi chiều bọn này đuổi họ đi hết để ngồi tình tự.

Trầm nhìn bức tường vôi lở mặt, những chiếc bàn vuông vức khô kèch, những chiếc ghế đầu tróc sơn chắc chắn, nhìn nền nhà rịn nước, mái ngói xuống thấp không trần không quạt máy, vui tươi thổ phào:

— Thôi cũng xin cúng dường các anh vài cỗ phần coi như bị móa túi.

Lý trừng mắt:

— Công việc làm ăn lớn của người ta... Cô này bạ đâu nói đó. Anh Trương bỏ bê nhà cửa ăn dầm ở đề tại đây, không soạn bài đi dạy...

Ngôi nhà làm hường tây hút no nắng buổi chiều. Bóng nắng chụp hình khung cửa sổ không chắn song in lên bức tường. Trầm mở chiếc quạt ngà phe phẩy chút gió vào hai má đề trần trắng mượt như bánh bao. Sơn cười:

— Nhiều lúc, tất cả mọi tên bán quán này cởi phăng áo sơ mi ra, mặc may ô không thôi.

Sinh nhìn Trầm :

— Ở đây mùa đông sẽ là một tuyệt thú.

Trầm gật đầu mím môi :

— Anh Trương sẽ quạt vô số « nòng ắp » mời gái Huế lại.

Ba người bạn nhỏ của Trương cùng nói :

— Mấy cô tới quán này nhiều lắm đấy... Kim Linh, Hoa Trà,

Vân Nghi...

Sinh chợt hỏi :

— Cô May có tới quán lần nào chưa ?

Câu hỏi gieo một khoảng trống hết sức nhỏ, mọi người im lặng nhìn Trương cười ngượng. Nghiêm đây gói thuốc là tới trước Sinh. Sinh đang giữ một cái nhìn vờ một vẻ áy náy xa vắng trên khuôn mặt. Trương tươi tỉnh nói :

— Cô May là một bậc nữ lưu chí cả như cá kình cá mập có bao giờ lại đặt chân đến đây.

Trương cười bật một tiếng ngắn khẽ và khô, nhỏ nhẹ mời Sinh hôm nào đến ăn cơm ngủ lại đánh xì phé. Sinh uống tách nước nhỏ, đưa mắt cho Trầm đứng dậy ra về.

(còn nữa)

túy hồng

PHAN LẠC PHÚC

phổ cũ

Rủ nhau chơi khắp Long Thành
Ba mươi sáu phố rành rành chẳng sai
Hàng Bồ, Hàng Bạc, Hàng Gai,
Hàng Buồm, Hàng Thiếc, Hàng Hải, Hàng Khay
Mã Vĩ, Hàng Điều, Hàng Giày
Hàng Lờ, Hàng Cốt, Hàng Mây, Hàng Đàn
Phố Mới, Phúc Kiến, Hàng Ngang
Hàng Mã, Hàng Mắm, Hàng Than, Hàng Đồng
Hàng Muối, Hàng Nón, Cầu Đông
Hàng Hòm, Hàng Đậu, Hàng Bông, Hàng Bè
Hàng Thùng, Hàng Bát, Hàng Tre
Hàng Vôi, Hàng Giấy, Hàng The, Hàng Gà
Quanh đi đến phố hàng Da
Trải xem phường phố thật là xinh sao...

Không biết bài về này làm từ bao giờ — xuất hiện từ thời nào ? mà nó lại được dùng để tạo nên thành ngữ « Hà Nội ba mươi sáu phố phường ». Thạch Lam đã dùng cái tên này làm nhan cho một cuốn sách nói về các món quà Hà Nội. Nguyễn Bình từ quê ra tỉnh, yêu ngay một cô gái Hà thành và làm thơ : « Hà Nội ba mươi sáu phố phường — Lòng chàng có để một tơ vương ». Nhưng mà Hà

Nội có phải chỉ có ba mươi sáu phố thật không ? Tôi nghĩ là không. Theo cái trí nhớ đã bắt đầu mờ của tôi về Hà Nội thì tôi thấy còn thiếu nhiều phố quá. Ngay như cái phố tôi ở thuở nhỏ không thấy được ghi trong bài về này. Tôi ở phố Hàng Vải, thời Tây được ghi là Rue des étoffes. Từ ngã tư danh tiếng của Hà Nội : Hàng Ngang, Hàng Đường, Hàng Buồm, Hàng Cẩn, tính từ con đường Bờ Hồ đi về phía chợ Đồng Xuân, đến ngã tư vừa kể là rẽ sang tay trái. Một con phố ngắn, thật ngắn chừng 20 thước thôi được gọi là Hàng Cẩn nhưng lại bán măng khô, miến Tàu, chè, lương vị đủ các loại. Hết Hàng Cẩn là đến phố Phúc Kiến, bán toàn thuốc bắc, quanh năm lúc nào cũng vàng vắt mùi cam thảo, tảo tầu, nhà nào cũng treo đầy ngạc (sừng) nai. Hết Phúc Kiến là đến phố tôi, phố Hàng Vải. Giống như phố Phúc Kiến, gồm toàn người làng Đa Ngưu ra Hà Thành lập nghiệp và ở xúm xít với nhau trong một con phố, Hàng Vải phần lớn là dân của một làng có nghề cang cửi ở Sơn Tây ra mở cửa hàng « ngoại tỉnh ». Trước mặt nhà tôi, hai bên tả hữu đều là người nhà. Sáng trưa chiều tối nhà này vẫn chạy sang nhà kia thì thọt. Ở giữa phố có một cái đình, mà ông bác tôi, các ngày sóc, vọng, lễ, Tết vẫn cứ khăn áo dài đi lễ.

Đình Hàng Vải là một « nhân vật lớn » trong quãng đời thơ ấu của tôi. Trong đình có vườn rộng rãi, có cây đa, cây đề, cây na, cây mít, cây đu đủ v.v. Vườn như biệt lập khỏi đô thị, quanh năm âm thầm mùi khói hương nhàn nhạt và tiếng lách chách của đàn chim thành phố. Tôi sinh ra ở nhà quê, lên 8 tuổi mới theo bác tôi ra Hà Nội, đi học lớp Préparatoire ở trường Đồng Hữu Vị trên Cửa Bắc. Tôi hay đến khu vườn này để đỡ nhớ nhà, nhớ quê, nhìn mái ngói cong xanh rêu và đưng đầy lá úa đề nghĩ rằng đây là đình làng, nhìn những cái án gian sơn son thếp vàng, những cái tàn, cái lọng, những lá cờ đuôi nheo để nhớ hội hè đình đám.

Đến khi tôi lớn lên một chút, đã bỏ cái áo dài thâm bốn mùa, bỏ cái mũ trắng nhà quê để bắt đầu mặc « soóc », thì tôi lại dùng cái vườn, cái sân đình làm việc khác. Tôi trèo lên cây bắt tổ chim, bẻ cành na làm ngạc sừng. Những con chim sẽ thành phố bị tôi phá quá, bay dần đi nơi khác. Thay vào những con chim

hay bay nhảy và di động, tôi bán những trái mít non, hạ hết những trái đu đủ. Tôi bắt đầu ham thích đá bóng nên rủ đám bạn đưa bạn vào sân đình tập « sút ». Sân đình có hai cái cột xi măng chúng tôi dùng đó làm gôn, thay nhau tập đá bóng, bắt bóng. Hai cái cột xi măng sơn vàng và cái tường đằng sau chẳng mấy chốc đầy những vết bóng đen sần. Thấy ông từ hăng dạng hay là thấy ông lấp ló đằng xa, chúng tôi bỏ chạy như ma đuổi. Không bắt được tôi, ông từ già lóc cóc sang nhà tôi mách. Ông bác tôi lại dè chừng cháu ngộ nghịch đánh cho một trận đòn quần dít. Trông cái mâm lễ vật và số tiền hàng năm nhà tôi cúng đình nhân ngày lễ, Tết, tôi thấy có hậu hĩ hơn nhà khác — Tôi nghĩ nó cũng một phần nào đền bù cho cái sự phá phách của tôi.

Đến năm 1946, khi tôi làm Tự Vệ Thành thì khu đình Hàng Vải trở nên trụ sở thanh niên thiếu nữ — trụ sở Tự Vệ. Chúng tôi họp hành, đàn địch, tập luôn cả những màn kịch lãng mạn yêu đương ở đấy. Ông từ già không còn lý do gì ngăn cấm chúng tôi nữa hết — nhất là khi thành phố đã tản cư — cuộc chiến Việt-Pháp sắp sửa bùng nổ chúng tôi thực sự là chủ của khắp cả khu này. Đình hàng Vải được dùng làm nơi tập trung Tự Vệ. Từ đây, mặt trước có thể chuyển sang khu hàng Đồng hàng Mã, sông Tô Lịch liên lạc với khu Đồng Xuân. Muốn tấ công thì tụi tôi xuống hàng Cuốc, sang đình Thái Cam phố Tiên Sinh, sát với đường Thành phố của Đông, trại lính Tây. Muốn rút thì tụi tôi chuồn sang hàng Sắt, hàng Phèn, hàng Bút — chuyển qua hàng Bờ tới hàng Bạc rồi đi suốt ra bờ sông chỗ Cột đồng hồ. Thành ra tháng 12 năm 1946, chúng tôi cứ đánh nhau nhì nhằng với Tây suốt 2 tháng trời — rồi khi cùng quá rút đi vẫn không làm sao hết.

Năm 1950, tôi hồi cư về Hà Nội. Căn nhà tôi đã đổ nát. Khu đình Hàng Vải vẫn không sao — riêng có cây đa bị mảnh trái phá cắt mất ngọn nên đã chết. Nơi hai cái cột xi măng sơn vàng chỗ tôi vẫn dùng làm gôn đá bóng thừa xưa thì bây giờ đã được sửa sang lại. Không phải sửa sang cho đình hàng phố, mà nó được thu dọn khéo léo để trở thành một quán bán nem Cua, thang và bún chả. Ông từ ngày xưa đã chết từ hồi nào không

biết. Người hàng phố cũng toàn người lạ. Tôi không còn ở đây nữa, thỉnh thoảng đến phố cũ ăn nem như bất cứ một người xa lạ nào...

phan lạc phúc

ĐÌNH NGUYỄN

thành phố

Thành phố ngọt ngào và những con đường đi mãi không ra khỏi. Như Trụ nói tôi chán những ngày ở Saigon. Hắn có lý hay vô lý trước khi phải đi trình diện vào tuần tới. Sự im vắng buổi trưa dè dặt lên bàn ghế ử rũ, những chân chường của chúng ta đem bày cũng thế thôi. Trong quán nước họ vẫn gặp nhau để chẳng biết phải làm gì, tìm gì, nói gì, miễn là có mặt. Nhìn lên những ngọn cây đã nhìn nhiều lần. Hơi nóng và khói xe, nghi ngút, thành phố chỉ có thế, những gì thấy đi thấy lại nhiều lần. Đi mãi cũng vẫn là đi quanh, cũng chỉ là một cách để tìm gặp những người bạn, Toại, những ngón tay xanh xao và đôi mắt mệt mỏi, luôn luôn xem mỗi lối sống, lẽ thói, hoàn cảnh đều là một cách chết.

— Tôi không còn nghĩ gì về căn bệnh đeo đẳng của mình, đến một lúc nào đó tôi bỏ nó hay nó bỏ tôi.

Toại nói thế và cười hồn nhiên (?). Riêng tôi, tôi chỉ nhìn thấy sự mệt mỏi ở Toại, không hiểu được. Chúng ta không có điều gì cần phải hiểu cả, mà có cần thiết không? Phan, thường với đôi kính đen những cọng râu lởm chởm và sự im lặng, lang thang đi tìm chính mình trong cái thế giới riêng của Phan, thế giới chữ nghĩa quỉ quái. Vào bảy giờ sáng, những ngày nào có thể dậy sớm được, tôi ngồi đó uống tách cà phê đầu tiên trong

ngày. Chỉ sau khi đó giấc ngủ mới đi hết và bắt đầu sắp xếp những công việc phải làm. Một ngày khởi đầu từ đó, nhàm chán với công việc ở sở, khi cứ phải nghĩ mãi về chúng, chờ như người bạn tới, hẹn đến buổi tối, dời quán, dơ tay chào như người còn ngồi lại, đẩy cửa bước ra đường.

Buổi sáng nắng lóa trên các ô cửa kính làm chói mắt (Như đợt sóng sáng bạc dưới mặt trời biển của cơn mơ đêm qua Hương không đến như mọi buổi sớm khác để uống với nhau tách cà phê ấm. Chắc bạn? Không chắc ngủ muộn? Hương không đến chỉ có thế!

— Anh cứ than oán mãi về Saigon, sao anh không bỏ đi từ một ngày?

— Em có đi với anh không chứ?

— Anh chẳng vẫn bảo em là cái bóng của anh là gì

— Nghĩa là...

— Nghĩa là... anh kém thông minh.

— Chắc vậy, anh thường chậm hiểu và mau quên.

Hương cười. Tôi khó quên (dù là rất mau quên) nụ cười Hương, thật là trẻ thơ, nhưng tôi chưa bao giờ nói cho Hương nghe ý nghĩ đó, cũng không hiểu tại sao.

Hương, những người bạn, cái quán đối diện công viên, như ô kính lóa buổi sáng, ánh đèn chóng mặt ban đêm, còn gì nữa tìm kiếm trong thành phố? Có mặt chỉ để có mặt, để tự hỏi tại sao... tại sao... Tách trà nguội im bất bèn ngón tay vàng khé thuốc của Phan. Khó mà biết hân vui buồn khi hân yên lặng, thường là hân yên lặng. Tôi hỏi Tru, hình như không phải là thứ nhất tôi hỏi thế, có nghĩa là phải nói một câu gì chẳng lẽ...

— Nhất định tuần sau đi trình diện đấy?

Tru vươn vai nói làm sao được. Toại rót thêm trà vào tách khỏi hài:

— Thì ai cũng phải « lẳng mạn » như thế một lần.

Phan vẫn nhìn ra ngoài đường, nhưng tôi biết hân chẳng đợi ai cả, gật gù cười tiếp:

— Nhưng vẫn chưa lẳng mạn bằng cho bạn bè đọc tên mình trên trang cuối của tờ báo ngày.

Bấy giờ là buổi chiều một ngày nghỉ, tôi thấy Hương đang chờ bằng qua đường. Mấy ngọn lá bay trong công viên và tôi biết trời đang nổi gió, thêm đi ra ngoài. Hương đến đúng lúc dù không phải là một buổi hẹn, đúng lúc để tôi có thể ra khỏi nơi đây. Tôi sẽ trở lại nếu các cậu còn ngồi. Hương hỏi:

— Tại sao các anh hay ngồi đây?

— Để hỏi tại sao mình không ngồi chỗ khác.

Hương phá ra cười. Thêm một lần tôi tìm lại nét thơ dại ở Hương. Hương nhỏ bé trong đường phố nghen chặt những nóc cao, giồng xe trôi đi bọc bội ngập ngừng. Chúng mình đi đâu đây? Tôi luôn luôn không hoạch định gì, nhất là khi Hương đến bất thường như thế. Thôi đi đâu cũng được, thế nào cũng là một buổi chiều phiêu du, khoảng ngày tháng nhàn hạ của chúng ta ít oi. Em quên là anh sắp đi lính sao? Tôi khôi hài (bất chước câu nói của Toại): Phải « lẳng mạn » lắm mới đi lính được.

— Em sẽ nhớ anh.

Tôi hỏi em có nhận được thư Liên không? Hai người lại vào một quán khác ngồi nhâm nhi tách trà chat và nguội. Tại sao chúng ta cứ mãi buồn rầu? Nói với nhau mọi sự rồi sẽ bình yên nhưng không đoán chắc như vậy. Chúng ta đang tự dối, tự tránh né, khép nép với chính mình. Mọi sự rồi sẽ bình yên. *Những ước muốn chỉ là được bình yên ở trong thành phố này hay một nơi nào khác.*

— Em vừa nhận thư nó hôm qua. Nó kể về những nhánh cây khô khảnh khiêu của Paris đón tuyết, nơi ăn chốn ở, chuyện học hành và nỗi buồn. Nó cứ nhắc đi nhắc lại mãi về thời gian năm năm trước mặt phải sống nơi đó. Một nơi xa đến nỗi, nó viết là em muốn cũng chẳng tưởng được ra sao.

— Cũng như nó viết cho anh vậy.

— Có thể có một điều khác. Cuối thư cho em nó nói em sẽ buồn khổ khi yêu anh.

— Với nó thì anh vẫn là đứa anh trai hư hỏng, mà anh hỏng thật. Chính anh cũng không thương được mình, còn em là niềm tủi thân của anh.

Hương nói thôi anh! ai mà chẳng nuôi một hư hỏng, bất

toàn. Anh nghe kia, anh nhớ bản nhạc này không? vừa có câu «Give me your shoulder to cry on». Hương chợt hùng hăng ho.

— Em phải cố ngủ nhiều, hồi này em có vẻ tiêu tụy. Hương đưa ngón trở lên môi lắc đầu nói anh đừng nhắc nhở em chuyện ấy em buồn bây giờ. Bàn tay Hương nhỏ nhắn dịu dàng và tôi thích áp ủ trong tay mình. Có thể đó là một tình cảm đàn ông, muốn làm một bóng mát dù bóng mát sẽ tàn theo những mùa Đông và lúc đó bóng mát lại là nơi chôn chôn nó. Hương vẫn còn đây trong những ngày cuối cùng tôi chưa ra khỏi thành phố. Dù sao sự có mặt của Hương cũng tạm là một điều yên tâm cho buổi chiều này. Những chiếc ghế nệm xám đứng quanh những chiếc bàn thấp, cây cột gắn gương soi, chiếc quần chúng ta vẫn ngồi trốn ngày tháng đó! và những lời nói thần thi. Chúng ta đã nói gì nhỉ? Ai? anh hay em? Muốn nói chuyện gì lại quên mất. Ngón nghĩ đôi khi bất lực thật. Thôi vậy, mỗi người hãy nghe chính tiếng nói của mình. Tiếng nói dội ngược về và chìm mất trong chúng ta. Vô duyên và kỳ cục khi cứ phải hiểu chính lời nói của mình. Để làm gì? Tôi mãi nói loanh quanh về một người nào đó tôi sẽ đi. Tại sao vậy? Hương nhìn tôi, nỗi buồn mở lớn trong mắt. Đến một lúc tôi thấy ở đó hun hút một chiều sâu bàng hoàng, chóng mặt. Tôi chợt im lặng, này giờ tôi nói nhiều quá mà không biết để làm gì? đến một mưu toan nào? một quyết định nào? Vừa lúc tôi thấy Hương cúi xuống nhìn vào tách trà thờ ơ dài. Tôi ân hận tưởng như Hương đang bị hành hạ, quay cuồng trong ngôn ngữ tối nghĩa của tôi và tôi im lặng. Đến lúc đó tôi phải chấp nhận im lặng như thua, bỏ cuộc (không biết là cuộc gì nữa) cuối cùng là rình mò chính mình. Những ngón tay Hương nhỏ và mát. Tôi đốt lửa châm thuốc cho Hương. Vết phỏng vì tàn thuốc trên mu bàn tay nàng vài ngày trước còn để một dấu bầm nhỏ nhoi, xốt xa. Anh làm bỏng em đó! Tôi là đứa vụng về.

- Con gái hút thuốc ở trong quán có kỳ không anh?
- Có gì để thắc mắc về chuyện đó?
- Không! Nhưng mọi người nhìn em kỳ cục, em ghét họ!
- Tại sao lại mọi người — Tôi cười trong khi Hương có vẻ nghiêm trọng:

— Đan bà có liên hệ gì đến cảm đoán hay nghi thức không anh? Hay cũng đồng nghĩa, đại khái như thế. Tôi nói đừng cho họ quyền ngồi cao hơn để nhìn xuống chúng ta.

Hương! Hương!

Trong tôi xa lắt những tiếng gọi mơ hồ ngay khi Hương vẫn còn ngồi trước mặt. Rồi tôi sẽ còn phải lớn tiếng gọi Hương sau này khi xa Hương và ngược lại. Nói thế nào cũng là một cách nói lảm nhảm. Tôi nhớ những lời buồn bã của Toại, bàn tay khô và đôi kính cận cố làm sáng lên sự mệt mỏi. Tôi nhìn ra ngoài, bóng tối để trong hành lang dãy nhà cao bên kia đường. Mấy cánh dơi đen bay chao vòng qua trụ đèn. Những cánh dơi ở đâu bay ra?

Chúng tôi bước ra đường. Gió từ hướng sông thổi tới, Hương nói ngồi lâu trong đó ngọt ngào quá!

— Cũng không biết làm gì khác hơn.

Thành phố lên đèn từ lâu, xanh đỏ chớp tắt, một đời sống khác biệt đầu. Tôi thấy mệt nhọc và chợt nhìn lên cao. Đằng xa có vài ngọn cây ngoi lên khỏi một dãy lầu. Anh và em cũng cần phải thở. Tối này, không! từ buổi sáng sớm, đã gió nhiều. Có sự thay đổi khác lạ, bất ổn về thời tiết. Những cơn gió lạnh lạnh và khô. Gió bắc chắc vậy! không lạnh lẽo, rét mướt như trên quê hương xa bỏ đi từ lâu, nhưng cũng đủ để gọi nhớ về. Mùa lụt nước lên sát thềm hè đá xanh, sau mùa thu cây soan rụng chùm trái khô cuối cùng, con chim sáo làm tổ trong cây cối phải bỏ đi khi mùa Đông xuống, chỉ còn lại chiếc tổ vơi những cọng cỏ rữ rọ, rét lạnh. Cuối cùng là người cha... và bây giờ thêm một mùa Đông khác.

— Ít nữa chắc trời sẽ lạnh.

Tôi không nghe Hương trả lời. Chiếc xe cứu thương vừa chạy qua hụ còi ầm ỹ làm Hương không nghe rõ.

— Em không lạnh anh?

Tôi im lặng, bỏ qua. Nghe rõ, chắc Hương cũng không biết tôi nói về gì. Đi qua quán P. tôi nhìn vào, bọn họ đã về rồi. Chiếc bàn nơi bọn Toại ngồi trống không vô duyên. Tại sao chúng ta cứ phải ngồi đây? — Tôi sẽ trở lại nếu các cậu còn ngồi — Không! tôi cũng sẽ chẳng vào đâu dù các bạn còn đó.

— Họ đi cả rồi anh!

—Ừ.

Cửa sắt nhà bưu điện đóng kín sau thềm hè tối. Một người bán hàng rong về muộn. Bãi cỏ trước nhà thờ vắng hoe từ bao giờ. Chắc tại trời cuối năm trở lạnh? Vài mảnh giấy rác lán trên mặt lộ đen im. Tôi chợt thềm nghe tiếng gió hú trên một đỉnh cao — Một đỉnh núi mù mù ngọn nguồn, hay bờ biển, chồm hồm những tảng đá đen — Sao cứ đi quanh, đi quanh? phải ra khỏi những bờ tường song song này một ngày nào đó — Cánh cửa hồng nhà thờ hé mở. Tôi thấy những ngọn nến trắng đứng thành hàng. Những đốm lửa, cái chết? Tại sao? Cái chết thấy gần hơn chưa? Tôi chợt run lạnh, trên hai cánh tay trần đang nổi da gà. Tôi sợ cơn rét rồi — A! Fièvre Jaune! — Ông Thế bảo anh phải theo chu kỳ 14 ngày tôi viết ra đây, uống thuốc có một tí nhưng anh sẽ khỏi. Nguy hiểm không? Đùa à? coi chừng anh mất mạng vì nó đó! Những cơn vi trùng sốt rét rùng ần trong gan và lá lách, Ông Thế muốn nói vậy. Những ngày dạy học trên đồn điền đất đỏ chỉ còn lại bấy nhiêu thôi à? Có những đứa học trò đã đi lính từ lâu, có đứa đã chết, những hẻm cao su tối âm u, những lối mòn gay gát nắng. Đám cháy khu trường học đã tàn ngúm. Hơi lạnh bỏ trong sống lưng. Khéo đau thật!

Có những ngã đường đưa về nơi khác, chúng ta chia tay ở đây (như mọi lần và còn tiếp tục hẳn thế!). Chiếc xe Cady trắng sẽ mất hút trong khúc quanh đó. Một giòng cây đưa em về, tôi mỉm cười tôi nói thể với Hương một lần. Phải tôi đã đùa ròn với ngôn ngữ? Tôi không thành thực. Tôi lảng mạn. Những hàng cây cũng đi về nhiều nơi khác nhau. Chúng ta chia tay, có cần phải hẹn hò một lần khác?

— Thôi! mai anh điện thoại cho em!

Hai chiếc xe đi về hai nơi. Sao chúng ta không về cùng nhau một đường?

Tắm xong, hút vừa hết một điếu thuốc tôi buồn ngủ dừ. Mẹ ngồi ồm nhồm trong chiếc ghế nệm đỏ, chống tay vào cằm chăm chú một màn kịch hài hước trên màn ảnh TV. Mẹ cười, tôi thấy những vết nhăn như trứng sâu thêm. Đêm nay tôi về sớm — *Lâu lâu mấy mới về sớm một lần, phải giữ sức khỏe chứ nhớ đau ồm..* Đại loại những câu trách móc âu yếm của mẹ tôi như thế. Từ lúc

tôi đã không săn sóc đến bà. Hồng thật! Trong thời gian còn lại này, phải xem như một quyết định, cần săn sóc bà nhiều hơn.

Cơn buồn ngủ khiến tôi không viết được chữ nào trên trang giấy trước mặt. Hẳn là Liên nó mong thư tôi.

Paris mùa Đông ngày tháng trắng bạch, buổi già những nhánh cây khô gầy và đen. Anh có thể tưởng là em nhớ nhà đến thế nào không? Mà, anh và Saigon là những điều làm em khóc dễ dàng trong buổi chiều trở về Cité. Tối nay má làm gì má? cắt cho con trái cam bằng dao bồ trầu sắc lẹm của má? Con nhớ má! Không ai kéo chân đắp lên cho con mỗi đêm, má thương con không? Còn anh, chắc đốt thuốc như cái ống khói...

Vinh không về được để đưa Liên ra phi trường. Chuyến bay số 251, của AIR FRANCE, cảnh hỗn nộn khi chen lấn vào cabin hàng, những đôi mắt ướt đỏ hoe. Vinh không có mặt đưa người yêu. Năm năm đủ lâu đấy chứ? tôi lẩm bầm: thằng tẻ không có mà về. Tôi chạy lăng xăng lo cho Liên những thủ tục giấy tờ cần thiết. Thì giờ của nó còn để khóc với má và bạn bè. Tôi nói với Hương: thăm quá! không biết lúc các cô lấy chồng còn khóc đến cỡ nào. Đi được nửa đoạn sân từ cổng ra đến chân thang máy bay vội về làm lui quả quyết, nó vẫn phải dừng lại quay đầu nhìn mọi người. Tôi đưa tay vẫy và thấy mình buồn thật (Đứa em gái đi xa, thật xa và tôi cũng sẽ đi vào một ngày sắp tới) Mắt nhìn buồn thăm ngừng lại ở mỗi người, thật lâu ở mẹ, vì một nơi nào đó không có ai. Vinh không có mặt! tại sao?

Nhất định phải viết xong cái thư nếu không tôi sẽ lại tự hẹi một lần khác. Tôi phải bắt đầu. Tôi bắt đầu.

Saigon...

Tôi chợt nhớ đến cái thư trễ muộn của Vinh đến sau hai ngà Liên đi. Vinh cũng nghĩ là không kịp, nhưng không còn cách nào gửi sớm hơn được. Vinh than phiền về những chuyến trực thăn tiếp tế cho đồn đến thất thường và thời tiết mù mưa miền núi.

Tình hình sôi động trở lại — giam anh bên trong vòng rào kẻ gai này.

Tôi bỏ chung thư Vinh và thư tôi vào một phong bì thả nước bọt dán lại, sáng mai ghé bưu điện bỏ trước khi đến s. Tôi cũng định bụng viết thăm Vinh vài hàng, nhưng không ph

tối nay, Liên, Vinh đã gặp và yêu nhau trong thành phố này, bây giờ cả hai đã ra khỏi. Họ cùng nhớ về, chữ nghĩa có nói hết được điều họ mong muốn không?

14...

Chỉ còn một tuần! anh không về được trong ngày Liên đi. Anh không về được... âm thanh bồn chồn đó nổi tung trong đầu.

15...

Đường Duy Tân, trường của chúng ta, đi bộ hết đường, rẽ ở Hiền Vương. Quán cà phê học hẻm cuối Pasteur. Chiều tháng bảy và những giọt mưa rũ trên lá cây bên ngoài, nụ cười em lẫn vào bóng tối. Anh biết sẽ phải nhớ em trong những ngày sắp đến. Hôm nay em còn ở Saigon, mấy ngày nữa thôi, chỉ còn mấy ngày...

18...

Dãy trại hướng Đông vẫn âm ỉ cháy. Trong anh cũng một đám cháy tương tự. Những quả đạn 82 ly từ sườn núi R. rớt vào trại hồi 02g00. Nằm dưới hầm ẩm mùi cỏ mục, anh biết mình không còn hy vọng gì về đưa em đi. Hy vọng đã cháy tiêu theo căn trại hướng Đông. Buổi sáng vuốt mắt cho một thằng bạn, anh bảo: Mày không còn gì để mất thêm. Thôi em đi bình yên.

Tôi đặt cái thư dưới trùm chìa khóa xe để khỏi quên vào sáng mai (Tôi vốn lơ đãng) và lại ngồi xuống chiếc ghế cạnh mẹ tôi.

— Trời trở lạnh rồi đó mẹ, con tưởng ra sắp tết.

— Còn tưởng gì nữa, sắp tết còn gì, tuần sau giỗ bà rồi. Năm nay hình như lạnh hơn mọi năm, không biết ngoài đó thầy mày...

Mẹ tôi lại sắp nói đến những điều buồn thảm, tôi cho là như vậy, trong đời bà. Nhưng còn có gì cho mẹ nhớ hơn nữa đâu? Và không! Trời không lạnh hơn mà chỉ vì mẹ già yếu hơn thôi. Tôi muốn nắm lấy tay mẹ để được yêu dấu tuổi thơ mệnh mang của mình và chỉ một lần không còn tìm lại được.

Mấy ngày liên tiếp trời lạnh, nhất là về sáng và khuya. Có hôm cả ngày không thấy nắng. Không khi chợt dễ thở dù có hơi khô. Buổi sáng trong những con đường quen thuộc vắng vẻ dễ thương lạ, mong manh một màu mưa rất nhẹ. Mấy cô bạn cùng sở đua nhau mặc áo len, các cô trong áo ấm trông ngoan hơn một chút. Tôi nhận được vài tấm thiệp mời dự đám cưới của bạn hữu.

Thắng-Loan, Minh-Thu. Trời lạnh cũng quyến rũ thật! Tôi bật cười một mình.

Tôi vừa định gọi điện thoại cho Hương thì P. bước vào. Cũng vẫn là P. thường hay phá đám những lúc tôi cần yên tĩnh, với nụ cười mang vẻ ngạo mạn, chế giễu và đôi mắt sáng. A! P. hôm nay lại mặt áo dài.

— Anh có về một mẻ nữa?

Tôi chợt nhớ đến những cọng râu lởm chởm chưa cạo. Không! không có gì! Tôi nói với P. và châm một điếu thuốc trong khi P. ghé ngồi lên mép bàn. P. là một cô gái dạn dĩ. Những chiếc xe hơi đến đón P. trong giờ tan sở, nhiều buổi tối tôi gặp P. lộng lẫy ngoài phố với bạn trai (nhân tình?), chắc là giàu.

Tôi chỉ muốn sống hết đời mình.

Câu nói chắc P. không còn nhớ đã nói với tôi buổi tối P. ghé tôi uống một tách trà chờ mưa tạnh (P. đến thăm một người bà con gần đó). Mẹ tôi nhìn P. dò xét — Chị P. là bạn cùng sở với con nhân tiện ghé chơi — Tại sao tôi phải giải thích dài dòng thế với mẹ? Tôi với P. phải có một khoảng cách chuẩn định? Gần P. là sẽ chóng mặt, tiêu tưng. Tôi là đứa nhút nhát.

— Tết năm nay anh có định đi đâu không?

— Còn chị?

— Tôi đi Đà Lạt.

— Tôi chưa định gì cả, mà tại sao phải dự định chứ? Lúc bấy giờ thích thì đi. Nhưng thế nào tôi cũng đi khỏi Saigon mà!

— Nhiều khi chán ghê! Tôi muốn về Lâm Đồng ở với ba má.

— Tôi tưởng chị thích Saigon?

— Đôi khi cảm thấy có cái gì bất ổn và khó thương trong thành phố này.

— Hay ở trong chúng ta?

P. nhún vai:

— Thì cũng cứ cho là như thế!

Chuông reo tan giờ. Tôi đã không gọi điện thoại cho Hương như thường lệ. Mười hai giờ trời vẫn không có nắng, những người bạn dắt xe ra khỏi cổng. Tôi mỉm cười với họ, hai tay thọc túi quần và đi ngược về phía đường Tự do. Một chiếc bánh Croissant

chờ giờ làm buổi chiều! Toại còn ngồi trong quán không? Hương cũng có thể tìm tôi ở đó, nếu nóng ruột chờ không thấy điện thoại. Hương sẽ đến, tôi mong vậy.

định nguyên

MỪNG MÁN

TRÊN BẾN XUÂN XƯA

Lòng chợt tối khi về bên cửa
que diêm ngày đã lụi theo mưa
Ta dừng lại bên thềm gió hút
Lá xanh xao từng trận đổ sang mùa

Đưa tay gõ sọt đời sẽ rụng
Trăm hạt bụi mù lấp tuổi tên
Ta ngồi xuống bên giếng nước cũ
Gọi tên mình lạc giọng chim đêm

Chân quán quýt e lòng sẽ ngã
Giữa ngã ba ngã bảy tâm hồn
Ta khoác áo vân du đường gió
Lộn đường Trăng — thành kẻ quên nguồn

Tay ấp yêu đóa hồng buổi sáng
Nhủ lòng thôi đã xế bóng chiều

Bến xuân xưa đi về mấy đạo
Mà vết người còn vấy lấm trong tim
Nhựa trong cây hay mạch đời nhún nhẩy
Đưa ta từ vô tận tới vô biên?

Phấn son đẹp cho dòng bướm thắm
Ngày tháng phai những lá không màu
Bến xuân xưa bạc ngàn đầu sóng
Ta mất người hay mình mất nhau?

Như viên sỏi đứng trên triền dốc
Từ trăm năm rồi đến triệu năm
Một buổi sáng thêm lần xuống vực
Ôm tình sâu dưới đáy hư không
Ta quần quanh một đời xuôi ngược
Suốt một đời đuổi bóng phù vân

Trăng ai đốt đêm nay sáng quá
Cho ta xin chút lửa được không
Lòng đã tối hơn đêm ba mươi Tết
Thôi nói gì đến chuyện sang sông?

MỀ KHÚC

Sao rớt xuống bên vườn thánh thót
Chim ướm lời hỏi cưới cây xanh
Tôi bật mở nắp hòm vạn đại
Mừng tuổi ai một đoá sầu riêng

Đôi cánh rộng nhón nha thả gió
Vời hồn căng mặt ứa no đầy
Tôi thiếp ngủ trên cành băng giá
Nghe mùa đông nhỏ lệ thay mưa

Cỏ óng chuốt đêm trăng vừa lớn
Nên buồn đau kết trái lộn mùa
Nụ hôn ai làm hoen trán đá
Đề bây giờ mình ai bơ vơ

Tay rừng mở xuống vườn cỏ thụ
Tôi nghìn năm lốt ở năm chờ
Mộng không về không bao giờ có
Hoang vu dòng đã mấy thu xưa

Tình mỏng chỉ ngang bằng sợi khói
Nhưng mãi còn buộc chặt trăm năm
Thu tình ngắn giữa hai vực mắt
Tình gần kề môi khít trong răng

Em sẽ tới dù rằng rất muộn
Lá thiên thu tôi lốt ở chờ
Đêm có búa trùng trùng lưỡi nhện
Để dầu gấm trời được chân thơ.

mường mán

NGUY NGỮ

một sớm mai nào

Căn phòng nằm gần cuối tầng cao nhất của ngôi trường. Tầng thứ ba, trường KM. Bàn ghế chồng chất lên nhau, bập ngữa, vằm nghiêng làm nên cái giới hạn, chia ngăn thô sơ nhất, vây lấy từng nhóm người, chen chúc với người. Người : đàn ông, đàn bà, con trai, con gái, già trẻ, sơ sinh áo quần bẩn thỉu lụng thụng, và réchaud, thức ăn, son quánh, radio, chiếu chần, bùn đất. Tiếng khóc kêu chuyện trò van vãn như quánh đặc lại giữa cái thể tích cùng khốn đó. Những khung cửa kính hư vỡ vầy quanh, ướt át, ngó xuống giòng sông mù lòa, trông sang thành phố ngập ngụa tai ương. Mưa suốt ngày này sang ngày kia. Gió lộng tạt nước mưa bám vào trên khung kính chảy thành vết rồng rã. Mưa trên mái hư lủng, thấm xuống tường, vòi vách lở lói, những thân người nhóp nhép, thịt da vàng ngoét với cơn đói lê thê, cùng hàng triệu thứ tiếng động, không thể bùng tai bịt mịt thoát khỏi.

Sát dưới khung cửa, cạnh những vết nước rồng rã đó, chúng tôi ngồi quần quanh nhau. Một chiếc chiếu rộng, một cái nệm mỏng, đóng sách lấy ở thư viện, những cái áo lạnh. Tất cả cầu bần, thiếu thốn. Chúng tôi: Phiên, Quảng, Tấn Lục, Văn và tôi. Phiên ở Kontum và tôi ở Sài Gòn mới về. Sáu đứa vàng xám ngắt ngư và một cánh tay có băng trắng quấn dày, máu thấm ra tì

bầm. Cánh tay trái của Văn. Một đứa bị thương, có lẽ bởi mảnh đạn đại bác cỡ lớn từ hạm đội bắn lên, và không biết bao nhiêu đứa bị thương khác, không biết bao nhiêu đứa chết, không biết số phận của những đứa còn lại ra sao, không biết thằng nào theo lực lượng mặt trận đang hoành hành bên kia, không biết thằng nào theo CIA đang len lỏi kiểm tìm, không biết thằng nào bị bắt, bị bắn, không biết mặt trận kéo dài đến mấy ngày nữa, không biết khi nào cờ trên thành bị kéo xuống, không biết chiều này có gì ăn, thuốc đầu đề hút, không biết sao lực lượng Mỹ cứ lên đến sau lưng ngân khố, thư viện lại trở 'lùi, không biết đêm này đạn có rơi trúng ngôi trường này không. Không biết. Không thể biết được gì cả. Chúng tôi là một bầy thú hai chân, không móng vuốt, không lông lá, vàng kẹch, đói khát, đi tới đi lui, bầm vùi vào nhau. Chúng tôi đã sinh ra trên đất đai này, đã biết thở cái khí hậu đổi thay theo nhịp mùa màng, đã ngửi được cái hương đáng chết mệnh mang trong giá lạnh những tháng chạp, tháng giêng của Huế để lớn khôn. Và Huế đang bị nạn. Thành quách, phố phường, giòng sông, cây lá đang giữa tai ương. Tất cả quay mùa chạp chôn ngoài khung kính ướt. Khung kính ngó về phía trước, bên kia sông : chợ Đông Ba, bến tàu, vùng thành nội, khu Phan bội Châu, Gia hội, Đập đá, ngó về phía sau : đường Duy Tân, An Cựu. Bom đạn vây phủ mặt mùng. Sáu đứa chúng tôi, trên một mảnh chiếu ngồi, tựa lưng vào nhau, nghe hơi thở của nhau và nói thì thầm, chốc chốc lại cười. Cười, chẳng rõ cười cái gì nữa.

Tôi là thằng tệ nhất trong đám. Sau tối mong một đi vòng vòng quanh phố với Quảng về, tôi bít đầu nổi sốt. Căn phòng nhỏ ở đường Lê đình Dương của một người bạn đọc thân lớn tuổi thuê bỏ lại cho, không có gì cả ngoài những đóng sách. Quảng và tôi đem sách đốt để sưởi. Nửa đêm, đạn hỏa tiễn bay qua mặt nhà nổ vào ngân khố, bru điện, hai đứa kéo nhau xuống đất nằm. Sáng hôm sau, chiều hôm sau, sáng hôm sau nữa.... mặt trận kéo dài ra, cơn sốt của tôi cũng kéo dài ra theo với những lực lượng yểm trợ : đói, nằm đất, không thuốc men. Chúng nó ngồi chuyện trò, cười, cười thê. Cơn sốt hành hạ, tôi cuốn kín trong chăn nằm run. Tôi nằm xây qua ngã này, co về ngã kia, tôi úp xuống, tôi ngồi dậy, tôi loay quay, khốn đốn, mệt mỏi, Minh,

một thằng học Y khoa chưa ra trường, cũng ở Sài Gòn về thăm, thỉnh thoảng lại mang đến vài viên thuốc vừa ngủ, nể, lượm được đâu ở nhà thuốc tây cạnh đài phát thanh, chuyển qua cho Quảng, dặn cách cho tôi uống rồi bắt mạch, cười, khuôn mặt nhiều máu, tự tin : cố gắng lên, người rầu thời cuộc, cố gắng cho qua cơn, đời còn đẹp lắm mà. Tôi có thêm một cái tên. Cái tên được làm lễ khai sinh bằng một gói thuốc 79 mua được đâu đó, chia nhau xé giấy sách vấn hút phì phào. Người-rầu-thời-cuộc. Một cái tên hơi khó gọi, mẹ tôi không bao giờ biết, cha tôi không thể nào nghe tôi và bạn bè tôi nghe tôi, biết được sẽ xuyên tạc làm trò cười giỡn.

Sáu thằng, ngồi chán lại rủ nhau ra ngoài. Hành lang nhảy nhua những rác, phân người, nước mưa, nước dãi, và những khuôn mặt đối khát, xám vàng. Đó là cái bề trái của những qui phái, galant, nhã, sévère. Khuôn mặt thực của cái xã hội xây dựng trên cát đất nghìn đời được nguy trang sau xiêm áo lễ nghi. Tất cả phơi bày ra đề cùngh nhìn, cùngh thưởng ngoạn. Dọc theo hành lang, giữa những phơi bày đó, ở vài nơi có diện tích tương đối rộng một chút, là có vài cái bàn ghế vẩy quanh, một gia đình cư ngụ. Ngôi trường, ở đó, thật là một xã hội lý tưởng, một quốc gia vô chính phủ, một cộng đồng hư vô. Những cái Sévère, nhã, galant, noble không còn chỗ nhỏ bé nào để nương tựa. Tất cả đang xuống đến cái mức tối thiểu. Con gái, tóc dài, học trung học, đại học gì đó, mít to đen, quần thâm, da vàng kẹch; mặt cả tuần không rửa, răng cả tuần không đánh, quần đen vải nội hóa rộng xù xì, đứng tựa vào lan can ngó giòng sông, tay cầm khúc bánh tét đã cứng thiêu chốc chốc đưa lên cắn nhai yên lặng. Tất cả sẽ chết, nếu một vài trái đạn hỏa tiễn, đại bác, bích kích nổ vào đây. Cha, chú, o, di, anh, em, bà con gì cũng biết thế cả. Đối khát, khổ nạn bao nhiêu, ai cũng thừa sức để biết một cách rõ ràng rằng lực lượng bên này hay bên kia đều có rất nhiều đạn. Cường quốc Tàu, cường quốc Mỹ, cường quốc Nga, đồng chí, đồng minh, đồ gì thì thiếu chứ viện trợ những thứ đó thì không bao giờ thiếu cả. Hỏa tiễn có thể nổ suốt năm này qua năm kia, đại bác có thể bắn rafale từng tháng, bom có thể dội như mưa dầm. Và Huế, thành phố quê hương của chúng ta quá nhỏ bé,

chúng ta ốm đói tới lui, ngã vật xuống chết bất cứ khi nào, quá dễ dàng và không ai cần ngó tới. Làm sao sinh đẻ ra cho kịp với số người chết từng giờ trong cái xã hội mề sảng đó. Già chết, trẻ chết, to chết, nhỏ chết. Xuống sông mức nước, chết. Ra thang gác đứng chơi, chết. Đi loanh quanh giữa sân, chết. Ngủ dậy, ra đi dãi, chết. Đạn từ bốn phía bắn tới, từ trời bổ xuống, từ đất bùng lên. Hàng chục hàng trăm loại súng đạn. Làm sao biết ngõ nào để tránh, biết ai bắn đề đến kêu xin. Xác nào may một chút thì có cái thùng đại bác 155 ly, duỗi vào đây nắp lại, thôi đầu thôi chân. Còn bao nhiêu thì cứ đều đều theo phong tục mới : chiếu cuốn hoặc vải nhựa bó quanh. Người sống lem luốc trong nhà, kẻ chết sập hàng lạng lẽ ngoài sân. Vâng, đây là một xã hội lý tưởng điển hình. Kết quả sập thành tựu mỹ mãn của hai mươi mấy năm bích chương khẩu hiệu, đấu tranh bảo vệ cộng đồng tự do, giải phóng dân tộc. Hai mươi mấy năm, chúng tôi lớn khôn, sau lưng những chủ cha đã đổ máu, mất tích trong kháng chiến chống thực dân Tây. Chúng tôi đang nhét tay trong túi quần, run lẩy bẩy theo từng đợt gió, đi tới đi lui, mặt mở ngó không hồn.

Một năm mộ năm ngay dưới bậc thềm cuối, cạnh lối mòn, bên mấy cuộn giấy kẽm gai cháy xém. Ngôi mộ imàng vóc dạng chung chung với những ngôi chung quanh, ướt át và bình đẳng. Tấm bia gỗ, chiết ra từ một cái thùng đạn bích kích nào đó, hàng chữ to nét, dễ nhìn : Trần thị Thoa, sinh ngày tại, chết ngày tại, 19 tuổi. Mười chín tuổi, học trò Đồng Khánh, nữ sinh, con gái, đạn liên thanh xuyên qua đầu, con gái Huế. Con gái Huế thì dễ thương, hay ghen, hay hờn dỗi và trung thành. Trung thành với người mình yêu, đất đai mình ở. Và đây là Huế, đất đai quê hương, nơi Thoa đã được sinh ra và ngã chết.

Ngôi mộ của Thoa là diềm cuối. Từ tầng 3, rời khỏi cái khối diềm là mảnh chiếu bé nhỏ đó, chúng tôi kéo nhau đi, dọc qua những thang lầu, những hành lang, xuống khỏi bậc thềm thấp nhất đây bùn bần thấy ngôi mộ Thoa, gió lộng kéo mưa tạt vào mặt, chúng tôi trở lên. Cứ thế. Đi cho quên đói, đi cho đỡ run, đi để nhìn con gái, đi kiếm tìm may ra có chút gì ăn, may ra gặp được thằng bạn nào ở những vùng khác mới thoát tới. Ngôi mộ chút rồi lại đi. Một vài thằng nhớ hôm nay là ngày thứ mấy của mặt

trận. Một vài thăng quên. Tôi ở trong số sau. Tôi không cách nào nhớ nổi. Con sốt ngày ngật, hai chân run muốn quỵ trên thang lầu, cơn đói đặc lại trong ruột, cơn nhức u ám vừa ra trong đầu óc như một chất lỏng độc địa. Bên ngoài thì ngày nào cũng như nhau. Vẫn ngần đó những món đồ viện trợ, những công trình, những tin tức rạc rời, những con heo đầu đó được dẫn về mổ bán, những tiếng tru khóc âm u. Tất cả đang ngọt trong cái khí hậu của một buổi chiều. Buổi chiều nối từ ngày này sang ngày kia, từ khi trái hỏa châu cuối cùng tắt đến trái đầu tiên cháy. Trên lan can, bọn tôi đứng sắp hàng nhìn xuống vùng mả mờ, nghe một thằng hạ sĩ người Thượng cao lớn xách cái đầu heo đi bên sau kéo bàn làm tiệc nhậu, ba hoa lớn lối : coi tao không dùng cái gì của Việt Nam hết, đây nè, áo quần nè, nón nè, một đứa con gái ôm mặt khóc gia đình thất lạc không biết chết sống ngã nào, một người đàn bà kéo cái chân bị thương chưa kịp băng bó đi tìm con, lính nhảy dù mang túi cứu thương thập tự bỏ đi quanh, lính bộ binh, địa phương quân, mất đồn trại chạy về ngồi run lập cập, xoay trở tìm thức ăn kể chuyện thoát chết, cái haut parleur trên tay thẳng trung sĩ quân cảnh rêu rao : cái bạn ra trình diện gấp tại quân trấn kể từ, đến, ra trình diện gấp. Chúng tôi đứng nhìn nhau. Chiều xám đặc, hỏa châu bắt đầu sáng. Hỏa châu từ phi cơ bay vòng vòng thả xuống, từ đất bắn lên. Thành phố tru la giữa mề hoảng. Bom dội ngã Kim Long, An Cựu, khu ngã giữa bốc cháy, đạn lửa từ bến Gia hội bắn ra mấy chiếc tàu chở quân Mỹ giữa sông Hương, khói còn um cả chợ Đông Ba. Gần chân cầu Trường Tiền, giữa sông, một cái thuyền nhỏ, hai người chèo, cái mũi thấp, ngọn cờ trắng bay. Thuyền hướng lên Kim Long. Tin đài BBC loan : một đoàn xe tiếp tế thực phẩm 40 chiếc bị chặn đánh ở Phú Bài, tỉnh lỵ Bến Tre bị tái chiếm, oanh kích ở thành nội. Đài Sài Gòn, Tự do, Huế, không còn tác tích. Đài Bắc Việt la hét, đài Nhật bình luận. Và chúng tôi, thỉnh thoảng kiểm đầu đó được điều thuốc chuyền tay nhau hút, nói một mẩu khôi hài để cười. Cười, há miệng, nhếch môi, gió thốc vào miệng, cười không thành tiếng và ngơ ngẩn đứng nhìn.

Con sốt bắt đầu hành hạ, tôi vào phòng, gối lên chông sách nằm run trong tấm khăn mỏng. Tôi run và thiếp đi từng quãng mề

tỉnh chập chờn. Phiên, Lục, Quảng, Tấn vào ngồi bên tôi chuyện trò về mẩu tin đài BBC mời loan. Tôi ngồi dậy, tôi nghe, không hiểu gì cả. Tôi nằm trở xuống úp mặt vào chân Quảng, hẩn dầm nhẹ lên lưng tôi như dỗ dành theo một cung nhịp nào đó xa lắc xa lơ, từng đoạn bỏ trống rạc rời. Giấc ngủ mịt mùng với đêm bên ngoài. Ngủ và nghĩ tới một trái đạn, miếng bom từ đầu đó đang nhắm bay tới, sáng mai không còn trở dậy. Bên ngoài, tai ương, tiếng nổ đang tăng nhanh lên với bóng tối.

Khuya khoắt, một cánh tay lay gọi tôi, bàn tay bắt vào vai áo. Giọng nói làm bộ ngọt ngào quen thuộc của Tấn :

— Em, em, dậy mà coi này. Em gái.

— Gì thế.

Tôi vẫn nhắm mắt. Giấc ngủ lơ lơ nặng trĩu. Tôi trở mình trùm kín chăn, duỗi dài hai chân. Tiếng Lục và Quảng bàn tán gì đó không nghe rõ. Tấn gọi lại.

— Dậy mà coi này em, em gái, cầu gãy rồi.

Cầu gãy rồi. Cầu Trường Tiền gãy rồi. Tiếng nói thì thầm như một gáo nước lạnh buốt, tưới đổ xuống, dọc theo sống lưng, tràn trên thịt da hâm hấp cơn sốt. Tôi ngồi bật dậy. Ánh sáng đục mờ nhòa ướt ngoài khung kính. Dọc hành lang người ta đang bám vào lan can chen vai nhau trông xuống. Tôi bước bả đứng dậy, thân thể quẩn chần, đi ra. Tôi chen vào hàng người, bám lấy thành ciment, trông xuống. Giòng sông mù lòa sương khói mùa xuân và dáng cây cầu trắng lơ mơ gãy quỵ. Có phải thế không. Cả hàng người chăm chăm nhìn nó, nhìn cái lưng gãy đó, lặng thinh. Bao nhiêu người lớn bé, bao nhiêu trai gái, bao nhiêu khuôn mặt nhột nhột cảm cảm. Cầu đã gãy. Mùa xuân, tháng giêng, cái chân móng trùm kín tôi. Tôi vừa đi bông lông nơi xa về, đứng run, đứng ngó.

Tôi vừa đi xa về, quẩn chần kín cả thân thể, mắt không hồn, lòng đói khát và cơn sốt bầy nhầy trong thịt da, tôi bên lan can tầng lầu cao, giữa ánh sáng yếu ớt ngạt khói, giữa đám đông anh chị bạn bè chú bác, ngó xuống thành phố tang thương, cây cầu què quặt trên dòng sông mù lòa. Cây cầu trắng, sương mù trắng, khói đạn trắng và dòng sông đen. Hãy nhớ chừng đó. Bởi lẽ đó là cái mốc đầu tiên của bao nhiêu tai ương, đó là Huế, thành phố

quê quán của chúng ta, tấm tole viện trợ lợp chối trên mái diệt
Thái Hòa, vết đạn phá hư trên những đôi đốc Nam giao quanh
hiu mờ mả.

nguyễn ngữ

TỪ KẾ TƯỜNG

hàng cây đợi chờ mùa xuân

Từ hai giờ cuối học phòng số hai mươi buổi sáng, người cán bộ trực Đại đội đã cho chúng tôi biết chiều nay Đại đội đi Di Hành. Mười phút nghỉ, ông Trung Sĩ già thường xuyên bán thuốc nhưc đầu sỏ mũi cảm cúm cho các khóa sinh lại tới, ông đưa ra những viên thuốc đỏ màu son môi đàn bà nói với chúng tôi đi Di Hành phải cần uống thứ thuốc này. Vài người móc tiền mua để dành uống lúc khởi hành. Coi bộ ai nấy cũng lo lắng ra mặt. Chúng tôi chưa biết đoạn đường Di Hành, nhưng nghe người cán bộ trực Đại đội inói khởi hành lúc mười hai giờ rưỡi tại cổng trại, phải đi qua hầu hết những bãi tập, kể cả những bãi tập xa nhất ít ra cũng hơn mười giờ đêm mới về trở lại trại. Tôi kéo Vũ tới ngồi dưới gốc Me Tây. Vũ than :

— Chiều nay tha hồ mà xỉu.

Tôi cười cười móc gói thuốc từ trong túi áo Vũ rút một điếu châm hút. Không quen hút thuốc nặng, nên điếu thuốc của Vũ làm tôi khó chịu nhưng tôi vẫn cố hút cho bằng hết. Vì nếu không cố hút điếu thuốc trong lúc này tôi chẳng biết phải làm gì hơn là chạy lại chỗ đề Bi Đông đựng nước ngửa cổ tu ồng ọc. Uống nước nhiều đến đầy bụng mà vẫn còn khát khan cả cổ họng. Thế nên tôi tập nhịn khát, và chỉ uống một ngụm nhỏ khi nào quá

sức chịu đựng. Vũ cũng hút thuốc, anh nhìn nằng chối chan trên những mái tôn phòng học nói :

— Còn cực một buổi chiều nay nữa thôi, ngày mai mình đã bắt đầu được nghỉ Tết.

Nghe Vũ nói tôi sững sờ. Không ngờ Tết tới với tôi mau quá. Tôi giữa lúc lòng không còn rộn lên những mong chờ như ngày mới vào đây. Sau sáu tuần lễ thụ huấn, tôi đâm ra đứng đưng với những dự định sôi nổi lúc đầu. Tôi chỉ biết những ngày cuối năm trời lạnh se da khi bị tiếng còi tập hợp đánh thức dậy vào lúc năm giờ. Ngồi trong hàng chờ lãnh một mẩu bánh mì đường nhỏ xiu rồi vào moi ba lô lấy ngăn cả mèn ra ngoài hàng cây trước cổng Đại Đội chờ lãnh súng ra bãi tập. Vũ là người bạn thân của tôi lúc hai đứa còn nằm bên bệnh xá, qua đây anh mang danh số hơn tôi một con số và đứng trước tôi mỗi khi có lệnh tập hợp. Vì đứng đầu hàng thứ tư của Trung Đội 4 nên Vũ đương nhiên bị chỉ định làm Tiểu Đội trưởng. Vũ ốm yếu cũng như tôi và có vẻ đau nhiều hơn tôi từ lúc rời bệnh xá chữa xong chứng bệnh đau màng óc. Từ lúc qua đây chúng tôi bị cấm trại hoàn toàn, những cái phép cuối tuần nằm bên bệnh xá tưởng tượng ra và những dự định coi như đẹp qua một bên nhường chỗ cho những lo lắng chịu đựng thường xuyên mỗi ngày. Trong Trung Đội tôi và Vũ được coi như hai người « bạch diện thư sinh » nhất trong một Đại đội gồm toàn những học sinh mới thi rớt, có anh mặt còn non choẹt như mới vừa bỏ bú. Có một vài người lớn tuổi gấp đôi chúng tôi làm giáo viên công chức có vợ con đùm đẽ. Những anh này bị chúng tôi bầu vào những chức vụ thật bận rộn và quá khả năng để có cơ hội trút hết bực dọc khi bị cán bộ phạt. Mới đó mà đã qua sáu tuần. Tôi vẫn nói đùa với Vũ ngồi tưởng tới thì thấy rất lâu, nhưng ngồi nhìn lại thì thấy rất mau. Vũ luôn luôn mang cái vẻ chán chường trên gương mặt, những ngày Chúa Nhật được gặp thân nhân Vũ luôn luôn vẫn là người ngồi với tôi suốt buổi trong quán nước chờ giờ trở vào trại. Những hôm như thế Vũ không vui không buồn, vẻ mệt mỏi vẫn là một nét chính vất trên gương mặt đầy những chân râu mới vừa

được cạo nhẵn nhụi. Tôi thì không chờ mong gì cả, nên lòng thật đứng đưng như những đầu ngày vác súng ra bãi tập.

Vũ ném tàn thuốc vói tay lượm một trái Me Tây chín rụng gõ vỏ cho vào hai hàm răng nhằn nhằn. Tôi cũng bắt chước làm theo Vũ. Chất nước tiết ra từ trái Me Tây làm đắng nghét đầu lưỡi. Tôi ném trái Me nói với Vũ :

— Nếu nó không đắng chắc chúng ta có một món ăn mới.

Vũ cười :

— Cứ nhai cho đỡ buồn. Ngày nhỏ đi học, tôi vẫn thường ngồi dưới gốc Me trước cửa trường nhai thử trái kỳ cục này.

Tôi ngồi nhìn con đường chạy cấp theo hai hàng cây Bã Đậu. Con đường đất thịt trải đá xanh lổm chổm mà hàng ngày chúng tôi phải đi qua. Tay cầm súng bước đều trong tiếng đếm nhịp và miệng hát thật lớn những bài đồng ca hùng mạnh dành cho quân trường. Con đường bị nắng ập xuống, làm bốc hơi những lũng cát. Phía ngoài hàng rào kẽm gai là những cánh đồng khô mố, cỏ bị đốt cháy còn tro ngọn, màu đỏ loe hoe. Đằng sau chân những cánh đồng là vườn cây. Gió ở đó thổi thật rõ bằng những cơn xao động trong cành lá, và nghe được bởi những tiếng rạt rào. Cánh đồng nom xác xơ buồn bã, nắng như nhảy múa trong ánh mắt và có vô vàn từng khối tròn nhỏ xoay quanh một cột nắng. Chỗ tôi và Vũ ngồi là một bóng mát rất hiếm có trong buổi sáng đầy nắng này. Ngồi ở đây tôi có thể nghe được lá reo trên đầu, nghe hơi mát từ trên cành dội xuống. Và tiếng đập cánh của một con chim nào đó vừa rời bóng cây bay ra ngoài. Cánh đồng và mắt hút trong khu vườn xanh biếc kia. Vũ ném vói trái Me rồi vụt chạy ra chỗ đề Bi đông đựng nước giữa cỏ uống ừng ực. Uống xong Vũ quay trở lại tay lần mở cúc áo. Tôi thấy lòng trên cánh tay của Vũ nổi sần lên và mồ hôi trong ngực Vũ nhè nhai. Vũ đứng dạng chân trên rễ cây Me Tây, những cái rễ to tướng nổi gồ ghề trên mặt đất, tôi để ý thấy dấu khắc bằng dao găm bầy nhảy trên lớp vỏ mố xám. Những dấu khắc không biết có từ bao giờ và của một người nào đó. Tôi không đọc hết những dòng chữ anh ta khắc, có thể là một câu thơ trong lúc bất ngờ. Tự nhiên tôi nghĩ thật nhiều về người lính với con dao găm trong một lúc vu vơ. Có thể anh cũng còn ở đây, hoặc cũng có thể anh

đã ra trường. Và biết đâu anh cũng đã ngã gục trong một trận đánh nào đó mà trước khi chết anh chợt nhớ ra câu thơ anh khắc trên rễ cây của chỗ ngồi này. Đứng kia, trong một bóng mát khác, có vài người trong Trung đội tôi đang bàn tán về những ngày nghỉ Tết, họ ước mơ một cái phép về thăm nhà, xem chừng ai nấy cũng hăm hở. Cũng có vài người ngồi bàn tán đến cuộc Di Hành trong buổi chiều này, họ bảo nhau đừng có dại mà dồn đầy Ba Lô, chỉ đề vào trong ấy một cái mừng thôi, thêm một cái lều cũng đã là quá nặng. Vũ quay lại ngó tôi cười :

— Chưa chắc Tết đã được đi phép mà xem tụi nó đã bàn tính dữ.

Tôi dám cá với cậu ngày mai sẽ có lệnh cấm trại. Và biết đâu chúng ta lại còn phải đi tăng chiến ngoài phóng tuyến nữa.

Tôi ngồi gục gặc đầu. Mới có sáu tuần mà Vũ ăn nói như một người linh dạn dày kinh nghiệm. Tôi nhìn bộ đồ bạc thếp anh đang mặc, mái tóc ngắn ngắn không che kín được da đầu và nhất là gương mặt cháy nắng đen thui của Vũ để so sánh anh với những ngày còn nằm bèn bệnh xá trị chứng đau màng óc tự nhiên tôi tức cười. Tôi :

— Tôi không mong được phép. Tôi chỉ mong cho chóng hết buổi chiều nay để về trả súng nghỉ ngơi. Bởi vì ít nhất mình cũng được thảnh thơi sống qua ba ngày Tết, không tập hợp, không đi bãi, không làm tạp dịch, và nhất là không súng ống đạn dược để nghĩ rằng chúng ta không phải là một người lính còn trong quân trường. Tôi có cảm tưởng rằng mình đang ăn Tết ở một nơi lạ, một nơi nào đó, chứ không phải ở thành phố.

— Tôi sẽ ngồi Cầu lạc Bộ từ sáng tới chiều, uống bia say mèm và nhìn em Lan cho đỡ buồn.

Tôi đùa :

— Tiền đâu mà « Bia Lén, » cậu tưởng con Lan nó cho cậu uống bia không tiền à ?

— Cậu cứ yên chí, ngày mai chúng ta sẽ được lãnh mỗi đứa hai ngàn ăn Tết. Ngoài tiền lương tháng này.

Vũ lăm lăm tính một lúc rồi cười khắc khắc nói :

— Mấy tháng nằm bệnh xá chưa lãnh, cộng với hai ngàn tiền

Tết vị chi tôi có đến hơn năm ngàn. Tha hồ mà uống bia. Còn cậu, làm gì ?

Tôi nói :

— Mua sách báo về phòng nằm đọc cho hết ba ngày Tết chứ biết làm gì hơn trong vòng rào thép gai này.

— Có ai lên thăm cậu trong mấy ngày Tết không ?

Câu hỏi đột ngột của Vũ làm cho tôi suy nghĩ. Không có Vũ nhắc chắc tôi đã quên rằng ngoài kia thành phố tôi còn có gia đình. Ít nhất tôi cũng có một cái nhà, một người mẹ và hai đứa em. Còn Phương TH. nữa ? Từ ngày vào quân trường tới nay tôi đã không gặp những người thân đó, tôi không muốn gặp họ. Bởi tôi nghĩ rằng, dù với bất cứ một lý do nào gặp tôi trong hoàn cảnh này những người đó sẽ đem đến cho tôi thật nhiều xúc động. Tôi không muốn xúc động, tôi muốn sống bình thản và quên hết mọi chuyện để khỏi phải suy nghĩ gì khác hơn bây giờ tôi không còn ở bên ngoài thành phố đó nữa. Còn Phương TH. Tôi nhớ là đã cố tình không biên một lá thư nào cho nàng, và dĩ nhiên tôi cũng không muốn gặp nàng trong mấy ngày Tết sẽ đến. Mọi người đừng có gì lo lắng cho tôi, cũng như tôi rời khỏi thành phố là coi như không còn để lại lo lắng cho mọi người, cho ai nữa. Ba ngày Tết, tôi sẽ không nhớ gì. Rất bình thản và không hề phiền lòng, tôi sẽ ra nằm ngủ dưới những hàng cây đã thay lá xanh. Trong giấc ngủ tôi sẽ không thấy mình là tên lính mới tập bắn súng, có một cái nón sắt để đội trên đầu, có một sợi dây da đeo những kip đạn đồng vàng hực. Tôi sẽ rất yên lặng như mùa Xuân, tới rất chậm rồi đi qua mau. Tôi nói với Vũ :

— Chắc sẽ không có ai hết. Vì tôi đã dặn trước là không nên lên thăm tôi.

— Đó ngày thường, chứ Tết thì phải có người thăm cậu không về phép được kia mà.

— Về phép hay không về cũng vậy thôi. Không chừng tôi lại thích ở đây hơn.

— Không có em nào à ?

— Không.

Vũ cười :

— Ngó bộ cậu thất tình.

Tôi chỉ kịp cười với Vũ khi tiếng còi ré lên báo hiệu giờ học kế tiếp. Tôi thấy Vũ chạy lốc xốc phía trước. Và tôi đi lẫn vào đám đông. Tôi bỗng thấy mồ hôi vã ra đầy trong lưng áo khi bước vào cửa phòng, cuốn sổ nhỏ dành để ghi chép trên tay tôi tự nhiên rơi xuống đất. Tôi cúi xuống nhặt, khi quay lên tất cả đều đã ngồi vào bàn. Tôi bước vào ngồi ở chỗ trống duy nhất còn sót lại, và nhác thấy bên ngoài những ô cửa vuông hàng cây đang đánh rơi những chiếc lá cuối cùng chờ đợi một mùa mới. Tôi ngồi yên lặng ngó Vũ với cuốn tập và những dòng ghi chép vội vàng của anh ta.

Ra khỏi cổng trại chúng tôi được lệnh tách ra từng hàng một mỗi người cách nhau sáu bước. Súng cầm tay mũi chĩa sang bên trái. Nắng như đồ lửa, chiếc nón sắt quá rộng chụp xuống che kín cả nửa khuôn mặt làm tôi không thấy Vũ đi phía trước. Cán bộ dặn tuyệt đối cấm uống nước dọc đường, chỉ khi nào thật khát mới cho phép uống một ngụm. Tôi đã tập nhịn từ trước, thế mà từ lúc ra khỏi cổng trại đến giờ tôi lại uống những hai lần nước. Có lẽ tôi không dám uống nữa, vì sợ đi đường sẽ mệt xỉu bất tử, Vũ quay lại hỏi lớn :

— Có đem đầy nước không ?

Tôi gật đầu vồ vồ vào Bi Đông. Tiếng nói của Vũ không nghe rõ lắm vì gió thổi thật mạnh,, những cánh đồng lại trống trơn, hai bên đường cũng không có cây che. Nắng trên đầu, nắng dưới chân, cát bốc hơi hừng hực làm đôi giày vải của tôi như cũng đang chảy ra từng giọt. Tôi thất lại quai nón sắt để giữ không cho nó lắc lư và để được nhìn tới trước xem cái dáng đi lừng lững của Vũ in trên mặt đường. Đi khỏi vườn cây của ngôi chùa chúng tôi ra một khoảng toàn đồng trống rộng mướt mát. Gió càng thổi mạnh, có lúc người tôi như muốn xiêu đi, nếu không có cái ba lô đeo trên vai. Nắng làm mắt tôi luôn luôn nhắm lại, mặt mũi lịm lụi. Mồ hôi tưới trong lưng áo. Cây súng tôi cầm đã bắt đầu thấy mỏi tay. Vũ quay lại ra dấu ý bảo tôi móc súng vào thắt lưng làm điểm tựa cho đỡ mỏi tay. Tôi gật đầu và làm theo. Trung đội của chúng tôi đi chót hết. Toàn thể Đại đội kéo thành một hàng dài, xa tít, anh khóa sinh cầm cờ chỉ nom thấy lơ mờ, và lạ cộ

thấy nhỏ xíu không đầy bàn tay. Chúng tôi đi chậm, và giữ đúng khoảng cách. Tôi nhìn ngược ra con đường lớn liên tỉnh thấy bóng dáng của những chiếc xe chạy vút vút qua, mất hút sau những hàng cây. Một vài người đi men theo con đường nhỏ về phía chúng tôi với màu áo sặc sỡ. Một lúc, từ phía sau có một người đàn ông chở người đàn bà trên chiếc xe Hon da chạy ngang qua mặt tôi. Người đàn bà ngồi phía sau cầm một nhánh Mai thật lớn, nhánh Mai đang có những nụ búp vàng và một vài chiếc lá non. Vũ quay lại cười nói :

— Nhánh Mai đẹp quá, người ta sửa soạn ăn Tết.

Tôi cũng nói lớn :

— Đố cậu nhánh Mai bao giờ thì nở ?

— Mồng Hai

— Tôi nghĩ ít nhất cũng phải mồng bốn. Tôi thấy nụ còn nhỏ quá.

Anh cán binh đi phía sau tôi liên lạc với toàn đầu bằng máy truyền tin. Tiếng hỏi và giọng trả lời nghe ồ ồ. Được biết chúng tôi sẽ chỉ được nghỉ ở bãi tập mười tám nằm trong vườn cao su khoảng mười phút rồi lại phải tiếp tục đi nữa. Tôi hỏi Vũ :

— Rừng cao su bao xa ?

Vũ lắc đầu chỉ người cán binh. Tôi hỏi :

— Rừng cao su bao xa anh ?

— Sắp tới rồi. Rẽ ngã kia, đi hết con đường đó thì tới. Con đường mà anh cán binh nói chúng tôi phải đi gần hai tiếng đồng hồ mới tới. Lúc vào vườn cao su nghỉ chân tôi và Vũ ngồi dựa vào gốc cây nón sắt vút bên cạnh cùng với cây súng. Tôi đưa Bi Đông nước lên miệng uống, uống một hơi dài vẫn chưa hết khát. Vài người đàn bà xách nước ngọt, ly, và nước đá đi tới. Tôi hỏi Vũ :

— Còn tiền không ?

Vũ lắc đầu. Tôi vỗ hai vai anh ta bảo :

— Ngồi đây chờ, tôi đi mượn thùng Đức.

Tôi chạy đi tìm Đức. Một lúc lâu mới gặp Đức nằm lẩn trên đồng là chết. Tôi hỏi mượn Đức trăm bạc rồi chạy trở lại mua hai chai nước ngọt cho tôi và Vũ.

— Coi chừng cán bộ nó biến về bị phạt cả hai đứa, Gần Tết mà bị phạt thì xui lắm,

Hai đứa vừa uống vừa cười. Uống xong trả tiền cho người đập bà và khoát tay bảo họ đi chỗ khác. Tôi thở một hơi dài nhìn lên những ngọn cây cao su vút cao, mở lên trong nền trời một màu xanh dịu mắt. Từ trên đó nắng không xuống được, vườn cao su hình như không có một giọt nắng nào. Ngồi ở đây tôi chỉ thấy cái nắng trời nóng bỏng ở ngoài kia, cây cối lả lơi và con đường cát nóng. Không khí trong vườn cao su mát rượi. Vũ nói :

— Nếu được nằm ở đây đánh một giấc thì chết cũng sướng.

Tôi cười cười, dùng mũi giày vãi dẫm nát những chiếc lá chết vàng hoe. Trong vườn, dưới đất gồm toàn lá chết với một thứ cỏ cao ngang mắt cá chân. Tiếng lá bị dẫm nát kêu rào rào làm tôi nghe như có những giọt nắng chạy lọt vào trong óc, cái nóng thật sốt và thật khó chịu. Xung quanh tôi, dựa những gốc cây mọi người đứng ngồi la liệt. Có người cao hừng cất giọng hát một bài ca nói về đời lính. Giọng ca ồ ồ và bài hát hết sức ngớ ngẩn nhưng trong lúc này cũng gọi nên một sự chú ý. Tôi nghe anh bạn kia hát rồi nhìn lại bộ quần áo trần đang mặc, nhìn đôi giày vải mốc thối của mình đang mang dưới chân, đưa tay lên sờ mái tóc cắt ngắn ngắn. Và cả đến gương mặt tôi nữa, chắc cũng nom lạ hoắc. Tôi không hiểu sao mình lại có thể làm một người lính rất tầm thường cũng như bao nhiêu người lính khác. Qua sáu tuần lễ chịu đựng nắng mưa rồi, tôi đã quên hết, nhớ hết những gì phải làm hàng ngày, phải chịu đựng hàng ngày. Thế mà mỗi khi có dịp nhìn lại mình, tôi vẫn còn bàng hoàng như trong một cơn mơ khi nhận ra trên người mình có một bộ đồ lính, và đầy đủ những thứ cần thiết như nón sắt, bị đông, nước, cà mèn, ba lô, súng đạn. Vũ ngồi dựa lưng vào gốc cây thiu thiu ngủ. Miệng anh thỉnh thoảng lại héch lên lèch lác đến tức cười. Tất cả những người lính khi còn trong quân trường đều có một vẻ tức cười như nhau. Tôi có lẽ tức cười hơn hết. Vũ đưa tay phải những con kiến vàng bò lên cổ. Tôi nhìn những con kiến không chớp mắt. Trong vườn cao su này ngoài những người lính như tôi không còn ai khác, có vài người đàn bà thì đã quá quen thuộc với màu áo súng đạn của những tân binh rồi, họ có thể biết chúng tôi sẽ phải đi qua những đầu, học bài nào và thuộc liền đoàn nào, tiểu đoàn khóa sinh tên chi. Bây giờ thêm những con kiến

vàng. Phải, chỉ có những con kiến vàng này biết chúng tôi mà thôi. Tôi nhìn những con kiến vàng đầy thiện cảm. Mùa Xuân này ta sẽ ăn tết với mi. Có cơn gió lớn đột ngột thổi vào vườn. Cơn gió thổi tới từ phía những cánh đồng. Hàng cây chỗ tôi ngồi lại đánh rơi những chiếc lá chết. Có chiếc lá rơi trên nón sắt của Vũ thành một tiếng động khô khan. Vũ mở mắt ra chớp mắt những con kiến vàng. bu quanh cổ vò nát trouser lòng bàn tay. Vũ hỏi :

— Đi chưa ?

Tôi lắc đầu. Vũ nằm trở lại và nhắm mắt. Tôi cũng muốn nhắm mắt như Vũ nhưng tôi không tài nào làm được. Ngồi dưới gốc cây cao trong khu vườn âm u này tôi mới bàng hoàng nhớ thành phố ngoài kia. Không một người nào biết tôi đang làm gì, không biết tôi đang ngồi chơi với những con kiến vàng. Phương TH. lại càng không biết tôi nữa. Ngoài thành phố giờ này chắc đang đang sửa soạn mua sắm, tôi hình dung ra màu áo nắng mặc, cái dáng nhỏ bé thanh thoát ấy như con chim sẽ vào vườn, và đôi mắt với hai con ngươi, với hai cái tròng màu hạt dẻ cổ mở lớn ra, cuống quýt trước một cửa hàng nào. Phương TH. có biết tôi đang mặc đồ lính, đội nón sắt, ngồi ôm súng trong rừng cao su trong buổi chiều cuối năm này không ?

Tiếng còi ré lên ở phía xa. Mọi người choàng dậy hồi hả đi, tôi đánh thức Vũ và máng ba lô vào vai anh. Vũ và tôi hồi hả chạy theo Trung đội. Con đường bây giờ thật nhiều cát bụi cũng như thật nhiều bóng mát của hai hàng tre bên đường dọi xuống. Chúng tôi qua một ngôi làng. Tôi thấy những căn nhà nằm sâu trong vườn cây. Nhà nào cũng đang sơn lại cửa, cũng khoảng sân nắng đầy hoa. Tôi bắt gặp màu hoa mười giờ nở muồn trong buổi chiều, màu hoa đã dưới gọi trong hồn tôi một cơn nhớ nhưng buồn nản. Qua hết ngôi làng chúng tôi đi trên khoảng đồng trống. Trung đội hai có người xiu, người vừa xiu được hai người khác kèm và anh cán binh đang liên lạc trong máy truyền tin xin xe hồng thập tự. Lúc tôi đi ngang qua chỗ đó tôi nhìn ra Đức. Mặt Đức hắc hắc xanh mét như không còn giọt máu. Tôi sờ trán Đức và hỏi :

— Khoẻ chưa, có thể tiếp tục không ?

Đức lắc đầu. Tôi ngó Đức ái ngại rồi chạy theo Vũ. Tôi phải chạy một lúc lâu mới bắt kịp Vũ. Tôi dừng lại thở và chợt ngạc nhiên sao tôi có thể mạnh hơn Đức, sao tôi không xỉu như Đức.

Trả súng xong tôi ra ngồi ngoài hàng cây trước cửa Đại Đội chờ Vũ đi cầu lạc bộ mua bánh mì. Một lúc Vũ lừng khừng trở về trong tay cầm một ổ bánh mì. Vũ nói:

— Tôi nhờ em Lan nướng cho nóng đấy

Bánh mì nóng ăn giữa khuya nghe có một hương vị thật đặc biệt. Từ bây giờ chúng tôi không còn bận rộn gì nữa. Ngày mai khỏi bị tiếng còi đánh thức vào lúc năm giờ. Chúng tôi có thể ngủ thêm hai tiếng vì ngày mai sẽ không phải ra bãi nữa. Lúc này tập hợp đi trả súng sĩ quan trực Đại đội đã cho biết Tết năm nay không đi phép được, lệnh cấm trại đã có từ sáu giờ chiều. Vũ vỗ vai tôi cười nói:

— Cậu tin tôi chưa. Hết mong đi phép nữa nhé

Tôi nhớ lại bao nhiêu gương mặt trẻ xuống khi biết có lệnh cấm trại. Vài đứa đã chửi thề văng tục. Đại Đội lại được lệnh dành một Trung Đội đi ứng chiến phòng tuyến. Trung Đội một được chỉ định và không phải trả súng. Quí là người hy vọng đi phép nhiều nhất vì nhà Quí ở Vũng Tàu, từ ngày vào quân trường tôi giờ không có ai vào thăm cả. Quí ôm súng tới phòng tôi than:

— Vậy là ăn Tết trong quân trường rồi. Tôi nhớ nhà quá.

Tôi chỉ cười cười vì không biết phải nói với Quí ra sao. Trong khi tôi đã thực sự đứng đưng trước tin đó, thực sự muốn có những ngày bình yên không bận rộn, dù rằng có lẽ tôi bắt đầu nhớ thành phố từ chiều này, lúc ngồi trong rừng cao su nhìn những chiếc lá cuối năm rụng đầy trên mặt đất.

Vũ im lặng ngồi nhai bánh mì. Tôi im lặng ngồi lắng nghe những cơn gió rít trên hàng Dương. Đêm chụp xuống chung quanh, như những vòng rào thép gai ngăn chúng tôi lại trong này. Một nơi thật xa cách với thành phố bên ngoài. Ngày mai, ngày cuối cùng của một năm. Khi mặt trời ngã xuống với bóng chiều phai là lúc mùa xuân đặt những bước đầu tiên tới. Những ngọn cây trên đầu

tôi sẽ trở lá xanh. Tôi cũng sẽ có một đầu ngày để suy nghĩ, để tự bằng hoàng với chính mình trong một thứ không khí giao mùa của đất trời. Vũ móc thuốc ra hút, mùi diêm sinh phất nồng bên mũi. Tôi chợt nghe trong gió có thoảng mùi hương hoa vừa mới nở bên rào thép gai.

— Ngày mai cậu làm gì ?

— Tôi đang nghĩ có nên viết một bức thư không ?

— Còn viết thư được là còn yêu đời đấy. Từ lâu tôi không còn viết một bức thư nào, cho ai. Ngày mai tôi không có việc gì làm cả.

— Viết một bức thư vào ngày cuối năm để nghĩ rằng mình đang còn sống và đợi chờ một năm mới.

Tôi nghe Vũ cười nhẹ một cái. Có tiếng cành cây rớt trên mặt đất, trong bóng tối tôi không nhìn thấy được cành cây đó. Nhưng chắc chắn nó rớt đâu đây, có thể là ngay trước mặt tôi. Vũ mới tiếp diêm thuốc khác, tôi cũng rút một diêm châm lửa. Hơi thuốc lẫn vào hơi thở, hâm nóng lại buồng ngực cho tôi không nghe thấy gió lạnh của đêm cuối năm về trên hàng cây. Tôi đang nghĩ về bức thư có thể sẽ viết vào sáng sớm ngày mai. Một bức thư gửi cho Phương TH. chẳng hạn. Chắc chắn khi bức thư về tới thành phố, mùa Xuân đã qua mất rồi. Và tôi cũng đã qua hết những ngày thanh thoi hiếm hoi trong đời mình. Lại bắt đầu ôm súng, mang đạn, chiếc nón sắt nặng chịch sẽ lại chụp lên đầu tôi, sẽ lấp lư. Và tôi như một hình nhân đứng lưu thân từng sớm mai có sương mù trên cánh đồng khô ngoài bãi tập. Vài người đi qua chỗ chúng tôi ngồi, họ lại nghĩ tới mấy ngày nghỉ Tết, mong gặp lại gia đình sáng ngày mai. Có một người mang chiếc Radio nhỏ theo trong người. Tôi nghe một bài hát sửa soạn cho mùa Xuân. Giọng ca vào lúc nửa đêm gọi lên một sự thúc bách kỳ lạ. Bất chợt tôi nghĩ đến hàng cây trên một con đường nào đó. Hẳn cũng mang một nỗi chờ đợi như người bên ngoài thành phố đang trông ngóng mùa Xuân. Trong số có chắc chắn có em, phải không Phương TH.?

từ kẻ tường

TRẦN DOãn NHO

ngút ngàn

Qua khỏi khu phố chợ khá rộn rịp của vùng ngoại ô, và cái đồn lính có thép gai rào chằng chịt, xe đồ bắt đầu đổ dốc. Hai bên đường, nhà cửa đã bắt đầu thưa thớt. Những đồi thông xanh xuất hiện trong tầm mắt. Xướng hết dốc, xe lại bắt đầu nặng nề lên dốc. Buổi chiều không nắng, rơi mành mang trong cây lá, trên con đường vắng lặng. Phía xa, rừng núi xanh um, mập mờ, ần ần. Nguyên ngồi thật im, trí nhớ thả lỏng, bay đầy những hình ảnh mơ hồ. Ngày tháng dồn lại trong một quả khứ chơi vơi, nhạt nhòa. Thỉnh thoảng, Nguyên kéo cổ áo lên lên túm lại ở đằng trước. Mấy ngày trở lại đây, trời không mưa, mặt trời có lúc lấp ló, nhưng cái lạnh cắt da cắt thịt vẫn còn thấp thoáng đâu đó, ngày ngày. Những người ngồi trong xe chừng như đều muốn ngồi khít bên nhau, lặng lẽ. Bên ngoài cũng lặng lẽ. Con đường về vùng núi lên dốc xuống dốc chập chùng. Buồn. Những ngày cuối năm dễ mang lại thứ cảm giác xao xuyến kỳ quặc. Nguyên cúi xuống, tần ngần lấy guốc chà nát mấy cái vỏ đậu phụng ở sàn xe. Lúc ngẩng lên, Nguyên bắt gặp nụ cười của người đàn bà ngồi ở băng đối diện. Tự dưng, Nguyên cũng mỉm cười. Xe đến một ngã ba, quẹo về phía mặt. Đàn Nam Giao quanh quẽ. Đường ở bên kia dẫn về Đông Thiên An, vắng thật vắng. Những cây thông xanh ngát đã xuất hiện hai bên đường. Những người trong xe thò đầu nhìn

ra ngoài, chỉ trừ người đàn bà trước mặt Nguyên vẫn ngồi im. Khi bà ta đưa tay sửa lại đầu tóc, Nguyên mới để ý thấy vành tang trắng quấn trên đầu ần sau chiếc khăn choàng ẩm. Thấy Nguyên nhìn chăm chú, người đàn bà lại cười, nụ cười nửa như có vẻ tự nhiên nửa như muốn tạo một thân mật. Chợt Nguyên thấy thông cảm sâu xa nụ cười là lạ đó. Nguyên muốn hỏi người đàn bà một câu, nhưng lại thôi. Nguyên kéo cổ áo lên lên nhìn ra ngoài. Sương mù loang loáng ở đám thông xa. Những con đường mòn đất đỏ ngoằn ngoèo, lạnh tanh, dẫn xuống những căn nhà đầu ở phía dưới, khuất sau cây lá. Sao buồn quá thế này?

Xe bắt đầu đến một khoảng đường bằng. Mấy căn nhà ở bên đường mới sơn phết lại. Sửa soạn làm gì ở những vùng vắng vẻ như thế này nhỉ? Người tài xế chợt nói lớn:

— Gần đến cầu Lim rồi. Đi xuống cầu Lim không?

Nguyên hơi giật mình, đưa tay vuốt lại mái tóc và cầm cái xách ny lông, nhìn phía trước. Người đàn bà lại nhìn Nguyên cười lặng lẽ. Nguyên:

— Cho tôi xuống đây.

Nguyên hấp tấp đứng dậy, nhìn người đàn bà cười nhẹ tỏ ý chào. Khi Nguyên bước đến gần, người đàn bà hỏi:

— Có đi thăm mộ ở đây à?

Nguyên dạ thật nhỏ. Xe ngừng. Nguyên quay lại hỏi người đàn bà:

— Rứa bác cũng đi thăm mộ?

Người đàn bà gật đầu, nói nhanh như thể đã muốn nói từ lâu:

— Thăm mộ đưa con tui. Hắn chết năm ngoài, chết mồng ba Tết. Âm thanh nặng nề của chữ chết thoát ra miệng người đàn bà làm Nguyên chợt rung mình. Nguyên gật đầu chào một lần nữa rồi hấp tấp bước xuống xe. Xe từ từ chạy. Nguyên nhìn theo thấy người đàn bà vẫn hướng về phía Nguyên. Nguyên ghé vào cái quán nhỏ bên đường mua mấy thẻ nhang. Bà cụ già nhìn chăm Nguyên:

— Đến bữa nì, cô mời đi thăm mộ lặn?

— Dạ, mấy bữa trước cháu định đi, nhưng mà nghỉ phải lên đây, cháu thấy buồn quá mẹ à!

— Cô đi thăm mộ ai rứa?

• Nguyên đáp nhanh như thật:

— Dạ, cháu thăm mộ người anh bà con.

Bà cụ chép miệng nói tội nghiệp. Nguyên chào bà cụ rồi đi. Đến con đường mòn chạy sâu vào trong, Nguyên tần ngần bước chậm lại. Đến lúc này, Nguyên mới thấy lòng mình xao động mạnh. Lối mòn hoang vu này dẫn Nguyên vào nơi yên nghỉ của Xuân đó sao? Lối mòn quanh năm chắc chỉ ghi dấu những bước chân lạnh lùng, thẫm lặng. Lối mòn đưa mỗi người đến những gặp gỡ không hình không dáng, đến những thôn thức ứ trài có ai rình rập ở chung quanh đây? Có biển cổ nào chợt xảy ra làm nổ bùng cái khung cảnh cảm nín vô lý nào? Nguyên hoang mang nhìn quanh. Cây lá lay động. Một tiếng sùng có thể bất chợt nổ lên hay một bóng người lạ hoặc có thể xuất hiện bất thần sau đó với đôi mắt dọa nạt? Nguyên băn khoăn nghĩ tại sao không r thẳng Thảng đi. Tại sao Nguyên lại nhất định đi một mình. Buộc hện hồ này đâu cần phải có người thứ ba! Vì người thứ hai vốn chỉ là một đôi đất nhỏ bé, tròn trĩnh và những hòn sỏi cộng với một hoài vọng mù mờ. Đôi mắt cay cay. Nguyên đưa tay chạm mắt, bước nhanh. Người đàn ông già đang quét sân, nhìn thấy Nguyên, vội bỏ chổi đi ra. Ông ta lên tiếng:

— Cô, bữa nọ cô mới lên thăm mộ hả? Tưởng cô đi ở xứ mới rồi chứ. Cái mộ đó tui mới vun thêm đất hôm qua. Chào, mấy bữa trời mưa dầm, đất nó trôi hết. Cách đây chín mươi hôm, người nhà cô lên thăm thấy không có cô tui tính hỏi, mà quên mất.

— Dạ, cháu cảm ơn chú. Chút nữa, cháu ra nói chuyện với chú sau.

Nguyên bước đi. Qua khỏi cổng tre, Nguyên đã nhìn thấy ngôi mộ của Xuân nằm đó. Nguyên bàng hoàng. Những năm mộ khác lạnh lùng, quanh quẽ, có năm đã được vun quén lại, có năm cỏ mọc xanh, chứng tích của sự bỏ quên, một bỏ quên tâm thường, vô tội mà buồn bã. Những ngọn cỏ nhỏ bé lay động ngu ngơ. Những sự sống nằm trên sự chết. Những khai sinh nằm trên cái tàn rủa, tiêu hủy. Những hiện diện vấy phủ những vắng mặt muôn thuở. Sự nối tiếp tình cờ, hợp lý và khó hiểu. Nguyên dừng lại, đứng yên, mắt như mờ đi. Một lát Nguyên mở ví xách lấy cái khăn tang trắng buộc quanh đầu. Em tâm thường như thế này đây Xuân. Em chỉ quấn khăn tang tại đây, với anh trong chiều

nay. Trước khi đến đây, em đã dấu nó, vì em không muốn người ta biết em đang nhớ anh. Và em sẽ bỏ nó vào trong ví khi em trở về. Nhưng khăn tang là gì Xuân nhỉ? Nguyên bước về phía mộ Xuân, Nguyên ngẫm nghĩ lang bang, và lại gỡ vội chiếc khăn tang bỏ vào trong ví xách.

Đến trước mộ Xuân, Nguyên đặt ví xuống đất, ngồi trên tảng đá cạnh đó. Ngôi mộ chắc đã được người đàn ông đắp thêm đất sửa sang lại. Ngôi mộ tròn trĩnh với những hòn đá nhỏ lấm lộn trong đất. Cách đây nửa tháng hẳn cỏ cũng mọc đầy trên đây như mấy năm mộ đằng kia. Hôm trước, bên nhà Xuân có cho gọi Nguyên cùng đi thăm mộ Xuân và « chạp mã » luôn, nhưng Nguyên từ chối viện cớ bận. Nguyên chỉ thích đi một mình như thế này. Một mình để ray rức nhớ tiếc. Một mình để tưởng tượng về một cuộc hẹn hò, dù là thứ hẹn hò mù mịt, quanh quẽ. Nguyên vuốt tóc ra sau gáy, nhìn sừng tấm mộ bia, Trần văn Xuân. Trần văn Xuân, tên anh đó hả? Anh đã mất hết, chỉ còn một cái tên cộng thêm vài giòng chữ ngày tháng sinh khắc sâu trong đá có tô thêm màu đỏ. Thế này sao? Trong trí tưởng Nguyên, Trần văn Xuân trở về bằng một hình tượng nhòe nhoẹt. Nguyên cúi mặt úp trong lòng hai bàn tay, mơ hồ nhớ từng dáng nét của Xuân. Bàn tay Xuân cầm chặt tay Nguyên trong đêm tỏ tình đầu tiên gây cho Nguyên một cảm giác xôn xao kỳ quặc. Cảm giác đó giờ như trở lại trong Nguyên thật đầy. Bàn tay Xuân nóng ấm, có những đường gân xanh. Bàn tay đã thận trọng, dò dẫm trước khi nắm chặt bàn tay Nguyên đưa Nguyên đến tuyệt đỉnh xúc động. Sau giây phút đó, trên chiếc ghế đá mát rượi của công viên trước trường Đồng Khánh, Nguyên đã thực sự cảm thấy cuộc đời vừa bắt đầu, kỳ tuyệt như những vì sao run rẩy trong sâu thẳm của bầu trời đêm. Giờ còn gì nữa. Bàn tay đã rời rã thành những đốt xương khô vô nghĩa trong lòng đất. Cả những ngón chân, cả khuôn mặt, cả dáng nét, cả nụ cười, cả vòng tay ngọt ngào, thân thiết. Hôm đào xác Xuân, Nguyên đã đứng lặng người chứng kiến sự rời rã đó. Mặt Nguyên đã mở thao láo nhìn người ta moi xác Xuân lên, rũ trong bộ đồ lính ra những khúc xương li lợm đen đui ở móng cầu Nam Giao, rồi gói vào những tấm giấy trắng. Khi được tin Xuân bị bắt đi mất tích, Nguyên đã khóc ngất. Khi được tin người ta kiến

thấy xác Xuân, Nguyên cũng đã khóc ngất. Thế mà khi đứng trước tấm thân rời rã của Xuân, Nguyên lạnh lùng, bình thản đến mất cả cảm giác. Ba người lính vừa xót một khoảng cổ, Nguyên đã thấy một đôi giày ló lên. Anh Xuân như thế đó sao? Nguyên khần cầu trong lòng đó không phải là Xuân.

Đến khi tấm thẻ căn cước, tấm khăn có thêu hai chữ XN, tấm hình, Nguyên vàng vọt được lục ra từ trong túi áo của xác chết, Nguyên mới sững sờ, ngây ngất. Sợ Nguyên xấu người ta đã kéo Nguyên đi chỗ khác. Nhưng Nguyên không chịu, Nguyên đến bên móng cầu tỉnh bơ nhìn ba người lính đào xới. Bên chiếc giày và bộ đồ lính, không có Xuân. Chỉ có cái đầu lâu với những lỗ hổng, những xương tay, xương chân, xương sườn. Trời ơi, Xuân đó sao? Xuân vụn rời, Xuân tàn rữa, rụng rời. Nguyên đứng vòng tay lại. Tấm hồn Nguyên như bay chơi vơi ở một không gian mù mịt nào. Mắt Nguyên ráo hoảnh như chưa hề có nước mắt. Có tiếng réo gọi thảng thốt xa xăm từ một nơi nào vọng lại. Nguyên choảng vảng cả người? Đồng xương của Xuân được bọc lại bỏ vào hòm và được khiêng lên trên chiếc xe quân sự. Một lá cờ phất lên, Nguyên thân thờ leo lên xe, mắt đăm đăm nhìn về một phía và không thấy gì hết.

Nguyên ngẩng mặt lên. Nước mắt đã nhòe. Hai bàn tay đã ướt. Nguyên lấy khăn chấm nước mắt. Chiếc bia mộ với những giòng chữ son đỏ nhẩy múa, buồn thiu. Nguyên lấy mấy cây nhang đặt lên cắm trước mộ Xuân. Mùi hương thoang thoảng và làn khói quện tròn làm Nguyên bình tĩnh lại. Nguyên nhìn quanh. Trong đám lau sậy bên kia có khuôn mặt nào đang ẩn dấu nhìn Nguyên không? Buổi chiều lạnh trên khu nghĩa trang. Nguyên kéo cổ áo lên lên và chột rùng mình. Nguyên lục ví lấy chiếc hình chụp bán thân của Xuân ra nhìn ngắm. Nước mắt chảy dài trên má. Đôi môi của Xuân như có vẻ muốn cười. Đôi mắt Xuân thật tinh nghịch. Tường Nguyên, Tường Nguyên... Nguyên nhắm mắt lại, úp hình Xuân giữa ngực. Âm thanh réo gọi mệnh mang vang vọng trong Nguyên, đập chùng thảm thiết. Âm thanh như thoát lên từ một cõi im vắng, khô cạn. Buổi sáng trông anh trên đường. Buổi chiều chờ anh trước cổng trường. Hôm nào giận anh, em bỏ đi trước. Tiếng gọi của anh ở sau buồn rầu, ân hận. Nguyên, Tường Nguyên. Không, em không nghe đâu, anh phải đến năn nỉ, van lơn em mới chịu. Tối mong

một tết, anh còn đến nhà năn nỉ gọi Tường Nguyên, Tường Nguyên từng giận anh nữa. Phải chi tối đó anh khoan về ! Phải chi anh đừng vội vã nghe lời kêu gọi của họ mà mặc nguyên áo quần nhà binh đi trình diện ! Nguyên buông lỏng tay. Tấm hình Xuân rơi xuống đất. Nguyên lượm lên bỏ vào trong ví. Những cây nhang đã cháy gần hết. Nguyên đứng trước mộ Xuân chấp tay vái, rồi yền lặng. Bộ quần áo đen của Nguyên hiện rõ trong khu nghĩa trang im vắng, quạnh quẽ. Có tiếng con chim sẻ kêu chiêm chiếp đầu đó thật gần. Nguyên xách ví bước đi. Nguyên vào nhà người đàn ông nói vài câu cảm ơn. Người đàn ông xuýt xoa nói :

— Tội nghiệp. Cô chừng ấy tuổi mà đã góa chồng.

Nguyên nói nhỏ :

— Dạ, tụi con mới làm lễ hỏi.

— Ủ, thế hồi rồi cũng như đã nên vợ nên chồng.

Nguyên đưa cho người đàn ông trăm bạc rồi chào ông ta, bước đi. Con đường mòn lạnh tanh, buồn bã dẫn Nguyên rời một cuộc hẹn hò đơn độc. Ra đến đường, Nguyên đón xe đò về Từ Đàm, sau đó lên xe lam về phố. Những đôi thông xanh, những im lìm hoang vắng đã lùi lại đằng sau cùng với nắm mộ Xuân tẻ lạnh. Dốc Nam giao thật dài. Nguyên ngồi chum hai chân, hai bàn tay đặt lên đầu gối trong một dáng co ro. Trí óc Nguyên vẫn còn những giòng chữ son đỏ trên tấm bia nhẩy múa. Nghe xe sắp xuống hết dốc, Nguyên ngẩng đầu dậy, đăm đăm nhìn chiếc cầu gãy đổ hiện dần trước mặt. Xuân đã từng nằm ở đó với bộ đồ lính và những đốt xương trơ trụi. Một cảm giác tê tái đột ngột làm Nguyên run lên. Nguyên quay mặt nhìn phía khác, cố tưởng tượng một hình ảnh nào đó không rõ nét. Tuấn. Tuấn với nỗi khao khát kỳ lạ, hiện rõ trên khuôn mặt. Tuấn đó, sự thực đó Nguyên. Còn gì mà cứ phải mãi miết hoài vọng về một dĩ vãng mù mờ ! Nguyên nhìn những người đi đường và chột xôn xao. Xe chạy dọc theo bờ sông An Cựu. Giòng nước trong xanh, lững lờ. Giòng nước bình yên êm ả quền bằng cả ngày tháng. Một năm qua đi như mơ. Một năm rồi, những cái vô nghĩa đã trở thành hợp lý. Xe ngừng để đón khách và chạy quẹo qua cầu. Gió lạnh luồn vào xe. Nguyên khép hai đầu gối lại, cố tưởng nghĩ một niềm vui. Nổi ân hận gợn lên, thoáng qua nhanh, Nguyên lấy « bản đồ »

bước lại đầu tóc. Đường Lê Lợi thênh thang. Hàng cây bên đường đã rụng gần hết lá. Những cánh áo len bay lượn bình thản. Đến cầu Tràng Tiền, xe ngừng lại đợi đèn xanh. Những đoàn xe bên kia cầu nối đuôi chen chúc chạy qua. Một lát xe lam rú mạnh leo lên chiếc vải gỗ tạm bợ, giữa cầu. Cái vải gỗ thô kệch, lì lợm đó là chứng tích lơ lửng còn lại của những ngày biến cố trong thành phố. Cầu Tràng Tiền sáu vải mười hai nhịp bây giờ trông hết sức gàn dở. Một ngày phải đạp xe qua lại cầu vải lần, nhìn cái vải gỗ, Nguyên cảm thấy tiếc nuối ảm ức. Trong những ngày mưa dầm dề, cầu Tràng Tiền hằm im lìm, buồn đến không chịu được. Qua khỏi cầu, xe quẹo về phố. Phố xá những ngày cuối năm rộn rã, dập diu. Một năm qua rồi đó. Những vết mờ mờ, nám đen của các căn phố vẫn còn, nhưng dường như không đủ gọi lại đậm đà những tang thương cũ. Tự dưng, Nguyên mỉm cười vu vơ. Xe dừng lại Nguyên trả tiền, hấp tấp leo xuống. Nguyên lục ví tìm lược chải đầu. Chiếc khăn tang trắng dần lại một chỗ. Nguyên nghe lòng xao động. Nhưng còn gì mà phải hoài vọng mãi miết về một dĩ vãng mù mờ! Nguyên đi dọc theo hè phố. Những nụ cười chào, những cái vẫy tay thân quen. Nguyên bỗng thấy muốn chào hỏi tất cả mọi người. Họ đó, còn ở trước mặt, còn ở chung quanh. Họ còn mở môi, còn liếc nhìn, còn vẫy tay. Phải chăng nên trở lại với đời sống và quên đi nỗi chết hoang vắng âm u? Khu nghĩa trang quanh hiu với năm mộ Xuân tròn trĩnh bỗng trở lại đột ngột trong trí tưởng. Nguyên cần môi nghĩ đến sự quên lãng chóng vánh của con người. Mọi người đó, còn ai đang nhớ đến những người đã vĩnh viễn rời bỏ họ, rời rã trong lòng đất? Còn ai thân quen còn nhớ đến Xuân? Nguyên đột ngột ân hận. Bước chân Nguyên chùng lại.

Tường Nguyên, Tường Nguyên. Tiếng gọi reo vui của một người. Nguyên nhìn về phía tiếng gọi. Tuấn. Tuấn dừng xe lại bên lề đường nhìn Nguyên cười tươi. Nguyên cũng mỉm cười. Một niềm vui vừa chợt trở lại, xóa nhòa nỗi buồn khòàn. Tuấn nhìn Nguyên dăm dăm, khuôn mặt rạng rỡ như bình minh. Sự thực đó mà Nguyên! Tuấn xuýt xoa:

— Chà, Nguyên lại mặc áo đen nữa. Đã đẹp đã buồn lại càng đẹp với buồn hơn.

— Gặp anh lúc nào cũng nghe được chừng đó. Bộ Nguyên không biết anh đang mĩa Nguyên hả?

Tuấn dựng xe lại, đến đứng trước mặt Nguyên:

— Ai dám mĩa Nguyên. Anh thấy sao anh nói vậy mà. Nguyên ghì đi đâu vậy?

Nguyên định nói thật là đi thăm mộ Xuân, nhưng lại thôi. Nguyên cười nhẹ:

— Chẳng định đi đâu cả. Ở nhà buồn buồn, Nguyên mặc áo quần đi xem thiên hạ sắm Tết...

— Nguyên không sắm Tết sao?

— Thôi, Nguyên ngán lắm. Như năm ngoài, sắm được bao nhiêu phải bỏ lại bấy nhiêu mà chạy. Nghĩ lại còn rùng mình. Bộ anh chưa ngán hả?

Tuấn nói, giọng quả quyết:

— Anh chắc là không thể có thêm một lần thứ hai nữa đâu.

Nguyên im lặng sửa lại cái «băn đờ» trên đầu tóc. Có bất trắc nào được biết trước đâu? Mong một Tết còn đi chơi với Xuân, tối mong một còn nghe Xuân gọi Tường Nguyên, thế mà sáng hôm sau tất cả đều mất hút, vụn nát. Nguyên nhìn Tuấn, cổ cười thật tươi:

— Thôi, bỏ qua chuyện đó. Bây giờ anh đi đâu?

— Đi lang thang như Nguyên vậy. Gặp Nguyên mừng ghê đi.

— Thật không?

— Thật chứ sao lại không.

Bây giờ, anh đưa Nguyên đi chơi nhé, chịu không?

Một tia vui đã thấy trong mắt Tuấn. Tia vui chạy nhanh trên khuôn mặt và vỡ thành nụ cười:

— Nguyên không đùa bỡn với anh chứ.

Giọng Tuấn nửa xôn xao, nửa dè dặt. Nhìn thái độ của Tuấn, Nguyên bỗng cảm thấy thích thú. Nguyên đang cố tạo một nỗi vui tạm bợ để khỏa lấp một hình ảnh hay đang thực sự đón nhận một sự bắt đầu mới mẻ? Chút băn khoăn vụt tan biến khi Tuấn mời Nguyên lên xe. Nguyên ngồi sau Tuấn. Có ai thân quen đang trở mắt nhìn Nguyên và nghĩ về Nguyên với những ý tưởng không đẹp? Người ta sẽ cho rằng Nguyên quá vội vã khi bắt đầu một cuộc tình mới? Cũng không sao. Mỗi người có một tư riêng. Trong

những giờ phút nào đó, mỗi người có quyền bất chất tất cả để sống với tư riêng của mình chứ. Nhưng tư riêng của Nguyên như thế nào đây? Là những niềm vui tình cờ khỏa lấp dĩ vãng? Hay là nỗi băn khoăn giữa một năm mờ lạnh và một nụ cười vui? Nguyên vụt bật cười:

— Đi đâu bây giờ anh Tuấn?

— Anh cũng đang định hỏi Nguyên đó.

Nguyên cò làm ra vẻ nghiêm nghị:

— Nguyên cho phép anh đưa đi bất cứ đâu.

Tuấn cười rú xe chạy. Nguyên ngồi cách Tuấn một khoảng nhỏ, một khoảng nhỏ cần thiết. Tuấn cho xe chạy nhanh khỏi phố. Tuấn quay đầu lui nói:

— Thực tình, anh chẳng biết phải đi đâu bây giờ.

Đi đâu? Nguyên cũng không hiểu rõ mình đang muốn đi đâu và để làm gì.

Giữa khuôn mặt khao khát cùng với những bày tỏ nhiệt liệt của Tuấn và nỗi vui tình cờ của Nguyên khi gặp Tuấn vẫn còn một khoảng cách. Từ lâu, Tuấn vẫn chưa dám vượt qua. Còn Nguyên, ngay cả bây giờ, Nguyên không thấy mình nôn nao chờ đợi chi hết. Tuấn, sự thực trước mắt Nguyên đó. Nguyên gặp Tuấn trong ngày đưa đám Xuân. Những an ủi, những sẵn đón của Tuấn lúc đầu thực vô nghĩa. Nhưng dần dà, chúng làm Nguyên xúc động. Cho đến một lúc nào đó, Nguyên mơ hồ nhận ra sự hiện diện của Tuấn bỗng có một ý nghĩa đối với Nguyên. Có lúc, Nguyên đã quên bằng Xuân đề rồi sau đó nghĩ lại, Nguyên ân hận, vui mình vào những nỗi tiếc ray rứt. Nhưng Tuấn vẫn có mặt quanh Nguyên. Những buổi sáng, những buổi chiều. Những biểu tỏ nhẹ nhàng, dè dặt, nhưng tha thiết. Như hôm nay, Nguyên đã một mình đi kiếm tìm những hình ảnh cũ để được xót xa. Và khi trở về lại gặp Tuấn. Tuấn, tôi đang lợi dụng anh để quên hay thực sự là tôi muốn dứt khoát quên hẳn để lại bắt đầu?

Tuấn chạy xe vào Thành Nội, qua những con đường vắng và buồn, rồi lại chạy ra phố, qua bên kia cầu Tràng Tiền. Buổi chiều lơ đãng, mệnh mang. Những câu chuyện bằng quơ, nhập nhằng, dứt

khúc. Nguyên cảm thấy mệt mỏi, nhưng không muốn về. Những điều Tuấn nói bỗng không còn gây cho Nguyên một thích thú nào nữa. Nguyên cảm thấy lạnh. Tâm hồn Nguyên chừng như bay ở một vùng sương khói nào. Một buổi chiều qua đi. Tết sẽ đến. Có gì sẽ xảy ra nữa không? Tuấn im lặng một lúc lâu. Tuấn đang nghĩ gì? Trù tính bày tỏ những lời tha thiết mới bạo dạn hơn và rõ ràng hơn? Hay đang chán mẫn vì thái độ của Nguyên. Buổi chiều thấp xuống, tàn dần. Qua khỏi Ty Bura Điện, Tuấn chạy xe chậm, rẽ vào một con đường nhỏ, dừng lại. Tuấn nói:

— Đi đâu nữa Nguyên? Nguyên mệt chưa? đã muốn về chưa?

Nguyên im lặng, suy nghĩ. Một lát, Nguyên đáp:

— Về cũng được mà đi nữa cũng được.

Tuấn quay nhìn Nguyên cười:

— Tội mình vào quán nước gần đây nhé. Nguyên chịu không?

Nguyên gật đầu. Tuấn dựng xe, đưa Nguyên vào một quán nước đơn giản, vắng người. Tuấn uống cà phê. Nguyên uống nước ngọt. Tuấn im lặng nhìn vợ vẩn, thỉnh thoảng cảm lý cà phê xoay xoay trên bàn. Nguyên hợp từng ngụm nhỏ nước, nghĩ bằng quơ về những ngày tháng buồn vui, những hạnh phúc đến và mất hút, những chờ đợi buồn bã. Sao Tuấn không nói gì đi Tuấn? Tuấn nhìn thẳng vào Nguyên khuôn mặt thấp thoáng những nét buồn. Một lát, Tuấn thở ra, rồi nói:

— Đời sống nhiều khi bị dĩ vãng ám ảnh quá hủ Nguyên. Có những điều mình muốn nói lại không nói được. Có những việc muốn làm cũng không làm được. Nguyên có nghĩ như vậy không?

Nguyên cười nhẹ:

— Cũng có thể đó, anh.

Khuôn mặt Tuấn chừng như trầm xuống Nguyên bỗng thấy tội nghiệp cho Tuấn, tội nghiệp cho mình. Dĩ vãng thì ích gì mà người ta cứ bị dày vò mãi miết? Tuấn hợp một ngụm cà phê, nói:

— Hồi chiều mới gặp Nguyên thấy vui quá sức. Bây giờ lại thấy buồn.

— Đi với Nguyên anh buồn hả?

— Không, có lẽ vì thấy Nguyên buồn.

Nguyên cảm thấy xúc động. Buồn thật. Những niềm vui tình

cờ qua mau. Mỗi người ưa thích trở lại với chính mình, ray rứt. Một thủ đau thương. Tuấn đứng dậy trả tiền rồi rủ Nguyễn đi. Bóng tối đã phủ xuống. Bây giờ, Nguyễn mới chợt cảm thấy mình hơi liêu lỉnh. Hai người đi sát cạnh nhau. Trong một thoáng, Nguyễn nghe trong lòng xao động. Một cảm giác lạ hoắc chạy dài trên cơ thể. Tuấn bỗng nắm bàn tay Nguyễn. Nguyễn đề yên. Bàn tay lạnh đang bóp nhẹ những ngón tay Nguyễn. Nguyễn bỗng đột ngột nhớ đến bàn tay nóng ấm của Xuân. Bàn tay đã đưa Nguyễn bay vút lên cao, kỳ diệu của một buổi hẹn hò nào. Xuân, Xuân đó sao ? Nguyễn giật mình rút ra khỏi tay Tuấn. Nguyễn cúi đầu xuống, bước thật chậm, tâm hồn mèn mèn mang. Tuấn im lặng. Có một cái gì rơi hẫng đầu đó, không hình dạng. Một cái gì tan vỡ thật nhẹ, buồn. buồn. Nguyễn kéo cổ áo lên lên rùng mình. Âm thanh một tiếng gọi xa xăm vang vọng. Như một gọi dậy tha thiết. Như một hoài vọng ngút ngàn.

trần doãn nho

HUỲNH PHAN ANH

tâm gương

Hắn nghĩ sao mà bảo chàng tiểu tụy. Chàng tự hỏi có quá thật như vậy, tự hỏi mặt mày người ngợm mình trông có tệ hại lắm không, tự hỏi có phải mình đang thời suy yếu, a !, những thời suy yếu của (cơ thể) chàng, với chứng bệnh cũ tái phát, tìm cách trở về sau những ngày xa vắng, quên lãng, trở về, như một người bạn hay một người tình chung thủy, trở về, như một âm ảnh đã biến thành định mệnh đã ràng buộc từ thuở nào với thân hình yếu đuối, eo uột của chàng. Chàng đã cười với hắn, một cách đánh tan nỗi nghi ngờ của hắn, lắc đầu lia lịa, vừa nói, không, không, vừa nói có gì đâu, rồi lại cười, rồi lại bắt sang chuyện khác. Chàng vẫn không thích nói về sức khỏe của mình, chàng vẫn khó chịu mỗi khi thấy kẻ khác lộ vẻ lo lắng cho mình quá đáng. Nhưng điều chàng không ngờ là câu quả trách của người học trò cũ, từ bao giờ đã trở thành một người bạn trẻ thân thiết của chàng, sẽ tiếp tục ám ảnh chàng sau đó, vang dội bên tai chàng không ngớt, như một lời nhắc nhở, đùa cợt, trêu tức : mi vẫn là thằng người bệnh hoạn, mi quên rồi sao ? Bệnh hoạn. Chàng khẽ rùng mình, ớn lạnh, kỳ lạ, chàng tưởng chừng đang đứng trước một sự thật hãi hùng, đang thắm đẫm trong một bầu không khí tẻ nhạt, chết chóc, và trong một giây phút sửng sờ chàng nghe tay chân rũ liệt, tâm hồn bại hoại, đó là thử tình cảm ê chề của một kẻ đang bập bênh giữa hai trạng thái trái ngược của tỉnh và mơ, bóng tối và ánh sáng, vô vọng tìm cách tẩu thoát. Có thể hắn nói đúng. Chàng bắt đầu nhớ lại, nhận ra, cái gì ?, có

phải trước tiên là mở cảm giác buồn bã, ngao ngán của một tâm hồn cần cỗi với mở thói quen, với mở động tác lặp lại hoài hoài, với đời sống tri tri, ừ ừ, bất lực: một cách chào đón những ngày nghỉ đang gần kề: một cách chuẩn bị cho chính mình để kịp thích nghi với những đổi thay nhỏ nhỏ, đúng hơn, với những khoảng trống mới của một đời sống tự nó đã có quá nhiều khoảng trống, có lẽ cần phải phân phối lại thời dụng biểu cho hợp lý, cần phải có một vài dự định để thực hiện, cần phải làm một cái gì, cần phải...: đó cũng là cách tự lừa dối với chính mình để được yên ổn hơn trước những thôi thúc, những ám ảnh đang bủa vây, đang chiếm hữu lấy chàng: chàng còn lạ gì với những chứng tật lạc hậu của mình, lạc hậu không khác gì chính cuộc sống của chàng, bởi vì chàng đã không từng tự cho mình là một con người lỗi thời là gì, a!, chàng đang ở cái tuổi ba mươi của đời chàng, và chàng thấy đời mình nó không ra làm sao cả dường như chàng hãy còn quá trẻ cho quá khứ nhưng đồng thời lại quá già cho mọi thứ tương lai; ba mươi tuổi, ai dám bảo đó là cái tuổi đẹp nhất của người đàn ông, a! đâu là những ngày tươi đẹp mà chàng đã sống qua, đâu là những giai đoạn, những phút giây tạm gọi là hạnh phúc của đời chàng, và đâu là những hứa hẹn, những hi vọng đủ sức tạo cho chàng chút hơi nóng thúc đẩy chàng tiếp tục bước tới, đâu, đâu hết cả rồi, lẽ đâu chúng lại bỏ đi hết thảy, lẽ đâu chúng mất biệt, không về. Thế rồi một lần nữa chàng tiếp nhận một cảm giác đã trở nên quen thuộc của những ngày gần đây, thứ cảm giác rỗng không, tê lạnh của một tâm hồn chợt dừng sững lại, chợt trở nên xa lạ: một kẻ đứng ngoài hàng ngũ, ngoài mọi ràng buộc, ngoài mọi tương quan: một kẻ bị tống khứ, bị tước đoạt, bị lột trần. Một cảm giác, đó không chỉ là một cảm giác thông thường như lạnh, nóng..., đó chính là kinh nghiệm có tính cách quyết định, đủ tạo nên một màu sắc khác lạ mai đây gắn chặt vào đời chàng, tất cả bắt đầu từ đâu, đâu là biến cố quan trọng xô chàng ngã chúi vào trạng thái hôn mê tâm tối đó, những câu hỏi, vẫn những câu hỏi vẫn thôi thúc một cách vô vọng, bởi (chúng) không được trả lời thỏa đáng, bởi (chúng) được đặt ra không để trả lời, bởi thật ra chàng không

tim thấy một lý do nào đáng kể hay khả dĩ có thể giải thích được sự việc này, nồng nặc nọ. Chàng tự hỏi có thể gọi đó là biến cố được không, những ngày mưa đến sớm giữa một niên học hầu tàn, tuy cơ hội bàng hoàng, sờ sờ cho một tâm hồn (chàng) dường như đã quen thói lơ đãng, vâng, không chối cãi gì nữa, chàng chính là kẻ lơ đãng từ bao lâu rồi vẫn sống một đời vô tình và thần nhiên, sống như một kẻ không hề biết mình đang đi đâu, làm gì, một kẻ không hề làm chủ lấy đời mình, như một kẻ lạ mặt nào đó đang làm chủ lấy nó, như chính nó, cuộc đời đó chỉ là một cuộc đời giả ảo, vậy thì đâu là cuộc đời thật mà chàng đã từng sống qua hay hứa hẹn tìm đến. Hay là như một kẻ nào đó đã nói, cuộc đời thật là cái gì vắng bóng và chàng (kẻ đó) chưa hề sống bao giờ, chưa hề sống đời mình, dù cho trọn vẹn hay không, dù cho êm đềm hay đắng chát: tưởng tượng những hình thù mờ ảo sau khung kính nhật nhòa, trót át của một ngày mưa, tưởng tượng những chuyến đi buồn nản, tưởng tượng một cuộc đời làm nên từ những chuyến đi buồn nản đó một cuộc đời gắn liền vào những chuyến xe đò cũ kỹ, già nua không đủ tạo nên một ảo tưởng đổi thay, xê dịch, một cuộc đời không có gì để nhớ lại, kể ra cho kẻ khác nghe (đó cũng là lời thú thật của chàng mỗi khi được hỏi tới, chỉ tội cho những tâm hồn dễ tin, lầm tưởng về cuộc sống « hân có nhiều sóng gió » của chàng, đó còn là lời tự thú, câu kết luận của chính chàng trong những phút cô đơn hoặc lúc ngồi thu mình trong một góc xe đò hoặc lúc bừng tỉnh giấc trong gian phòng lạnh lẽo bát ngát của kẻ độc thân (chính là chàng), nghĩa là lúc người ta phải đối đầu với kẻ thù bướng bỉnh, ghê tởm nhất chính là mình, nghĩa là lúc người ta được ném trả về với khoảng khắc gọi là phút sự thật của mình khi mọi sự giả dối không còn mùa may hò hét) chàng không có gì để nhớ, chàng không có gì để kể, nhưng mà, mẹ kiếp, chàng luôn luôn phải nhớ và chàng cũng luôn luôn phải chuẩn bị để kể, đó cũng là sự thật thường tìm đến, trở lại với chàng trong những khoảng khắc tương tự kia và rồi chàng sẽ tự hỏi làm sao mình có thể yên ổn được đây, chàng nghĩ rõ ràng chàng là kẻ khốn khổ luôn bị

quấy rầy, và như vậy vấn đề (vấn đề ?) là làm sao chàng tìm được cơ hội (hay chính cơ hội tìm được cách đến với chàng) để từ đó trí nhớ được hồi sinh và cũng để từ đó can tràng được thối lộ.

Chàng ngồi tựa vào tường, chàng đã ngồi yên trong vị trí đó từ bao lâu rồi (buồng thả, bất động), để mặc cho người thanh niên dò xét bằng những tia nhìn kín đáo, quán nhìn ra khu bến xe Lam; nhìn ra quốc lộ, nơi những chiếc xe đỏ, những chiếc xe lô thính thoảng dừng lại rước thêm khách về Saigon, nhìn ra — bên kia quốc lộ — khu chợ chiều thưa thớt với mặt tiền nhà lồng đã rêu phong tróc lở trên đó người ta còn đọc được tên chợ bằng chữ in nổi, CHỢ BÚNG, không biết cái chợ kia được dựng lên từ bao giờ, có phải là những con số ghi nằm sáng lập đã rơi đi và người ta không buồn nghĩ tới việc lấp những con số khác (cũng như không buồn nghĩ tới việc chỉnh trang khu chợ), nhìn (tiếp tục) những bóng học trò về muộn đang đứng đợi xe đáng điệu nồn nao, lo lắng trông đến tội nghiệp (thân gái, chiều muộn...) nhìn và thính thoảng bắt gặp một cái nhìn né tránh, ngớ ngàng, sợ sệt của một đứa học trò mà chàng sẽ không tài nào nhớ rõ tên tuổi hay một lai lịch nào rõ ràng (ôi, trí nhớ ta), thật ra chàng nhìn gì, thật ra chàng tìm kiếm gì, dưới mắt chàng chỉ còn là quang cảnh tàn tạ, tẻ nhạt, buồn của buổi chiều quận lỵ: nơi đây người ta thấy mình xa cách với thành phố bao nhiêu, thành phố ở bên kia những vòm cây, những cánh đồng, những đồn bót, những cây cầu, thành phố mà chàng tự đứng thấy ngao ngán không muốn trở về, và đó chẳng qua chỉ là một tình cảm quen thuộc của những ngày gần đây, sau những giờ tan học vào buổi chiều, nghĩ tới đoạn quốc lộ sẽ đưa chàng trở về (ôi, trở về), nghĩ tới thành phố chàng sẽ đặt chân bước xuống, nghĩ tới gian phòng nhỏ chàng sẽ đẩy cửa bước vào sau khi vượt qua lối đi hẹp bên hông một ngôi nhà để tới cầu thang, sau khi bước lên chiếc cầu thang đó. Thế rồi chàng nhận ra một điều; Hưng đã đến tìm chàng khá đúng lúc, lúc chàng đang chỉ cần một cái cớ nhỏ để ở lại, không biết để làm gì, miễn là khỏi phải bước lên một chiếc xe đỏ, miễn là đêm

nay không có mặt ở thành phố. Chàng nói với hấn ở lại thì ở lại, có sao đâu. Chàng nói chàng vẫn ở lại hoài hoài cơ mà. Chàng nói vãi lại hôm nay chàng cảm thấy thế nào, một tình cảm mệt mỏi, biếng lười, cũng có thể một tình cảm rồi rãnh, cũng có thể là chàng mệt mỏi vì sự rồi rãnh quá đáng kia cũng nên, và chàng không lấy làm lạ chút nào về những tiết lộ đó: chàng đã không từng cho rằng mình rồi rãnh suốt đời là gì, a, một đời sống với lỗ hổng, những khoảng trống, một đời sống ngu ngơ chưa ra cái hình thù gì đáng kể (tại sao ta vẫn sống, tại sao ta đã có thể sống được một cuộc đời như thế, chưa hết, tại sao ta có thể tiếp tục nó...). Chuyển xe đỏ sau cùng đã rời bến, để lại một khoảng trống vắng buồn thiu, không gian cũng đã bắt đầu mờ dần trong buổi chạng vạng, đầu đây có tiếng súng tách tách (hắn là một anh dân vệ nào đó buồn buồn hấn chỉ thiên chơi), chàng nghe nhẹ nhõm, bây giờ thì dù có muốn về cũng không được nữa rồi, và có lẽ chỉ trong lúc đó chàng mới thấy rõ tính lừng khờ của mình, không có gì gọi là ổn định trong đầu óc chàng, chàng chỉ cần một thoáng để đổi thay mọi ý định dù có chắc chắn tới đâu; không gì ngăn cản được chàng tòng ra khỏi quán, nhảy phốc lên bậc cây sau chiếc xe đỏ đang sang số chạy: không gì ngăn cản được chàng trong một tác động phi lý như vậy. Chàng nghĩ, một cách tự an ủi chính mình, thôi đành vậy, ở lại cũng tốt, ấy là chưa kể hôm nay mình quả thật uể oải sau một ngày làm việc mệt mỏi. Và chàng chép miệng nói, mệt thật. Hưng nói tôi cũng thấy thầy mệt rồi. Và chàng: ừ, mệt, những ngày cuối niên học mà, hình như năm nào cũng vậy. Và Hưng, trong một nụ cười khuấy phá: tôi dư biết rồi, ai biết rõ thầy cho bằng học trò. Thế rồi, như bắt được cơ hội hấn hỏi chàng còn nhớ những ngày cuối niên khóa năm 196... (niên khóa cuối cùng của hấn), có thể nói đó là những ngày học khá đặc biệt của một lớp học khá đặc biệt, có lẽ cần phải nhớ lại, nhắc lại, kể lại những buổi học có thể nói là đáng ghi nhớ đó, những buổi học có thể đã trở thành những kỷ niệm khó quên, những kỷ niệm đẹp đối với hấn: hấn nói, dường như hấn đã nói một lần nào rồi ở đâu đó, chính trong khoảng thời gian ngắn ngủi đó hấn đã gặp một người con gái (một mối tình)

mà hẳn cho là đẹp nhất, tại sao không, khi người ta còn trẻ, quá trẻ, và cộng vào lứa tuổi đó là cái bầu không khí nồng nàn, hào hứng của mùa hè, nhất là khi người ta thừa biết mình sẽ còn nhớ mãi đến nó, mùa sau cùng của thời kỳ Trung học, nó như một lời chào đón hứa hẹn, không, nó như một bàn tay vẫy khoát tạ từ. Đó là khoảng thời gian trường sẽ tạm thời đóng cửa để sửa chữa những hư hại, đồ nát sau trận động độ xảy ra ở đó, một phần vì lý do an ninh, bọn học trò con gái được lệnh kéo sang trường nam học, một số đông vào chiếm các lớp, phòng vẫn bỏ trống, thậm chí đến thư viện, phòng thí nghiệm, nhà để xe cũng vội biến thành lớp học, một số khác, thuộc các lớp lớn, phải dọn thi, được sáp nhập vào các lớp con trai vì số lượng học trò ở đây tương đối ít; khoảng thời gian mà chàng đã phải dạy rút cho kịp đủ chương trình để bọn học trò có đủ bài vở cho kỳ thi sắp tới, chàng không nhớ rõ lý do nào đã đưa tới sự chậm trễ năm đó, cũng như những năm khác trong đời dạy học của chàng, có thể điều này đã trở thành một thói quen, một thứ kỷ luật đặc biệt hay một thiếu sót không thể nào tránh khỏi: chàng vẫn là kẻ chậm lụt, vụng về ngay trong nghề nghiệp của mình: chàng vẫn nghĩ mình khó lòng ấn định một chương trình rắn chắc để áp dụng một cách máy móc; khoảng thời gian mà chàng phải buộc bọn học trò học thêm giờ mới đuổi kịp chương trình, và chính Hưng vẫn thường nhắc đến buổi học kéo dài suốt từ sáng cho tới chiều, học trò chỉ được nghỉ nửa tiếng đồng hồ vào giữa trưa, đủ để nhai ngấu nghiền một khúc bánh mì hay uống một ly café cho tỉnh táo, riêng phần bọn con gái có lẽ vì e thẹn nên nhất định bóp bụng ở lại trong lớp chờ đến giờ học lại, báo hại chiều hôm đó khi tan giờ học, cả thầy lẫn trò đều trông phờ phạc ra mặt, mặc dù, theo lời Hưng nói, đó là một ngày học thích thú nhất của bọn học trò vẫn thích chàng, bởi vì, cũng theo lời Hưng, có thể nói chưa bao giờ chàng nói say mê như hôm đó cũng như chưa bao giờ bọn học trò đến với chàng với một thái độ trang nghiêm như hôm đó: nếu chàng biết được rằng bọn chúng đã vẽ nên trong đầu chúng một hình ảnh thế nào về chàng: cái dáng vẻ buồn bã, u tối, đơn độc ở chàng luôn là một niềm bi

ấn kỷ lạ và nhất là đáng sợ đối với chúng, chàng lẫn lộn giữa mọi người, chàng không giống ai, trông chàng không ra một ông thầy, với những tác phong có phần vượt ngoài mọi lễ thói hay khuôn khổ, chàng có thể là một người bạn của bất luận một ai nhưng đó lại là một tâm hồn bạn toát ra một vẻ độc đoán, hung dữ luôn ngăn chặn mọi nỗ lực đến gần, làm thân, không đúng, tất cả đều không đúng, chàng chỉ là một kẻ lạ mặt, như một người bạn nào đó trong một lần nào đó đã nói như vậy, câu phát biểu đã khiến chàng bật cười ngất như một đứa bé, a ha! một kẻ lạ mặt trong thành phố, giữa mọi người, trong cuộc sống: rõ ràng chàng có cảm tưởng rằng mình đang soi gương và trở mặt nhìn một thằng người lạ hoặc trong đó, và rồi chàng cho rằng người bạn kia quả thật có nhiều tưởng tượng và nhất là có tâm hồn lãng mạn quá đáng.

huỳnh phan anh

TIẾNG HÁT LÊN TRỜI

truyện dài

NGUYỄN THỊ HOÀNG

XUÂN-HƯƠNG xuất-bản

1970

tiếp theo từ trang sau

trình diễn miền Nam. Giai đoạn đó là giai đoạn qua cầu, người bộ hành chen chúc, xô đẩy, tranh giành lẫn bước — cầu có thể đổ — mà chẳng một ai biết rõ đường ngang lối dọc của phía bên kia.

Cầu nó thể đổ. Bên kia cầu có thể chỉ là bạt ngàn rừng núi hoang vu. Nhưng bên kia cầu cũng có thể là ánh sáng mặt trời giắt vàng những nẻo đường rộng rãi thênh thang. Tất cả tùy thuộc nơi người qua cầu. Người qua cầu phải cảm thấy ngay trong hôm nay một yêu cầu nhận đường hết sức tinh vi để có thể tự vạch cho mình một cách thể tiến lên minh bạch. Những công việc này mang một tầm quan trọng lớn. Và bởi ý thức được tầm quan trọng đó, nên Tòa soạn Nguyệt san Văn Đề quyết định dành trọn số báo tới — số 33 — bắt tay vào những công việc đó. Văn Đề số 33 sẽ được thực hiện với một chủ đề : Nghệ thuật trình diễn miền Nam. Nói một cách khác, Văn Đề số 33 sẽ làm sáng tỏ và cố gắng giải quyết vấn đề nghệ thuật trình diễn miền Nam.

VŨ KHẮC KHOAN

ĐÓN ĐỌC

TRONG MÓC MƯA HẠT HUYỀN

truyện

TÚY-HỒNG

XUÂN-HƯƠNG xuất-bản

vấn đề nghệ thuật trình diễn tại miền nam

vũ khắc khoan

Vấn đề được đặt ra từ một cảnh tượng phồn tạp kết hợp những ngày ngò (một đôi khi hiện diện cạnh những xuất sắc bất ngờ) — ngày ngò trong diễn xuất của diễn viên, trong xây dựng và trang trí của đạo diễn, trong bố cục và đối thoại của vở — mà người khán giả phải chịu đựng hàng ngày đối diện những màn kịch trình diễn trên màn ảnh vô tuyến truyền hình, trên sân khấu những rạp hát miền Nam và những cuốn phim Việt Nam xuất hiện lẻ tẻ trên màn ảnh những rạp chiếu bóng đô thành.

Vấn đề là tìm hiểu nguyên nhân cảnh tượng đó. Vấn đề cũng còn là cố gắng nêu lên một vài đề nghị cải thiện để có thể có một dự phóng tốt hướng tới những ngày mai của nghệ thuật trình diễn nơi đây.

Nguyên nhân ? Diễn viên thiếu khả năng diễn xuất ? Ông bầu vô lương tâm ? Soạn giả kém cỏi ? Đạo diễn cầu thả ? Hay nguyên nhân chỉ là một sự chênh lệch giữa cung và cầu, cầu thì nhiều : vô tuyến truyền hình, điện ảnh, đài phát thanh Saigon, đài phát thanh Quân đội, đài phát thanh Tự do, sân khấu đoàn Kim Chung, đoàn Thanh Minh Thanh Nga, đoàn Dạ Lý Hương... mà cung thì lại quá ít ỏi : một vài khuôn mặt diễn viên quá quen thuộc với những nét mặt, cử chỉ, giáng điệu khô cứng đóng khung thành những ước lệ, một vài tên tuổi soạn giả với những đề tài cũ rích, những lời đối thoại đã trở thành sáo ngữ, những diễn biến tình tiết đã hết bất ngờ, đã trở thành những công thức. Nguyên nhân cũng có thể là tổng hợp tất cả những khuyết điểm vừa được nêu trên. Mọi khẳng định trước khi có đầy đủ những dữ kiện trước mặt đều là võ đoán và mọi giải pháp đề nghị hấp tấp cũng sẽ trở nên không tưởng.

Tôi nghĩ rằng cái cảnh tượng phồn tạp trên, trước hết là triệu chứng của một giai đoạn vừa tới trong tiến hóa của ngành nghệ thuật